



DAVID BELLOS
Georges Perec



ĐỒ VẬT

GEORGES PEREC

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

PHẦN THỨ NHẤT

Chương I

Mắt thoát tiên sẽ trượt trên tấm thảm lót sàn màu xám của một hành lang dài, cao và hẹp. Tường sẽ là những tủ âm bằng gỗ nhạt màu có tay nắm bằng đồng sáng loáng. Ba bức tranh khắc, thể hiện, một bức là Thunderbird, người chiến thắng ở Epsom, bức kia một chiếc tàu thủy chạy bằng guồng nước, tàu *Ville-de-Montereau*, bức thứ ba một đầu tàu hỏa của Stephenson, sẽ dẫn tới một tấm trướng phủ tường bằng da được giữ bằng những chiếc vòng gỗ đen có vân mà một cử chỉ đơn giản đủ làm tuột xuống. Khi ấy thảm lót sẽ nhường chỗ cho một sàn nhà gần như màu vàng, một phần được phủ bởi ba tấm thảm dũi màu.

Đó sẽ là một buồng ngoài, dài khoảng bảy mét, rộng ba. Bên trái, trong một kiểu hốc kê giường, một đi-văng lớn bằng da đen một mỗi kèm hai bên hai tủ sách bằng gỗ anh đào đại màu nhạt ở trong là sách chồng đồng lộn xộn. Phía trên đi-văng, một bản đồ các hải cảng chiếm hết chiều dài của ván vách. Bên kia một chiếc bàn thấp nhỏ, dưới một tấm thảm cầu kinh bằng lụa được treo trên tường nhờ ba chiếc đinh đồng to đầu và sóng đôi với tấm trướng bằng da, một đi-văng khác, vuông góc với cái thứ nhất, phủ nhung màu nâu nhạt, sẽ dẫn tới một đồ gỗ nhỏ cao có chân, sơn mài màu son tối, với ba chiếc giá đỡ những đồ mỹ nghệ: những viên mã não và những quả trứng bằng đá, những cái hộp để hít, những lọ đựng kẹo, những gạt tàn bằng ngọc, một vỏ ốc xà cừ, một đồng hồ bỏ túi bằng bạc, một chiếc cốc bằng thủy tinh gọt, một kim tự tháp bằng pha lê, một bức tiểu họa lồng khung hình bầu dục. Xa hơn, sau một cái cửa nhồi chần, những bộ giá chồng lên nhau khép thành góc, chứa những hộp và đĩa hát, bên cạnh một cái máy hát chạy điện đóng kín, người ta chỉ nhìn thấy bốn cái nút bằng thép chạm đường lộn chéo của nó, và phía trên nó là một bức tranh khắc thể hiện *Cuộc Diễu Hành Lớn Trong Ngày Hội Carroussel*. Qua cửa sổ có rèm màu trắng và nâu bắt chước vải bố Jouy, người ta sẽ phát hiện vài cái cây, một bãi cỏ nhỏ xú, một khúc phố. Một tủ bàn giấy có rèm che, chất đầy giấy má, ống đựng bút, được kèm một ghế bành nhỏ có mặt bằng mây đan. Một cái giá kiểu xưa đỡ một máy điện thoại, một sổ nhật ký bằng da, một bloc-nốt. Rồi, bên kia một cái cửa khác, sau một tủ sách xoay, thấp và vuông vức, bên trên là một chiếc bình lớn hình trụ trang trí màu lam, cắm đầy hoa hồng vàng và phía trên nữa là một tấm gương thuôn dài nhận trong khung gỗ dái ngựa, một chiếc bàn hẹp kèm hai chiếc ghế dài nhỏ căng vải Scotland dẫn tới tấm trướng bằng da.

Tất cả sẽ là màu nâu, vàng đất, vàng hung, vàng: một vũ trụ các màu hơi phai, với các sắc độ được định liều lượng một cách chăm chú, gần như cầu kỳ, giữa những màu ấy bất ngờ nổi lên những vệt sáng hơn, màu cam gần như gắt của một chiếc nệm, vài tập sách lốm đốm sắc sỡ lút trong những bìa sách. Giữa ban ngày, ánh sáng tuôn vào, sẽ làm cho căn phòng hơi buồn bã, bất kể những bông hồng. Đó sẽ là một căn phòng của ban chiều. Khi đó, mùa đông, rèm kéo, với vài điểm sáng – góc tủ sách, giá máy hát, bàn giấy, bàn thấp giữa hai ghế nệm dài, những phản quang mờ mờ trong gương – và những vùng tối rộng lớn trong đó ánh lên mọi thứ, gỗ được đánh bóng, lụa nặng và sang, pha lê gọt, da mềm, nó sẽ là cảnh yên bình, đất hạnh phúc.

Cái cửa đầu tiên sẽ mở vào một phòng có sàn phủ thảm nhạt màu. Một chiếc giường kiểu Anh sẽ chiếm hết phần trong cùng. Phía tay phải, ở hai bên cửa sổ, hai giá treo hẹp và cao chứa vài cuốn sách được lấy đi lấy lại không biết mệt, những cuốn an-bum, những bộ bài, những chiếc bình, những vòng cổ, những món trang sức vô giá trị. Phía trái, một tủ gỗ sồi cũ kỹ và hai cái giá bằng gỗ và đồng đối mặt với một ghế bành cóc nhỏ căng một thứ lụa màu xám sọc mịn và một bàn phấn. Một cái cửa mở hé vào một phòng tắm sẽ để lộ những áo choàng tắm, những vòi nước cổ ngỗng bằng đồng, một tấm gương lớn có thể xoay hướng, một đôi dao cạo Anh với bao da màu lục, những lọ, những bàn chải chuôi sừng, những miếng bọt biển. Tường phòng sẽ căng vải in hoa; giường sẽ phủ chăn ca-rô Scotland. Một cái bàn đầu giường, ba mặt có nẹp hình lan can bằng đồng trổ, đỡ một chân đèn bằng bạc bên trên là chao đèn bằng lụa màu xám xịt, một đồng hồ quả lắc nhỏ hình bốn cạnh, một bông hồng trong chiếc cốc có chân và trên mặt bàn phụ dưới thấp, những tờ nhật báo gấp lại, vài quyển tạp chí. Xa hơn, dưới chân giường, sẽ có

một ghế nệm lớn bằng da thật. Ở các cửa sổ, những rèm voan trượt trên các thanh treo bằng đồng; những tấm rèm đôi, màu xám, bằng len dày, sẽ kéo nửa chừng. Trong lúc nhập nhoạng, căn phòng sẽ vẫn sáng. Trên tường, phía trên chiếc giường đã dọn cho buổi đêm, giữa hai chiếc đèn nhỏ kiểu Alsace, tấm ảnh đáng ngạc nhiên, đen trắng, hẹp và dài, của một con chim bay giữa trời, sẽ gây bất ngờ vì sự hoàn hảo hơi hình thức của nó.

Cửa thứ hai sẽ để lộ ra một thư phòng. Tường, từ trên xuống dưới, sẽ phủ đầy sách và tạp chí, và để phá sự liên tiếp của những gáy sách dày gáy sách mỏng, sẽ điểm chỗ này chỗ khác vài bức tranh khắc, những hình họa, những tấm ảnh – bức *Thánh Jérôme* của Antonello de Messine, một chi tiết của bức *Chiến Thắng Của Thánh Georges*, một nhà tù của Piranese, một chân dung của Ingres, một phong cảnh nhỏ vẽ bút sắt của Klee, một tấm ảnh màu nâu xám của Renan trong phòng làm việc của ông ở Collège de France, một cửa hiệu lớn của Steinberg, chân dung Mélanchton của Cranach – cố định trên những ván gỗ lồng khít vào các giá treo.

Hơi xích về bên trái cửa sổ và thoáng lệch một chút, một chiếc bàn kiểu Lorraine phủ một tấm lót tay có giấy thấm màu đỏ. Những bát gỗ, những ống bút dài, những bình đủ loại đựng bút chì, kẹp, cài giấy, đinh cặp. Một hòn gạch bằng thủy tinh dùng làm gạt tàn. Một hộp tròn, bằng da đen, trang trí những đường uốn lượn bằng vàng ròng, đựng đầy thuốc lá điếu. Ánh sáng hắt ra từ một chiếc đèn bàn cũ kỹ, khó xoay, chao đèn bằng thủy tinh đục màu xanh lục có hình lưỡi trai. Hai bên bàn, gần như đối diện với nhau, có hai chiếc ghế bành bằng gỗ và da, tựa lưng cao. Xích nữa về bên trái, dọc theo tường, một chiếc bàn hẹp đầy tràn những sách. Một chiếc ghế bành câu lạc bộ bằng da màu xanh vỏ chai dẫn tới những chiếc tủ hồ sơ bằng kim loại màu xám, có các hộp phiếu bằng gỗ màu sáng. Một cái bàn thứ ba, còn nhỏ hơn nữa, đỡ một cây đèn Thụy Điển và một máy chữ phủ bao vải dầu. Trong cùng có một chiếc giường hẹp, căng nhưng hải ngoại, với những chiếc gối đủ màu. Một giá ba chân bằng gỗ sơn, gần như ở chính giữa phòng, mang một quả địa cầu làm bằng may-so và bột giấy, minh họa ngây ngô, giả cổ. Đằng sau bàn giấy, che khuất một phần bởi tấm rèm cửa sổ màu đỏ, một cái thang nhỏ bằng gỗ đánh xi có thể trượt dọc theo một tay vịn bằng đồng chạy vòng cả căn phòng.

Cuộc sống ở đó sẽ dễ dàng, sẽ đơn giản. Mọi bó buộc, mọi vấn đề liên lụy của đời sống vật chất sẽ tìm được một giải pháp tự nhiên. Một bà giúp việc sẽ ở đó mỗi buổi sáng. Người ta sẽ đưa tới rượu vang, dầu, đường, mười lăm ngày một lần. Sẽ có một bếp ăn rộng và sáng, với những viên gạch vuông màu xanh lam có huy hiệu, ba cái đĩa sứ trang trí những đường uốn lượn màu vàng có ánh kim loại, những tủ âm tường khắp nơi, một chiếc bàn đẹp bằng gỗ màu trắng ở chính giữa, những ghế đẩu, ghế dài. Sẽ khoan khoái khi tới đây ngồi mỗi sáng, sau lúc tắm vòi sen, quần áo xỏ qua loa. Sẽ có trên bàn một lọ bơ bằng sành, những lọ mút quả nghiền, mật, những lát bánh mì nướng, những quả bưởi bổ đôi. Trời còn sớm. Đó sẽ là khởi đầu một ngày dài của tháng năm.

Họ sẽ bóc thư, sẽ mở những tờ nhật báo. Họ sẽ châm một điếu thuốc đầu tiên. Họ sẽ ra khỏi nhà. Công việc sẽ chỉ giữ chân họ có vài giờ buổi sáng. Họ sẽ gặp lại nhau để ăn trưa, một chiếc bánh mì kẹp hay một xâu thịt nướng tùy theo tâm trạng; họ sẽ làm một tách cà-phê ở một quán hàng hiên, rồi trở về nhà, đi bộ, chậm rãi.

Căn hộ của họ sẽ hiếm khi trật tự nhưng ngay sự mất trật tự sẽ là cái duyên của nó. Họ chăm lo cho nó phiến phiến thôi: họ sống ở đó. Đối với họ tiện nghi xung quanh sẽ dường như một thực tế được thừa nhận, một dữ kiện khởi đầu, một trạng thái của bản chất họ. Họ sẽ để tâm vào chỗ khác: trong cuốn sách mà họ sẽ mở, trong văn bản mà họ sẽ viết, trong đĩa nhạc mà họ sẽ nghe, trong cuộc đối thoại của họ được nối lại mỗi ngày. Họ sẽ làm việc thời gian dài. Rồi họ sẽ ăn chiều hoặc ra ngoài ăn chiều; họ sẽ gặp lại bạn bè; họ sẽ cùng đi dạo.

Đôi khi họ sẽ thấy dường như cả một đời người có thể trôi đi một cách du dương giữa những bức tường phủ đầy sách này, giữa những đồ vật được thuần hóa một cách hoàn hảo đến mức cuối cùng họ sẽ tin là chúng luôn luôn được tạo ra để cho mình họ sử dụng, giữa những đồ vật đẹp và giản dị, dịu dàng, sáng rõ này. Nhưng họ sẽ không cảm thấy bị xiềng chặt vào đây: có những ngày họ sẽ đi phiêu du. Không một dự án nào là không thể đối với họ. Họ sẽ không biết tới oán giận, cũng như cay đắng, ganh ghét. Vì những phương tiện và những ham muốn của họ đi đôi với nhau ở mọi điểm, trong mọi lúc. Họ sẽ gọi tên sự cân bằng ấy là hạnh phúc và họ biết cách, bằng tự do của họ, sự khôn ngoan của họ, văn hóa của họ, giữ gìn nó, khám phá nó trong mỗi khoảnh khắc của cuộc sống chung.

Chương II

Họ sẽ thích được giàu có. Họ tin là họ sẽ biết làm người giàu. Họ sẽ biết ăn mặc, nhìn ngó, mỉm cười như những người giàu. Họ sẽ có sự tế nhị, kín đáo cần thiết. Họ sẽ quên đi sự giàu có của họ, sẽ biết chẳng phô nó ra. Họ sẽ không vinh hạnh về nó. Họ sẽ hít thở sự giàu có. Những thú vui của họ sẽ mãnh liệt. Họ sẽ thích đi bộ, thơ thần, chọn lựa, đánh giá. Họ sẽ thích sống. Cuộc sống của họ sẽ là một nghệ thuật sống.

Những việc ấy chẳng dễ dàng, ngược lại là khác. Đối với đôi lứa trẻ tuổi này, không giàu nhưng thêm khát được giàu chỉ vì họ không nghèo, không có tình thế nào kém tiện lợi hơn thế. Họ chỉ có những gì họ xứng đáng được. Trong khi đã mơ tưởng không gian, ánh sáng, sự tĩnh lặng, thì họ bị ném trở lại thực tế, cái thực tế tuy không ám đạm nhưng chỉ đơn giản là thiếu cận – và có thể như thế lại tệ hơn - của chỗ ở chật hẹp, những bữa ăn hàng ngày, những kỳ nghỉ èo uột của họ. Đó là những gì tương hợp với tình trạng kinh tế, vị trí xã hội của họ. Đó là thực tế của họ, và họ không có thực tế nào khác. Nhưng vẫn có đấy, bên cạnh họ, khắp xung quanh họ, khắp dọc những con phố mà họ không thể không bước qua, những lời mời chào gian xảo tuy nhiên lại quá nồng nhiệt của những người bán đồ cổ, bán thực phẩm khô, bán giấy. Từ Hoàng Cung đến khu Saint-Germain, từ vườn Champs-de-Mars đến quảng trường Ngôi Sao, từ vườn Luxembourg đến khu Montparnasse, từ đảo Saint-Louis đến khu Marais, từ đại lộ Ternes đến Nhà Hát Nhạc Kịch, từ khu nhà thờ Madeleine đến công viên Monceau, toàn bộ Paris là một sự cám dỗ liên miên. Họ bưng bưng, say sưa, muốn ngã gục lập tức và mãi mãi. Nhưng chân trời ham muốn của họ bị bịt kín một cách không thương tiếc; những mơ mộng lớn lao bất thể có của họ chỉ thuộc về không tưởng.

Họ sống trong một căn hộ bé xíu và thú vị, trần thấp, trông ra một cái vườn. Khi nhớ lại căn phòng mạt hạng của họ - một hành lang tối và hẹp, nóng như thiêu, với những mùi kinh niên – thì thoát đầu họ sống ở đây trong một trạng thái có thể nói là say sưa, sự say sưa mỗi sáng

được làm mới lại nhờ tiếng chim chiêm chiêm. Họ mở các cửa sổ, và trong những phút dài hoàn toàn sung sướng, họ ngắm mảnh sân của mình. Ngôi nhà cũ kỹ, còn chưa xiêu vẹo nhưng hư nát, nứt nẻ. Các hành lang và cầu thang hẹp và bẩn, ẩm nhớp, ẩm khúi nhờn nhụa. Song giữa hai cái cây và năm mảnh vườn nhỏ xíu hình dạng xiên xẹo, phần lớn bị bỏ bê, nhưng giàu những thứ cổ lạ, những hoa trong chậu, những bụi cây thấp, cả những bức tượng ngầy ngò, có một lối đi rải những tấm đá lát xiên xẹo đem đến cho toàn cảnh một vẻ đồng quê. Đó là một trong những chốn hiếm hoi ở Paris mà một số ngày trong mùa thu, sau mưa, có thể có được từ đất dâng lên một cái mùi có thể nói là mạnh mẽ của rừng, của mùn, của lá rữa.

Không bao giờ những sự quyến rũ ấy làm họ chán, và họ sống ở đấy lúc nào cũng nhạy cảm bỗng bật như những ngày đầu tiên, nhưng sau vài tháng hoan hỉ vô lo quá mức, đã thấy rõ là chúng không thể đủ để làm họ quên đi những khiếm khuyết của chỗ ở của mình. Đã quen sống trong những căn phòng độc hại mà họ chỉ có mỗi việc ngủ trong đó, và quen qua ngày trong những quán cà-phê, phải mất thời gian dài họ mới nhận ra rằng những chức phận tầm thường nhất của đời sống hàng ngày – ngủ, ăn, đọc, tán chuyện, tắm rửa – đòi hỏi mỗi việc một không gian chuyên biệt, mà từ lúc ấy họ bắt đầu cảm thấy thiếu rõ ràng. Họ hết sức tự an ủi, lấy làm mừng vì sự xuất sắc của khu vực, về sự lân cận với phố Muffetard và Vườn Bách Thảo, về sự bình lặng của con phố, về nét độc đáo của những trần nhà thấp, và về vẻ huy hoàng của cây cối và mảnh sân trong suốt các mùa; nhưng, ở bên trong, tất cả bắt đầu oằn xuống dưới những chồng đồ đạc, đồ đạc, sách vở, đĩa bát, giấy má, vỏ chai rỗng. Một cuộc chiến tranh tiêu hao bắt đầu mà chẳng bao giờ họ ra khỏi với tư cách kẻ chiến thắng.

Trên một diện tích tổng cộng ba mươi lăm mét vuông, mà họ chẳng bao giờ dám xác minh, căn hộ của họ gồm có một lối vào nhỏ xíu, một bếp ăn chật hẹp mà một nửa đã được thu xếp làm buồng tắm, một căn phòng kích thước khiêm tốn, một gian để làm đủ thứ – thư viện, phòng ngoài hay phòng làm việc, buồng tiếp bạn bè – và một góc khó định nghĩa, dờ buồng xếp đồ hành lang, thành ra chiếm chỗ ở đó là một tủ lạnh cỡ nhỏ, một ấm đun nước điện, một tủ treo áo tam bộ, một cái bàn ngồi ăn cơm, và một cái hòm đựng quần áo bẩn mà họ cũng dùng làm ghế dài.

Có những ngày sự thiếu không gian trở nên bạo ngược. Họ ngạt thở. Nhưng hoài công đẩy lui giới hạn của hai gian phòng, hạ bỏ các tường, gọi nghĩ đến những hành lang, những tủ âm tường, những lối thoát, hình dung những tủ treo áo thời trang, sắp nhập trong mơ những căn hộ lân cận, cuối cùng bao giờ họ cũng lại thấy mình trong những gì là số phận, số phận duy nhất của họ: ba mươi lăm mét vuông.

Chắc đã có thể có những sự sắp xếp sáng suốt: một vách ngăn có thể bỏ đi, giải phóng một góc rộng sử dụng chưa đúng mức, một món đồ quá lớn có thể được thay thế một cách có lợi, một loạt tủ âm tường có thể xuất hiện. Khi đó, chắc là chỉ cần được sơn phết lại, cao rửa lại, sắp xếp lại một chút với một ít tình yêu, chỗ ở của họ đã thú vị một cách không thể bàn cãi, với cửa sổ treo rèm đỏ và cửa sổ treo rèm xanh, với chiếc bàn dài bằng gỗ sồi, hơi rung rinh, mua ở chợ trời, chiếm cả chiều dài một tấm ván vách, bên dưới phiên bản rất đẹp của một tấm bản đồ các hải cảng, mà một cái hộp đựng bút có rèm che kiểu Đệ Nhị Đế Chế bằng gỗ dái ngựa khảm các thanh đồng, nhiều thanh đã mất, chia thành hai chỗ làm việc, Sylvie bên trái, Jérôme bên phải, mỗi bên được đánh dấu bằng cùng một tấm lót tay có giấy thấm, cùng một viên gạch thủy tinh, cùng một ống đựng bút như nhau; với cái liễn bằng thủy tinh nhận thiếc đã được biến thành đèn, với cái thùng mười lít đựng hạt bằng gỗ bóc gia cố kim loại được dùng làm làn đựng giấy, với hai chiếc ghế bành cộc cạch, những ghế tựa nhồi rơm, chiếc ghế đầu nhà quê. Và từ tổng thể sạch sẽ và gọn ghẽ, khéo léo, đã bốc lên một hơi ấm thân ái, một khung cảnh dễ mến cho sự làm việc và chung sống.

Nhưng chỉ nghĩ đến những việc phải làm là họ đã hãi hùng. Họ sẽ phải vay mượn, tiết kiệm, đầu tư. Họ không cam chịu thế. Lòng họ không muốn thế: họ chỉ suy nghĩ theo kiểu có thì có tất

không thì không tất. Tủ sách phải là gỗ sồi màu sáng hoặc là không. Thì không có tủ sách. Sách xếp chồng trên hai cái giá bằng gỗ bản và xếp hai hàng trong những tủ âm tường lẽ ra chẳng bao giờ dành cho chúng. Trong suốt ba năm, một ổ cắm điện vẫn chập choạng mà họ quyết định không kêu thợ điện tới, trong khi trên gần như khắp các tường chạy những đường dây có những mối nối xoắn thô thiển và những đoạn nối thêm chường mắt. Phải mất sáu tháng để họ thay một sợi dây kéo rèm. Và sự bất lực nhỏ nhất trong việc bảo trì hàng ngày thể hiện ra suốt hai mươi bốn giờ thành một tình trạng bừa bãi mà sự hiện diện tốt lành của cây cối và vườn tược gần ngay đó càng khiến người ta không chịu nổi.

Tình trạng tạm bợ, *statut quo*,^[1] ngự trị với tư cách chủ nhân tuyệt đối. Họ chỉ còn chờ đợi một phép lạ. Lẽ ra họ phải kêu tới các kiến trúc sư, nhà thầu, thợ nề, thợ đặt ống, thợ thảm, thợ sơn. Họ sẽ đi du lịch bằng đường biển và khi trở về sẽ thấy một căn hộ biến đổi, được thu xếp lại, được làm mới, một căn hộ kiểu mẫu, được nói rộng một cách kỳ diệu, đầy những chi tiết hợp với kích thước của nó, những vách ngăn tháo lắp, những cửa kéo, một phương tiện sưởi ấm hữu hiệu và kín đáo, một hệ thống điện chạy ngầm, những đồ đạc tốt.

Nhưng giữa những mộng mơ quá lớn mà họ chìm đắm vào một cách khoan khoái lạ lùng, với sự vô hiệu của những hành động thực tế của họ, không xen vào nổi một dự án hợp lý nào hòa giải những nhu cầu khách quan với khả năng tài chính của họ. Sự mệnh mông của những ham muốn làm họ tê liệt.

Sự thiếu giản dị và gần như thiếu tỉnh táo là đặc trưng. Sự thoải mái – chắc cái này là nghiêm trọng nhất – là điều họ thiếu ghê gớm. Không phải sự thoải mái về vật chất, có tính khách quan, mà một sự phóng túng nào đó, một sự thư giãn nào đó. Họ có xu hướng bị kích thích, bị bức bối, ham hố, gần như ghen tức. Tình yêu của họ đối với sự sung túc, sung túc hơn nữa, thể hiện thường xuyên nhất qua tính thích lời kéo rủ rê ngốc nghếch: những lúc đó họ diễn thuyết rất lâu, họ và bạn bè họ, về cái thần tình của một tẩu thuốc hay một chiếc bàn thấp, họ biến chúng thành những đồ mỹ thuật, những hiện vật bảo tàng. Họ sôi lên vì một chiếc va-li – những chiếc va-li nhỏ xíu, đẹp lép một cách khác thường, bằng da đen thuộc hơi nổi hạt mà người ta trông thấy trong tủ kính các cửa hàng ở khu nhà thờ Madeleine, và như thể tập trung trong chúng tất cả những lạc thú giả định của những chuyến du lịch chớp nhoáng đến New York hay London. Họ băng qua cả Paris để xem một chiếc ghế bành mà người ta bảo với họ là hoàn hảo. Và thậm chí, biết rõ những thị hiếu quen thuộc của mình, đôi khi họ vẫn ngần ngại khi mặc một trang phục mới, mặc dù do dáng vẻ tuyệt vời, nó có vẻ quan trọng với họ đến mức thoát tiên đã được mặc tới ba lần. Nhưng những cử chỉ hơi làm ra thiêng liêng của họ khi tỏ nhiệt tình trước tủ kính của một tiệm may, một tiệm mũ phụ nữ, hay một tiệm giày, thường chỉ đi đến chỗ làm cho họ thành hơi lỗ bịch.

Có thể họ đã bị đánh dấu quá mức bởi quá khứ của mình (vả lại không chỉ riêng họ, mà cả các bạn hữu, đồng nghiệp của họ, những người cùng lứa tuổi họ, thế giới mà trong đó họ đắm mình). Có thể ngay lập tức họ đã quá háo hức: họ muốn đi quá nhanh. Lẽ ra phải để thế giới, để mọi vật lúc nào cũng thuộc về họ, và họ phải nhún lên mãi những dấu hiệu của sự sở hữu. Nhưng họ đã bị bức bách phải chinh phục: lẽ ra họ có thể trở nên ngày càng giàu có; đang này họ lại chỉ có thể làm như họ đã luôn luôn giàu có. Lẽ ra họ phải thích sống trong tiện nghi, trong cái đẹp. Nhưng họ lại reo lên, họ ngưỡng mộ, đó là bằng chứng chắc chắn nhất cho biết họ không giàu.

Truyền thống – theo nghĩa đáng khinh nhất của thuật ngữ ấy, có lẽ thế – là cái họ thiếu, sự hiển nhiên, sự hưởng thụ chân chính, ẩn tàng, tự tại, cái đi cùng với một hạnh phúc của cơ thể, trong khi đó lạc thú của họ lại mang tính thuần trí. Quá thường xuyên, trong cái mà họ gọi là sự xa hoa, họ chỉ yêu có tiền bạc ở phía sau nó. Họ không cưỡng nổi trước những dấu hiệu của sự giàu có; họ yêu sự giàu có trước khi yêu cuộc sống.

Từ quan điểm ấy thì những cuộc xuất hành đầu tiên của họ ra khỏi thế giới sinh viên, những chuyến du hành đầu tiên của họ trong cái vũ trụ các cửa hàng sang trọng ấy, cái vũ trụ không chậm trễ để trở thành Đất Hứa của họ, đã mang tính khảo thị đặc biệt. Thị hiếu hãy còn mập mờ của họ, sự đắn đo quá tỉ mỉ của họ, sự thiếu kinh nghiệm của họ, sự kính trọng hơi thiển cận những gì mà họ tin là những tiêu chuẩn của thị hiếu thật sự tốt, khiến họ phải chịu vài lời bình phẩm sai lầm, vài sự ê chề. Có một lúc có thể dường như cái mốt quần áo mà Jérôme và bạn bè anh chạy theo đã chẳng phải mốt quý phái Ang-lê mà là bản biếm họa rất lực địa của nó do một di dân mới toanh có đồng lương khiêm tốn trưng ra. Và cái ngày Jérôme mua đôi giày Ang-lê đầu tiên của anh, sau khi chà rất lâu, bôi từng tý một cách tế nhị theo các vòng đồng tâm, với một giẻ lau bằng len tẩm xi hảo hạng, anh đã cẩn thận đem phơi ra nắng, nghĩ rằng như thế nó sẽ có được độ bóng đặc biệt một cách nhanh nhất. Ngoài một đôi giày da mộc có ống thô nặng và đế bằng crep mà anh nhất định không chịu mang, đó là đôi giày duy nhất của anh, anh lạm dụng nó, lê nó trên những con đường sứt lở, và phá hỏng nó trong vòng chưa đầy bảy tháng.

Thế rồi, nhờ tuổi tác, nhờ những kinh nghiệm tích lũy được, rõ là họ có lui lại một chút so với những cơn nhiệt thành kịch phát nhất của họ. Họ đã biết chờ đợi, và quen dần. Thị hiếu của họ hình thành chậm chạp, chắc chắn hơn, điềm tĩnh hơn. Những ham muốn của họ đã có thời gian để chín; sự thềm thường của họ trở nên ít dần dục hơn. Trong lúc đi dạo ở vùng ven Paris, dừng lại ở tiệm đồ cổ trong làng, họ không còn xô tới những chiếc đĩa sứ, những chiếc ghế nhà thờ, những lọ keo bằng thủy tinh thổi, những chân đèn bằng đồng. Tất nhiên trong hình ảnh hơi tĩnh tại mà họ vẽ nên về ngôi nhà kiểu mẫu, về tiện nghi hoàn hảo, về cuộc sống hạnh phúc, vẫn còn nhiều cái ngây ngô, nhiều cái theo chiều: họ cực kỳ yêu thích những đồ vật mà thị hiếu tức thời duy nhất bảo là đẹp: những bức hình Épinal giả kia, những tranh khắc kiểu Anh kia, những viên mã não kia, những chiếc cốc thủy tinh tinh xảo kia, những đồ tầm tầm tân-barbare [2] kia, những thứ linh tinh giả-khoa-học kia, mà trong một thời gian rất ngắn họ tìm thấy ở tất cả những mặt hàng của phố Jacob, phố Visconti. Họ vẫn còn mơ tưởng sở hữu; lẽ ra họ phải thỏa mãn cái nhu cầu tức thời, hiển nhiên ấy: đúng mốt, được coi là kẻ sành sỏi. Nhưng sự quá đáng có tính cách bắt chước ấy ngày càng bớt quan trọng, và họ thấy khoan khoái khi nghĩ rằng cái hình ảnh mà mình tự vẽ nên về cuộc sống đã từ từ vứt bỏ được tất cả những gì có thể là hung hăng, hào nhoáng, đôi khi trẻ con. Họ đã dứt đi những gì mình đã tôn thờ: những chiếc gương phù thủy, những cái thớt, những động cơ nhỏ ngu xuẩn, những bức xạ kế, những đồ chơi kết bằng đá cuội đủ màu, những tấm vải dày tô điểm các chữ ký theo lối họa sĩ Mathieu. Họ có cảm tưởng như ngày càng làm chủ được những ham muốn của mình: họ biết mình muốn gì; họ có những ý tưởng rõ ràng. Họ biết hạnh phúc của mình, tự do của mình sẽ là gì.

Thế mà họ vẫn lằm; họ đang lạc lối. Họ đã bắt đầu cảm thấy mình bị lôi theo một con đường gì không biết vòng vèo ra sao và đi tới đâu. Họ đâm sợ. Nhưng thường nhất là họ chỉ sốt ruột: họ cảm thấy đã chuẩn bị xong; họ đã sẵn sàng: họ đợi sống, họ đợi tiền.

Chương III

Jérôme 24 tuổi. Sylvie 22. Cả hai là nhà tâm lý xã hội học. Công việc ấy, không chính xác là một cái nghề, ngay cả một nghề nghiệp cũng không, nội dung của nó là phỏng vấn mọi người về những chủ đề khác nhau, theo những kỹ thuật khác nhau. Đó là một việc khó, nó đòi hỏi ít nhất là một sự tập trung trí não căng thẳng, nhưng không thiếu thú vị, được trả công tương đối khá, và cho họ một thời gian tự do đáng kể.

Giống như hầu hết các đồng nghiệp của mình, Jérôme và Sylvie đã trở thành nhà tâm lý xã hội học là do nhu cầu chứ không do lựa chọn. Vả lại chẳng ai biết được sự phát triển những khuynh

hướng hoàn toàn lơ đãng sẽ dẫn họ tới đâu. Lại ở đây nữa, lịch sử đã chọn cho họ. Chấn chấn là cũng như tất cả mọi người, lẽ ra họ thích hiển mình cho điều gì đó, thích cảm thấy trong mình một nhu cầu mạnh mẽ, mà họ sẽ gọi là thiên hướng, một tham vọng nâng họ lên, một đam mê chiếm lĩnh họ. Than ôi, họ lại chỉ biết có một thứ: đam mê sống sung túc, và điều ấy làm họ kiệt quệ. Là sinh viên, viễn cảnh về một mảnh bằng cử nhân, một chỗ làm ở Nogent-sur-Seine, ở Château-Thierry hay ở Étampes, và một đồng lương nhỏ nhoi, khiến họ kinh hãi đến nỗi chỉ mới vừa gặp nhau – Jérôme khi đó 21 tuổi, Sylvie 19 – là họ đã, gần như chẳng cần bàn tính, bỏ ngay chuyện học hành mà họ chưa bao giờ thật sự bắt đầu. Ham muốn hiểu biết không dày vò họ; khiêm nhường hơn thế nhiều, và không che giấu rằng chắc là mình có thể làm, và rằng sớm muộn sẽ có ngày mình hối tiếc về chuyện ấy, họ cảm nhận nhu cầu có một căn phòng hơi lớn hơn, có nước máy, có vòi sen, có những bữa ăn thay đổi hơn, hay đơn giản là thịnh soạn hơn những bữa ở các quán ăn sinh viên, có thể có một chiếc xe hơi, những đĩa hát, những bộ quần áo.

Những nghiên cứu về động cơ đã xuất hiện ở Pháp từ nhiều năm rồi. Năm ấy chúng vẫn còn phát triển mạnh mẽ. Mỗi tháng lại có những hãng mới được lập nên từ chỗ không có gì, hay gần như thế. Người ta dễ dàng kiếm việc làm ở những chỗ đó. Nội dung công việc, hầu hết thời gian là đi tới các công viên, các cổng trường giờ tan học, hay những chung cư lớn ở ngoại ô, hỏi các bà chủ gia đình xem họ có để ý đến cái quảng cáo nào mới đây không, và họ nghĩ gì về nó. Những thăm-dò-chớp-nhoáng ấy, gọi là trắc nghiệm hay điều-tra-một-phút, được trả công một trăm quan.

Ít, nhưng còn khá hơn giữ trẻ, gác đêm, rửa bát, hơn tất cả những công việc buồn cười – phân phát những tờ quảng cáo, làm sổ sách, căn thời gian cho các phát thanh quảng cáo, bán hàng lậu, làm gia-sư-rách – theo truyền thống vẫn dành cho sinh viên. Và rồi, ngay sự trẻ trung của các hãng, giai đoạn gần như thủ công của chúng, sự mới mẻ của các phương pháp, sự khan hiếm hầy còn hoàn toàn những phần tử lành nghề, có thể làm cho người ta hé thấy hy vọng thăng tiến nhanh, vọt lên chóng mặt.

Đó không phải là con tính dở. Họ mất mấy tháng để soạn các bản câu hỏi. Rồi thì có một vị giám đốc hãng, bị thời gian hối thúc, đặt lòng tin ở họ: họ đi về tỉnh, cắp theo chiếc máy ghi âm; một vài kẻ trong các bạn đường, hơi lớn tuổi hơn một chút, hướng dẫn họ làm quen các kỹ thuật, nói cho đúng thì không khó như người ta thường nghĩ, những phỏng vấn mở và khép: họ học cách làm cho người khác nói, và cách đo lời nói của chính mình: họ biết phát hiện những con đường phải khai phá bên dưới những sự im lặng bối rối hay những liên tưởng dẹt dẹt; họ chọc thủng những bí mật của tiếng “hừm” phổ quát, dấu nhấn thật sự thần kỳ, bằng cái đó người phỏng vấn ngắt câu diễn từ của kẻ được phỏng vấn, làm cho y tin cậy, hiểu y, khuyến khích y, hỏi y, ngay cả đôi khi dọa dẫm y.

Những kết quả của họ là đáng kính. Họ tiếp tục lao theo đà. Họ góp nhặt gần như khắp nơi những mẫu xã hội học, tâm lý học, thống kê học; họ đồng hóa từ vựng và các tín hiệu, những ngón nghề có hiệu quả: với Sylvie, một cách thức nào đó trong việc đeo vào hay tháo kính mắt ra, một cách thức nào đó trong việc ghi chép, lật trang một bản báo cáo, một cách thức nào đó trong việc nói, trong việc xen vào giữa câu chuyện với các ông chủ, bằng một giọng hơi chất vấn, những ngữ đoạn như “...phải chăng...,” “...tôi nghĩ có thể...,” “...trong một chừng mực nhất định...,” “...đó là một câu hỏi mà tôi đặt ra...,” một cách thức nào đó trong việc dẫn ra, vào những lúc có cơ hội, Wright Mills, William White, hay, tốt hơn nữa, Lazarsfeld, Cantril hay Herbert Hyman, mà họ chưa đọc đến ba trang.

Đối với những điều thu nạp hoàn toàn cần thiết ấy, những điều a b c của nghề nghiệp, họ tỏ ra có năng khiếu xuất sắc, và chỉ gần một năm sau những tiếp xúc đầu tiên với các nghiên cứu về động cơ, người ta đã giao phó cho họ trách nhiệm nặng nề “phân tích nội dung”: đó là trách nhiệm sát ngay dưới quyền tổng giám đốc một công trình nghiên cứu, bắt buộc phải dành cho

một cán bộ thâm niên, chức vụ cao nhất, do vậy quý báu nhất và từ đó quý phái nhất trong cả thang đẳng cấp. Trong vòng những năm tiếp đó, họ không hề tụt xuống khỏi những đỉnh cao ấy.

Và suốt trong bốn năm, có thể hơn, họ thăm dò, phỏng vấn, phân tích. Tại sao các máy hút có bàn trượt lại bán ế đến thế? Trong giới có xuất thân khiêm tốn, người ta nghĩ gì về món rau diếp xoăn? Người ta có thích món nghiền hoàn toàn làm sẵn không, và vì sao? Vì nó nhẹ? Vì nó sánh? Vì nó dễ làm đến thế: chỉ một cử động và thế là xong? Người ta có thực sự thấy giá bán những chiếc xe trẻ con là đắt không? Chẳng phải người ta luôn luôn sẵn sàng hy sinh cho tiện nghi của lũ nhỏ sao? Người phụ nữ Pháp sẽ bầu cử ra sao? Người ta có khoái món phô-mai đông ống không? Người ta ủng hộ hay phản đối những phương tiện giao thông chung? Khi ăn sữa chua người ta chú ý trước hết điều gì: màu sắc? độ đặc? vị? hương thơm tự nhiên? Ông đọc nhiều, đọc ít, không hề đọc? Anh có đi ăn nhà hàng? Thừa bà, liệu bà có thích cho một người đàn ông Da Đen thuê phòng? Người ta nghĩ gì, một cách thẳng thắn, về việc hưu trí của người già? Tuổi trẻ nghĩ gì? Các cán bộ nghĩ gì? Người phụ nữ ba mươi tuổi nghĩ gì? Ông bà nghĩ gì về những kỳ nghỉ? Ông bà đi nghỉ hè ở đâu? Chị có thích những thức ăn đông lạnh nhanh? Anh nghĩ một chiếc bật lửa như thế kia giá bao nhiêu? Bà đòi hỏi chiếc nệm giường của bà phải đạt được những chất lượng gì? Ông có thể mô tả cho tôi một người đàn ông thích ăn các loại mì? Bà nghĩ sao về cái máy giặt của mình? Bà hài lòng về nó chứ? Nó không lên bọt quá nhiều chứ? Nó giặt tốt chứ? Nó có xé rách đồ giặt không? Nó làm khô luôn đồ giặt chứ? Bà sẽ chấm một chiếc máy giặt làm khô luôn đồ giặt chứ? Và việc an toàn trong mỏ, nó được thực hiện tốt hay chưa đủ theo ông? (Làm cho chủ thể nói: yêu cầu ông ta kể những thí dụ cá nhân; những điều ông ta đã thấy; có phải bản thân ông ta đã bị thương? việc đó xảy ra như thế nào? Và con trai ông ta, liệu nó có làm thợ mỏ như cha nó, hay là sao?...)

Có bột giặt, vải chong khô, việc ủi đồ. Gaz, điện, điện thoại. Con cái. Quần áo và đồ lót. Mù-tạc. Súp đóng bao, súp đóng hộp. Tóc: gội ra làm sao, nhuộm ra làm sao, giữ cho khỏi rụng ra làm sao, làm óng ra làm sao. Sinh viên, móng tay móng chân, si-rô ho, máy chữ, phân bón, máy kéo, giải trí, quà cáp, giấy, phấn trắng, chính trị, xa lộ, thức uống có cồn, nước suối, phô-mai và đồ hộp, đèn và rèm, bảo hiểm, vườn tược.

Không có gì thuộc về con người lại xa lạ với họ.

Lần đầu họ kiếm được ít tiền. Công việc của họ không làm họ vui thích: liệu nó có thể làm cho họ vui thích chăng? Nó cũng không làm họ chán. Họ có cảm tưởng học được rất nhiều ở đó. Năm này qua năm khác, nó làm họ thay đổi.

Đó là những giờ trọng đại của cuộc chinh phục của họ. Họ không có gì hết; họ khám phá những của cải của thế giới.

Họ đã hoàn toàn vô danh từ lâu. Họ đã ăn mặc như sinh viên, nghĩa là tồi tàn. Sylvie vận một chiếc váy duy nhất, những chiếc áo len rộng xấu xí, một chiếc quần nhung, một chiếc áo khoác lửng bằng len có mũ, Jérôme vận một áo vét dày lót lông thú cẩu bần, một bộ com-lê may sẵn, đeo một chiếc cà-vạt thảm hại. Họ hả hê nhào vào một Ang-lê. Họ khám phá những hàng len, những sơ-mi lụa, sơ-mi Doucet, những cà-vạt bằng voan, những khăn vuông lụa, hàng tweed, hàng len cừu, hàng ca-sơ-mia, hàng vicuna, da và jersey, lanh, cuối cùng là thang đẳng cấp thượng thặng của các loại giày, dẫn từ hiệu Churchs đến hiệu Weston, từ hiệu Weston đến hiệu Bunting, từ hiệu Bunting đến hiệu Lobb.

Ước mơ của họ là một chuyến du lịch London. Họ sẽ chia thời gian giữa National Gallery, Saville Row, và quán bia nào đó trên Phố Nhà Thờ mà Jérôme còn giữ lại kỷ niệm cảm động.

Nhưng họ còn chưa đủ giàu để may mặc ở đó từ chân đến đầu. Ở Paris, với món tiền đầu tiên họ đổ mồ hôi trán mà kiếm được một cách lành lợi, Sylvie sắm một chiếc áo cánh bằng tơ đan ở cửa hàng Corouel, một twin-set ^[3] nhập cảng bằng hàng len cừu cắt thẳng và chặt, đôi giày bằng da bên cực kỳ mềm, và một khăn vuông to bằng lụa trang trí hình chim công và tùm lá. Jérôme, mặc dù vẫn còn thích có lúc lê gót giang hồ, râu cao không kỹ, mặc những chiếc sơ-mi cũ không có cổ và một chiếc quần vải bố, ngược lại cũng khám phá những lạc thú của các buổi sớm kéo dài: tắm táp, cao râu thật nhẵn nhụi, vẩy nước thơm, xỏ những chiếc sơ-mi trắng không thể chê, trong lúc làn da còn ẩm ẩm, thắt những chiếc cà-vạt bằng len hay lụa. Anh mua ba chiếc ở cửa hàng Old England, cũng như một chiếc vét bằng hàng tweed, những chiếc sơ-mi bán hạ giá và đôi giày mà anh nghĩ không làm anh xấu hổ.

Thế rồi, gần như một trong những ngày trọng đại của đời họ, họ phát hiện ra khu chợ đồ cũ. Những chiếc sơ-mi Arrow hay Van Heusen, tuyệt vời, cổ dài có cúc, lúc ấy chưa thấy có ở Paris, nhưng đã được những vở hài kịch Mỹ phổ biến (ít ra là trong nhóm hẹp những người tìm thấy hạnh phúc ở những hài kịch Mỹ), bày ra đầy cả đồng, bên cạnh những chiếc áo đi mưa có thắt lưng nổi tiếng là không bao giờ hỏng, những chiếc váy, những sơ-mi nữ, những áo đầm bằng lụa, những áo vét da, những giày da mộc mềm. Họ đi đến đấy mười lăm ngày một lần, vào sáng thứ bảy, trong vòng một năm hay hơn thế, lục lọi trong các hòm, trên các sạp, trong những đồng, những thùng giấy, trong những chiếc áo mưa lộn trái, giữa một đám bát nháo các trẻ choai choai tóc mai uốn cong, những người Algérie bán đồng hồ, những khách du lịch Mỹ vừa ra khỏi những con mắt thủy tinh, những mũ cao thành và ngựa gỗ của chợ Vernaison, lại lang thang trong chợ Malik, hơi lơ lảo, ngắm nghía, bên cạnh những chiếc đỉnh cũ, những nệm giường, những xác máy, những chi tiết máy rời, cái định mệnh la lùeng của những đồ dư thừa mỗi mẹt của những kẻ sản xuất áo sơ-mi uy tín nhất của họ. Và họ mang về quần áo đủ loại, bọc trong giấy nhật báo, đồ mỹ nghệ, áo đi mưa, bình cũ, túi đeo, đĩa hát.

Họ thay đổi, họ trở nên khác. Không phải là nhu cầu, tuy có thực nhưng không đến mức thế, phải làm cho mình khác biệt với những người mà mình có trách nhiệm phỏng vấn, gây ấn tượng mà không lờ người ta. Cũng không phải vì họ gặp gỡ nhiều người, vì họ ra khỏi, tưởng chừng như mãi mãi ra khỏi, cái giới của mình. Nhưng chính là tiền bạc – một nhận xét như thế thật quá tầm thường – kêu ra các nhu cầu mới. Họ sẽ bất ngờ mà nhận thấy, nếu như họ có lúc suy nghĩ - nhưng trong những năm ấy họ không hề suy nghĩ – đã thay đổi đến mức nào cái hình ảnh mà họ có về chính thể xác họ, và vượt lên tất cả những gì làm họ bận tâm, tất cả những gì quan trọng đối với họ, tất cả những gì đang trở thành thế giới của họ.

Tất cả đều mới mẻ. Sự nhạy cảm của họ, thị hiếu của họ, vị trí của họ, tất cả đưa họ tới những điều mà họ chưa bao giờ biết. Họ chú ý đến cách những người khác ăn mặc; họ nhận xét những đồ đạc, hàng mỹ nghệ, cà-vạt bày ở các mặt hàng; họ mơ màng trước những khoản rao vặt của các đại lý bất động sản. Họ tưởng như hiểu được những điều mà họ chưa từng bận tâm: trở nên quan trọng với họ cái chuyện một khu vực, một con phố buồn hay vui, im lặng hay ồn ào, vắng vẻ hay nhộn nhịp. Chẳng có gì từng chuẩn bị để họ có những lo toan mới mẻ ấy; họ khám phá ra chúng với sự ngây thơ, nhiệt tình, kinh ngạc vì sao mình quá lâu không biết. Họ không, hoặc gần như không lạ lẫm vì mình không ngừng nghĩ tới những chuyện ấy.

Những con đường họ theo, những giá trị họ thông suốt, những viễn cảnh, ham muốn, tham vọng của họ, tất cả những cái ấy, thật tình đôi khi họ cảm thấy trống rỗng một cách tuyệt vọng. Chẳng có cái gì mà họ biết lại không dễ vỡ hay lờ mờ. Tuy nhiên đấy là cuộc đời họ, đó là nguồn của những hứng khởi chưa bao giờ biết, còn trên cả ngất ngây, một cái gì mở rộng menh mông, mãnh liệt. Đôi khi họ tự nhủ cuộc sống tương lai của họ sẽ có sự quyến rũ, uyển chuyển, nồng cuồng của những hài kịch Mỹ, của những đoạn giới thiệu đầu phim của Saul Bass; và những hình ảnh kỳ diệu, bừng sáng, những cánh đồng tuyết phau phau bị rách bởi các vệt thanh trượt, biển xanh lam, mặt trời, những quả đồi xanh lục, những ngọn lửa tí tách trong các lò sưởi bằng đá, những xa lộ táo bạo, những toa tàu hạng sang, những cung điện, mơn man họ như bao lời

hứa hẹn.

Họ bỏ căn phòng của họ và các quán ăn sinh viên. Họ tìm thuê, ở nhà số 7 phố Quatrefages, đối diện Nhà Thờ Hồi Giáo, gần sát vườn Bách Thảo, một căn hộ nhỏ hai phòng nhìn ra một mảnh vườn xinh xắn. Họ thèm muốn những thảm trải sàn, bàn, ghế bành, tràng kỷ.

Trong những năm ấy họ có những cuộc đi dạo bất tận trong thành phố Paris. Họ dừng chân trước mỗi tiệm đồ cổ. Họ thăm những nhà bách hóa lớn, suốt mấy giờ, ngây ngất, và cũng đã hời hợt tuy chưa dám tự nói với mình, chưa dám nhìn thẳng vào cái kiểu mải miết thăm hại sắp trở thành định mệnh của mình, lý do tồn tại của mình, khẩu hiệu của mình, ngây ngất và gần như đã chìm ngấm bởi tầm vóc những nhu cầu của mình, bởi sự giàu có bày ra đây, bởi sự dồi dào đang chào mời.

Họ khám phá ra những nhà hàng nhỏ ở đại lộ Gobelins, đại lộ Ternes, khu nhà thờ Saint-Sulpice, những quán bar vắng ngắt ở đó người ta tìm cái thú thì thào về những kỳ nghỉ cuối tuần bên ngoài Paris, những cuộc đi dạo kéo dài trong rừng, vào mùa thu, ở Rambouillet, ở Vaux, ở Compiègne, những niềm vui hoàn hảo khắp chốn dâng hiến cho mắt, cho tai, cho vom miệng.

Và cứ như thế, từng tý một, bám vào thực tế theo một cách sâu hơn là trong quá khứ, hồi ấy, là con cái những gia đình tiểu tư sản không tầm cỡ, rồi là sinh viên không cá tính và chẳng khác ai, họ chỉ có một cái nhìn hẹp hòi và hời hợt đối với thế giới, họ bắt đầu hiểu thế nào là một con người đang hoang.

Sự khai thị tối hậu ấy, song cũng không phải sự khai thị thật đúng nghĩa, mà là kết quả của một quá trình trưởng thành chậm về xã hội và tâm lý mà họ sẽ rất khó lòng miêu tả các trạng thái kế tiếp nhau, hoàn tất sự biến dạng của họ.

[1]Statut quo (tiếng Latin): nguyên trạng.

[2][1]Néo-barbare: barbare nghĩa gốc là thuộc các dân tộc ngoài Hy Lạp-La Mã (Goth, Vandale, Hun, Franc...), các dân tộc này từ thế kỷ III đến thế kỷ V xâm chiếm Đế chế La Mã, lập nên những nhà nước riêng biệt; kiểu barbare là một kiểu theo phong cách gothique của nghệ thuật Trung Thế Kỷ.

[3]Twin-set (tiếng Anh): một bộ gồm một áo len dài tay không cổ cài khuy tận cổ và một áo chui đầu.

Chương IV

Với bạn bè họ, cuộc đời thường là một xoáy lốc.

Họ là cả một băng, một ê-kíp tinh hoa. Họ biết rõ nhau; người nọ ảnh hưởng người kia, họ có những thói quen chung, những sở thích, những kỷ niệm chung. Họ có từ vựng, những dấu hiệu, những đề tài quen thuộc của họ. Quá tiến tiến để giống nhau hoàn toàn, nhưng chắc là chưa đủ để khỏi bắt chước nhau một cách ít nhiều có ý thức, họ trải một phần lớn đời họ trong các cuộc trao đi đổi lại. Họ thường khó chịu vì những cuộc trao đổi ấy; nhưng thường thì vui thích nhiều

hơn.

Họ hầu hết thuộc về giới quảng cáo. Tuy nhiên một số tiếp tục hay gắng sức tiếp tục những việc học hành mơ hồ. Họ gặp nhau phần lớn thời gian trong những văn phòng lờ lờ hay ra vẻ thiết dụng của các vị giám đốc hăng. Họ cùng nghe, vừa nghe vừa vạch bút chì một cách hung hăng trên mặt tấm giấy lót tay, những lời khuyên tâm thường và những câu đùa bốn hiểm ác của các vị ấy; sự khinh miệt chung của họ đối với những kẻ giàu có, những tên lợi dụng, những anh chủ quán cơm tối ấy đôi khi là địa hạt đồng lòng đầu tiên của họ. Nhưng thường nhất là thoát tiên họ cảm thấy bị buộc phải sống chung với nhau năm hay sáu ngày trong những khách sạn buồn thiu của các thành phố nhỏ. Mỗi bữa ăn chung họ mời tình bạn ngồi vào. Nhưng các bữa trưa thì vội vã và mang tính chuyên nghiệp, các bữa chiều thì chậm một cách hời hững, nếu như không vọt ra cái tia lửa kỳ diệu kia, nó làm rang rõ những vẻ mặt chào hàng lưu động phiến não của họ, và khiến họ thấy đáng nhớ cái buổi tối tỉnh lẻ ấy, thấy ngọt ngào cái liên thức ăn nào đó mà một tên chủ khách sạn ôn dịch bắt họ trả thêm tiền. Lúc ấy, họ quên đi những chiếc máy ghi âm và bỏ đi cái giọng quá văn minh hóa của những nhà tâm lý học ưu tú. Họ ngồi nán lại bàn. Họ nói về bản thân và mọi người, về thương vàng hạ cám, về các sở thích, các tham vọng của mình. Họ chạy đi khắp thành phố tìm quán bar duy nhất tiện nghi như nó buộc phải có, và mãi đến một giờ khuya, trước những cốc whisky, rượu trắng hảo hạng, hay gin-tonic, họ khơi gợi với một vẻ phóng túng gần như có tính nghi thức, những cuộc tình, những ham muốn, những chuyến du lịch, những sự từ chối, những nhiệt hứng của mình, chẳng hề ngạc nhiên mà ngược lại hầu như sung sướng vì sự giống nhau của những câu chuyện và sự đồng nhất của những quan điểm.

Có lúc từ cảm tình đầu tiên ấy chẳng nổi lên cái gì khác hơn những mối liên hệ từ xa, những cú điện thoại lâu lâu gọi tới. Cũng có lúc, đúng là ít thường hơn, từ sự gặp gỡ ấy, nảy sinh một cách chậm chạp hay không chậm chạp lắm, một tình bạn có thể có, phát triển dần dà. Cứ thế, theo năm tháng, họ từ từ gắn chặt với nhau.

Họ có thể dễ dàng đồng hoá với nhau. Họ có tiền, không nhiều quá, nhưng đủ để chỉ bị thiếu hụt tài chính vào từng thời kỳ, tiếp sau một cơn điên rồ nào đó mà họ không thể nói là thuộc về cái phù phiếm hay cái thiết yếu. Những căn hộ nhiều phòng, một phòng, tầng áp mái, hai phòng, trong những ngôi nhà nát, ở những khu chọn lọc – Hoàng Cung, Contrescarpe, Saint-Germain, Luxembourg, Montparnasse – giống y như nhau: người ta thấy trong đó cũng những chiếc tràng kỷ cầu bần như thế, cũng những cái bàn được bảo là kiểu chân què như thế, cũng những đồng sách và đĩa hát như thế, những cốc xưa, liễn xưa nhồi đầy hoa một cách thờ ơ, những bút chì, bạc lẻ, thuốc lá điếu, kẹo, kẹp giấy. Họ ăn mặc đại thể cùng một cách, nghĩa là với cái thị hiếu thích đáng cho đàn ông cũng như đàn bà, cái làm nên toàn bộ giá trị của *Madame Express* và đối lại là của ông chồng của *Madame*. Kể ra thì họ chịu ơn nhiều cái đôi uyên ương kiểu mẫu nọ.

L'Express có lẽ là tờ tuần báo mà họ coi trọng nhất. Nói thật tình thì họ chẳng yêu gì nó, nhưng vẫn mua nó, hay dù thế nào thì cũng mượn nó ở nhà người này hoặc người nọ, đọc nó đều đặn, thậm chí, như họ thú nhận, còn hay lưu lại những số cũ. Nhiều khi, hơn cả thường khi, họ không đồng tình với đường lối chính trị của tờ báo (có một ngày nổi giận một cách đúng đắn, họ đã viết một bài về chế nhạo “văn phong Trung Ưy”, họ ưa thích hơn nhiều những bài phân tích của tờ *Le Monde*, tờ báo mà họ đồng lòng trung thành, hay thậm chí những sự xác định lập trường của tờ *Libération* mà họ có chiều hướng thiện cảm). Nhưng chỉ có tờ *Express* phù hợp với nghệ thuật sống của họ; mỗi tuần họ tìm thấy ở nó những mối lo toan thời sự nhất trong cuộc sống hàng ngày của mình, cho dù họ có thể đánh giá một cách có lý những mối lo toan ấy là giả trang và biến chất. Không hiếm khi họ công phần vì những thứ ấy. Bởi vì, thật thế, trước cái văn phong trong đó ngự trị một khoảng cách ngụy tạo, những hiểu ngầm, những khinh miệt được che giấu, những đồ kỳ chưa tiêu hoá, những nhiệt tình giả, những cái dậm chân, nháy mắt, trước cái hội chợ quảng cáo vốn là toàn bộ tờ *Express* ấy – mục đích chứ không phải phương

tiện, khía cạnh thiết yếu nhất của nó – trước những chi tiết nhỏ nhỏ làm thay đổi tất cả, những cái không đắt mà thực sự thú vị nhỏ nhỏ, trước những doanh nhân hiểu được các vấn đề thực thụ, những nhà kỹ thuật biết mình nói gì và làm cho người ta thấy điều ấy, những nhà tư duy táo bạo, tấu thuốc trên miệng, cuối cùng đã sinh hạ thế kỷ XX, gọn một chữ là trước cái hội đồng những vị có trách nhiệm, hàng tuần họp lại trong một diễn đàn hay bàn tròn, với nụ cười khoan khoái khiến người ta nghĩ rằng các vị vẫn đang nắm trong lòng bàn tay phải của các vị những chìa khoá vàng mở các phòng vệ sinh dành riêng cho giám đốc, họ nghĩ, không thể không nhắc lại cái trò chơi chữ chẳng mấy hay ho mở đầu bài về của họ, rằng không chắc chắn tờ *Express* là một nhật báo cánh tả, nhưng chẳng thể nghi ngờ chút nào, nó là một tờ nhật báo hiểm ác. Kể ra như thế là sai, họ biết rõ lắm, nhưng điều ấy làm họ vững lòng.

Họ không giấu diếm việc họ là những người thích tờ *Express*. Có thể là họ cần làm sao cho tự do của họ, trí tuệ của họ, sự vui vẻ của họ, tuổi trẻ của họ trong mọi lúc mọi nơi phải được tuyên bố một cách thích đáng. Họ để cho tờ báo nhận trách nhiệm về họ, bởi vì như vậy là dễ nhất, bởi vì ngay cả sự khinh miệt mà họ nghiệm thấy đối với nó cũng biện minh cho họ. Và sự hung hãn trong những phản ứng của họ chỉ có thể sánh với sự lệ thuộc của họ: vừa lật tờ báo vừa cau gắt, vò nhàu nó, vứt nó ra xa. Đôi khi họ không thể ngưng thán phục về sự nhơ nhuốc của nó. Nhưng họ đọc nó, đó là một thực tế, họ thẩm thía nó.

Liệu họ có thể tìm thấy ở đâu cái phản ánh chính xác những thị hiếu, ham muốn của mình? Họ chẳng trẻ trung đó sao? Họ chẳng giàu, một cách vừa phải, đó sao? *L'express* hiến cho họ tất cả mọi dấu hiệu của tiện nghi: những áo choàng tắm lớn, những sự giải ngộ xuất sắc, những bãi biển đúng mốt, những món ăn hương xa, những mẹo có ích, những phân tích thông minh, bí mật của các thần linh, những chỗ nghỉ mát rẻ tiền, những tiếng chuông khác nhau, những ý tưởng mới, những chiếc áo đầm nhỏ nhỏ, những món đông lạnh nhanh, những chi tiết thanh nhã, những vụ tai tiếng lịch sự, những lời khuyên vào phút chót.

Họ khe khẽ mơ những chiếc đi-văng hiệu Chesterfields. Tờ *Express* mơ với họ. Họ để một phần lớn thời gian nghỉ hè chạy đi lòng các cửa hàng nhà quê; họ mua được rẻ ở đấy những đồ thiếc, ghế nhồi rơm, những chiếc cốc mời mọc người ta uống, những con dao cán sừng, những chiếc tô quét màu gỉ đồng mà họ dùng làm gạt tàn thuốc quý giá. Tất cả những thứ ấy, họ chắc chắn rằng tờ *Express* đã nói, hoặc sắp nói tới.

Tuy nhiên đến khi thực hiện, họ lại tránh xa một cách khá nhạy cảm những phương thức mua sắm mà *L'express* đề nghị. Họ còn chưa hoàn toàn “yên vị” và, mặc dù người ta công nhận một cách khá tự nguyện phẩm chất “cán bộ” của họ, họ vẫn không có những bảo đảm, lần những tháng lương đúp, những món tiền thưởng cho các nhân viên thường xuyên được ràng buộc bằng hợp đồng. *L'Express* bèn khuyên họ, lấy cớ đó là những tiệm nhỏ không đắt và dễ thương (chủ tiệm là một người bạn, anh ta mời bạn một cốc và một chiếc bánh club-sandwich trong lúc bạn chọn hàng), những nhà thuốc trong đó thị hiếu đương thời đòi hỏi, để được cảm nhận một cách thích hợp, một sự cải thiện về căn bản cách sắp đặt trước đó: những bức tường quét vôi trắng nhất thiết phải có, thảm trải sàn đầu-mọi-đen là cần thiết, và dám chắc chỉ có thể thay thế bằng một nền lát không đồng chất theo kiểu ghép mảnh cũ kỹ; những chiếc xà lộ trước mắt là bắt buộc, và cầu thang trong nhà, lò sưởi thứ thiết với lửa đang cháy, những đồ đạc nhà quê, hay tốt hơn nữa là đồ đạc tỉnh lẻ, được khuyến cáo mạnh mẽ. Những biến đổi ấy, được nhân rộng khắp Paris, tác động một cách không phân biệt đến các hiệu sách, phòng bán tranh, tiệm tạp hoá, tiệm thời trang vật và đồ nội thất, cả những tiệm thực phẩm khô (không hiếm khi thấy một anh bán hàng lẻ nhỏ chết đói trở thành Ông Chủ Tiệm Phô-mai, với một chiếc tạp-dề màu lam tạo vẻ rất sành sỏi và một cửa tiệm toàn xà với rơm...), thế là những biến đổi ấy kéo theo, một cách ít nhiều hợp pháp, một sự tăng giá đến mức làm cho việc sắm một chiếc áo đầm dệt bằng sợi cây đại và in hoa thủ công, một bộ twin-set bằng vải ca-sơ-mia dệt bởi một bà lão nông dân mù ở quần đảo Orcade ^[1] (đặc biệt, chính hiệu, vegetable-dyed, hand-spun, hand-woven ^[2]), hay một chiếc áo vét lông lầy nửa jersey nửa da (để đi chơi cuối tuần,

đi săn, chạy xe hơi) đâm ra luôn luôn không thể thực hiện nổi. Và cũng như họ liếc nhìn những tiệm bán đồ cổ, nhưng chỉ trông cậy vào các cửa hàng nhà quê hay các gian hàng ít người vào nhất của Khách San Drouot (mà họ cũng chỉ tới ít hơn mong muốn) để trang bị cho nội thất, cũng như họ chỉ làm giàu túi áo của mình bằng cách cần mẫn đi chợ bán đồ cũ hoặc mỗi năm hai lần đến một số cuộc bán hàng từ thiện do các bà già người Anh tổ chức vì lợi ích của Nhà Thờ Anh Giáo St-George, ở đó đầy dẫy những đồ bỏ đi – nhưng hoàn toàn chấp nhận được, chẳng nói cũng biết – của các nhà ngoại giao. Về việc này họ thường phải chịu cực một chút: phải phăng lối giữa một đám đông dày đặc và lục lọi trong một đồng những thứ kinh khiếp – người Anh không phải bao giờ cũng có được thứ thị hiếu mà người ta thừa nhận ở họ – trước khi lôi ra một chiếc cà-vạt tuyệt vời nhưng có thể là quá phù phiếm đối với một viên thư ký sứ quán, hay một chiếc sơ-mi trước kia đã từng hoàn hảo, hay một chiếc váy phải đem cắt ngắn. Nhưng chắc chắn phải thế hoặc không có gì hết: sự mất cân đối, có thể vạch ra ở khắp mọi nơi, giữa chất lượng những thị hiếu ăn mặc của họ (chẳng có cái gì là quá đẹp đối với họ) và số lượng tiền mà họ có được trong thời gian bình thường là một dấu hiệu hiển nhiên, nhưng rút cuộc cũng là thứ yếu, của tình trạng cụ thể của họ: họ không phải những kẻ duy nhất; họ thích mua hàng xài rồi hơn là mua hàng bán hạ giá ba lần một năm như mọi người vẫn làm. Trong cái thế giới của họ, luôn luôn ham muốn quá khả năng kiếm được là chuyện đã gần như luật lệ. Chẳng phải do họ ban ra; đó là một cái luật của văn minh, một dữ kiện thực tế mà ngành quảng cáo nói chung, những tạp chí, nghệ thuật bày hàng, quang cảnh phố xá, và theo một khía cạnh nào đó thì ngay cả tổng thể những sản phẩm gọi chung là văn hoá, là những biểu hiện đúng nhất. Ngay khi đó, họ đã lắm khi có những lúc cảm thấy phẩm giá bị xúc phạm: những nỗi nhục con con kia – hỏi với giọng thiếu tự tin giá một món đồ, chần chừ, toan trả giá, liếc những mặt hàng mà không dám bước vào, thềm thường, có vẻ ti tiện – những cái ấy cũng làm cho thương mại tiến triển. Họ hãnh diện vì đã trả một món đồ rẻ hơn, vì đã mua được nó với giá biểu không, gần như biểu không. Họ còn hãnh diện hơn (nhưng người ta bao giờ cũng trả hơi quá đắt cái thứ được trả quá đắt) vì đã trả rất đắt, đắt nhất, trả cái một, không kỳ kèo, gần như say, món đồ chỉ có thể là cái đẹp nhất, cái duy nhất đẹp, cái hoàn hảo. Những hổ thẹn và kiêu ngạo kia có cùng chức năng, chứa đựng trong chúng cùng những nỗi thất vọng, cùng những sự căm khứa như nhau. Và họ hiểu, bởi vì ở khắp nơi, tất cả xung quanh họ, tất cả làm cho họ hiểu, bởi vì người ta nhồi sâu vào đầu họ suốt ngày, bằng những khẩu hiệu, bích chương, đèn nê-ông, tủ kính sáng trưng, rằng họ bao giờ cũng đứng ở bậc thang hơi thấp hơn một chút, bao giờ cũng hơi quá thấp một chút. Nhưng ít ra họ còn cơ may vì không phải là, còn xa mới là những kẻ kém may mắn nhất.

Họ là những “con người mới,” những cán bộ trẻ chưa mọc hết răng, những nhà kỹ trị đang ở nửa đường của sự thành công. Hầu hết bọn họ xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản, và họ cho rằng những giá trị của tầng lớp ấy không còn đủ đối với họ: họ ngấp nghé một cách thềm thường, một cách thất vọng sự tiện nghi hiển nhiên, sự xa hoa, sự hoàn hảo của các nhà đại tư sản. Họ không có quá khứ, không có truyền thống. Họ không chờ đợi di sản. Trong tất cả các bạn của Jérôme và Sylvie, chỉ có một người xuất thân từ một gia đình giàu có và vững chắc: lái buôn hàng da ở miền Bắc; một gia sản kếch sù và chắc nịch; những cơ ngơi ở Lille, những cổ phiếu, một biệt thự thôn dã ở ngoại vi Beauvais, tiệm kim hoàn, những đồ trang sức quý, những căn phòng đầy đồ cổ hàng trăm năm.

Với tất cả những người khác, tuổi thơ trôi qua trong khung cảnh những phòng ăn và phòng ngủ kiểu Chippendale hay kiểu quê vùng Normandie, y như lúc người ta bắt đầu nghĩ ra chúng vào bình minh của những năm 30: những chiếc giường gian ^[3] phủ lụa trơn màu hoa mỹ nhân, những chiếc tủ ba cánh tô điểm bằng các tấm gương và đồ trang trí mạ vàng, những chiếc bàn vuông vắn một cách hải hùng có chân quỳ, những mặc áo giả gạc hươu. Trong đó, vào buổi chiều, dưới ngọn đèn gia đình, họ làm bài tập. Họ đổ rác, họ đi vắt sữa, họ ra khỏi nhà đóng cửa đánh sầm. Những kỷ niệm thơ ấu của họ giống nhau, cũng như gần như đồng nhất những con đường mà họ đã theo, sự nhồi lên khỏi môi trường gia đình, những viễn cảnh mà họ dường như đã lựa chọn.

Vậy là họ đang gặp thời. Họ cảm thấy thoải mái. Họ không hoàn toàn dễ bị lừa phỉnh, họ nghĩ thế. Họ biết giữ khoảng cách. Họ thấy dễ chịu, hay ít ra cũng thử làm ra thế. Họ có óc hài hước. Họ còn xa mới ngu ngốc.

Một sự phân tích đi sâu có thể dễ dàng vạch ra những lưu hướng khác nhau, những đối kháng ngầm ngầm. Một nhà nghiên cứu tỷ mỉ các quan hệ cá nhân sẽ sớm phát hiện những rạn nứt, những sự loại trừ lẫn nhau, những hiềm khích âm ỉ. Đôi khi người này hay người nọ trong bọn, tiếp sau những sự cố ít nhiều ngẫu nhiên, những sự khiêu khích tiềm tàng, những điều khác ý không nói rõ ra, đã gieo mối bất hoà trong lòng cả nhóm. Thế là tình bạn tốt đẹp của họ sụp đổ. Họ khám phá, với một vẻ sững sờ giả tạo, rằng Tay Nọ, cứ tưởng rộng lòng, lại là một kẻ thậm chí ti tiện, rằng tay kia chỉ là một gã ích kỷ khô khốc. Những mâu thuẫn nổi lên, những sự chia tay xảy ra. Đôi khi họ thích thú một cách tai quái trong việc nổi sung lên với nhau. Hoặc giả đó là những hờn dỗi quá kéo dài, những thời kỳ xa cách rõ ràng và lạnh nhạt. Họ tránh trở nhau và không ngừng tự bào chữa về chuyện ấy, mãi cho đến lúc điểm giờ của những tha thứ, lãng quên, dần hòa nồng nhiệt. Bởi rút cuộc thì họ không thể lờ nhau được.

Những trò chơi ấy khiến họ rất bận rộn và họ mất vào đấy một thời gian quý báu mà lẽ ra họ có thể sử dụng chẳng khó khăn gì vào bất cứ việc nào khác. Nhưng họ đã được tạo nên như vậy, mặc dù đôi khi có bức dọc nhau tý chút, song họ vẫn gần như hoàn toàn được xác định bởi cái nhóm mà họ hợp thành. Rồi nhóm ấy ra, họ chẳng có đời sống thực. Tuy nhiên họ cũng đủ khôn ngoan để không gặp nhau quá thường xuyên, không làm việc chung với nhau luôn luôn, thậm chí họ còn nỗ lực để giữ lấy những hoạt động cá nhân, những vùng riêng tư để thoát ra, để có thể quên đi một chút, không chỉ quên bản thân cái nhóm, tổ chức mafia, ê-kíp, mà tất nhiên là quên đi chính cái công việc tạo nên nhóm. Cuộc sống gần như chung đụng của họ khiến cho dễ dàng những cuộc nghiên cứu, những chuyến đi tỉnh, những đêm phân tích hay soạn thảo báo cáo; nhưng cuộc sống ấy cũng bùng bít họ. Có thể nói đó là tấn kịch bí mật của họ, nhược điểm chung của họ. Đó là điều họ không bao giờ nhắc tới.

Thú vui lớn nhất của họ là cùng nhau quên đi, tức là cùng nhau giải trí. Trước tiên là mê bia rượu, và họ uống nhiều, uống thường xuyên, uống cùng nhau. Họ hay tới *Harry's New York Bar* ở phố Dannou, các quán cà phê ở khu Hoàng Cung, quán *Bazar*, quán *Lipp* và vài quán khác. Họ thích bia Munich, bia Guinness, rượu gin, rượu punch đun sôi hay ướp lạnh, các thứ rượu hoa quả. Đôi khi họ dành hết các buổi chiều để uống, ngồi sát cánh quanh những chiếc bàn ghép lại, và họ nói, nói không ngừng, về cuộc sống lẽ ra họ sẽ sống, những cuốn sách có ngày họ sẽ viết, những công việc họ thích làm, những bộ phim đã xem hoặc sắp xem, về tương lai của nhân loại, về tình huống chính trị, về những kỳ nghỉ hè tới, những kỳ nghỉ hè đã qua, một chuyến đi về nông thôn, một chuyến du lịch nho nhỏ đến Bruges, Anvers hay Bâle. Và đôi khi, ngày càng chìm đắm vào những giấc mơ tập thể ấy, không tìm cách để tỉnh thức, mà lại không ngừng tái diễn chúng với một sự đồng lõa ngầm ngầm, rốt cuộc họ mất hết sự tiếp xúc với thực tế. Khi đó, thỉnh thoảng, một bàn tay chỉ việc đưa lên: người chạy bàn tới, mang đi những chiếc cốc không và mang đến những cốc khác và chẳng mấy chốc, cuộc trò chuyện, ngày thêm dày đặc, chỉ còn bàn đến những thứ họ vừa mới uống, đến sự say sưa, sự khát, đến hạnh phúc của họ.

Họ si mê tự do. Họ cảm thấy toàn thể thế giới trong tầm tay mình; họ sống theo nhịp chính xác của cơn khát của họ, và sự bùng bột của họ không thể dập tắt; nhiệt tình của họ không biết đến những giới hạn. Họ dám có thể đi, chạy, nhảy, hát suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, họ không gặp lại nhau. Các đôi giam mình trong nhà, nhịn ăn, chán ngấy, lạm dụng cà-phê đen và thuốc sủi. Họ chỉ ra khỏi nhà vào lúc đêm xuống, đi ăn một đĩa bíp-tết thịt tươi ở một quán snack-bar giá đắt. Họ có những quyết định quyết liệt: sẽ không hút, không uống, không lãng phí tiền bạc nữa. Họ cảm thấy trống rỗng và ngu ngốc và trong kỷ niệm mà họ giữ về sự nhậu nhẹt đáng nhớ của họ, bao giờ cũng len lỏi một nỗi sầu tiếc, một sự bức dọc

lờ mờ, một tình cảm mập mờ, như thể chính cái cơn đã đưa họ đến chỗ rượu chè chỉ làm nổi rõ một sự không hiểu biết cơ bản hơn, một sự cấu kính được nhấn mạnh hơn, một mâu thuẫn khép kín hơn mà họ không thể quên đi được.

Hoặc là, ở nhà người nọ hay người kia, họ tổ chức những bữa ăn tối gần như đồ sộ, những ngày hội thực sự. Phần lớn thời gian họ chỉ có những nhà bếp chật hẹp, đôi khi không thể sử dụng được, và những bát đĩa cộc cạch lạc trong đó vài chiếc hơi sang quý. Trên bàn, những đồ thủy tinh gọt cực kỳ tinh xảo đứng cạnh những lọ thủy tinh đựng mù-tạc, những con dao nhà bếp bên những chiếc thìa nhỏ bằng bạc có huy hiệu.

Họ trở về từ phố Mouffetard, cả bọn đi với nhau, trên tay chất đầy thức ăn, với những sọt đầy dưa và quả đào, những làn đầy phô-mai, đùi gà, gia cầm, những cần xé đựng hào chính vụ, những liên, những trứng cá, cuối cùng là những chai, hàng két đầy, nào vàng, nào rượu porto, nào nước khoáng, nào Coca Cola.

Họ có chín hay mười người. Họ ngồi đầy căn hộ chật chội chỉ sáng nhờ một cửa sổ mở ra sân; phía trong cùng, một tràng kỷ phủ nhung ráp choán cả cái hốc kê giường; ba người ngồi vào chỗ ấy, trước mặt cái bàn đã dọn đồ ăn, những người khác yên vị trên những chiếc ghế dựa cộc cạch, những chiếc ghế đầu. Họ ăn uống trong suốt nhiều giờ. Sự thừa mứa của những bữa ăn ấy thật là kỳ cục: nói cho đúng, theo một quan điểm ẩm thực khắt khe thì họ ăn uống tầm thường: thịt quay và gia cầm không có nước sốt nào kèm; các món rau, hầu như không thay đổi, là khoai tây chiên áp chảo hay luộc, hay thậm chí, vào cuối tháng, các món ăn no là mì hay cơm ăn kèm ô-liu và vài con cá trống. Họ không hề nghiên cứu gì cả; những món chuẩn bị rắc rối nhất là dưa tây nấu sốt porto, chuối thui, dưa chuột trộn kem. Phải mất nhiều năm họ mới nhận thấy có một kỹ thuật, nếu không là một nghệ thuật nấu nướng, và tất cả những gì họ đã thích ăn hơn cả lại chỉ là những món thô lậu, chẳng có bài bản chế biến lẫn sự tinh tế.

Trong việc ấy, lại một lần nữa họ chứng tỏ sự mập mờ trong tình thế của họ: hình ảnh mà họ tự tạo nên về một bữa tiệc tương ứng từng nét một với những bữa ăn mà họ đã đặc biệt quen thuộc một thời gian dài, đó là những bữa ăn của các quán sinh viên: sau khi đã ăn quá nhiều bíp-tết mỏng dính và dai nhách, họ đã dành cho món chateaubriand và phi-lê một sự tôn thờ thực sự. Những món thịt nấu sốt – và thậm chí họ đã ngờ vực trong thời gian dài những món hầm – không hấp dẫn họ; họ giữ một kỷ niệm quá rõ nét về những mẩu mỡ bơ giữa ba khoanh cà rốt thân mật bên một miếng phô-mai petit-suisse đã chảy và một thìa mứt nhão. Một cách nào đấy, họ thích tất cả những món phủ nhận sự nấu nướng và làm tăng vẻ huy hoàng. Họ thích sự thừa thãi và giàu có lộ lộ; họ từ chối sự chế biến chậm chạp biến thành món ăn những sản phẩm bạc béo và liên lụy cả một thế giới những chảo, nồi, thớt, chảo, lò. Nhưng đôi khi quang cảnh một cửa hàng thịt khiến họ gần như ngã lòng, vì tất cả trong đó đều xài được, xài ngay lập tức: họ thích những miếng pa-tê, những món rau thập cẩm trang hoàng bằng các chuỗi mayonnaise, những cuộn giăm-bông và những quả trứng trong nước thịt đông: họ quá thường xuyên bị quyến rũ, và một khi con mắt đã thỏa thì họ hối tiếc ngay, lúc chiếc nĩa chỉ vừa cắm vào nước thịt đông được tô điểm bằng một lát cà chua và hai nhánh mùi tây: vì rốt cuộc đó chỉ là một quả trứng luộc.

Họ mê nhất là điện ảnh. Và có thể đó là lãnh vực duy nhất mà ở đó sự nhạy cảm của họ đã học được tất cả. Họ không nhờ gì vào các kiểu mẫu trong đó. Theo lứa tuổi, theo sự đào tạo, họ thuộc về cái thế hệ đầu tiên coi điện ảnh, còn hơn một nghệ thuật, là một sự hiển nhiên; họ đã luôn luôn hiểu biết nó, không phải kiểu áp ứng, mà hiểu biết tức khắc với những kiệt tác và thần thoại của nó. Đôi khi họ cảm thấy mình đã lớn lên với nó, và hiểu nó rõ hơn bất kỳ người nào trước họ có thể hiểu.

Họ là những kẻ ghiền điện ảnh. Đó là đam mê thứ nhất của họ; họ thả mình vào đó mỗi tối, hay gần như thế. Họ yêu thích các hình ảnh, chỉ cần chúng hơi đẹp, hơi lôi kéo, hơi quyến rũ, hơi

mê hoặc một chút. Họ yêu thích sự chinh phục không gian, thời gian, sự vận động, họ yêu thích lốc xoáy của những phố New York, sự đồ ải của vùng nhiệt đới, bạo lực của các quán rượu Viễn Tây. Họ không quá biệt phái như những đầu óc thô thiển chỉ kính phục duy nhất một Eisenstein, Bunuel, hay Antonioni, hay còn nữa - phải có tất cả để tạo nên một thế giới - Carné, Vidor, Aldrich hay Hitchcock, cũng không quá ba phải như những kẻ ấu trĩ mất hết tinh thần phê phán, chỉ cần một bầu trời xanh có màu xanh trời, hay màu đỏ nhẹ của chiếc áo đầm của Cyd Charisse vắt trên màu đỏ tối của tấm tràng kỷ của Robert Taylor, cũng kêu lên là thiên tài. Họ không thiếu khiếu thưởng thức. Họ có một thành kiến nặng nề chống lại thứ điện ảnh gọi là nghiêm túc, nó khiến họ thấy những tác phẩm mà sự định chất kia không đủ để biến thành vô tích sự, đâm ra còn hay hơn (nhưng dẫu sao, họ cho rằng *Marienbad* thật là cực c.!, và họ có lý), họ có một thiện cảm gần như quá khích với các phim Viễn Tây, phim giật gân, những phim hài Mỹ, và với những cuộc phiêu lưu lạ lùng, được bơm phồng lên bằng những bay bổng trữ tình, những hình ảnh lộng lẫy, những vẻ đẹp chớp sáng và gần như không thể giải thích, chẳng hạn như - họ luôn luôn nhớ tới - *Lola*, *Những Số Mệnh Gặp Nhau*, *Những Kẻ Bị Mê Hoặc*, *Viết Trên Cánh Gió*.

Họ hiếm khi nào đi nghe hòa nhạc, xem kịch càng ít hơn. Nhưng họ chẳng hẹn mà gặp nhau ở Cinémathèque, ở Passy, Napoléon, hay các rạp chiếu bóng nhỏ ở các khu phố, rạp Kursaal ở khu Gobelins, rạp Texas ở khu Montparnasse, rạp Bikini, rạp Mexico quảng trường Clichy, l'Alcazar ở khu Belleville, những rạp khác nữa, về phía Bastille hay Quận 15, những phòng chán ngắt, trang thiết bị nghèo nàn, khách xem quen thuộc dường như chỉ có những người thất nghiệp, người Algérie, những anh trai già, những kẻ ghiền phim, và chương trình là những bản lồng tiếng góm ghiếc các kiệt tác không ai biết mà họ nhớ lại từ hồi 15 tuổi, hoặc những bộ phim nổi tiếng là thiên tài mà danh sách nằm trong đầu họ và từ nhiều năm nay họ toan xem. Họ giữ một kỷ niệm kinh ngạc về những buổi tối tốt lành mà họ gần như tình cờ khám phá hay khám phá lại. *Hải Tặc Đỏ*, hay *Thế Giới Thuộc Về Anh*, hay *Những Kẻ Cướp Đêm*, hay *My Sister Eileen*, hay *Năm Nghìn Ngón Tay Của Bác Sĩ T*. Than ôi, thật tình là rất thường xuyên họ thất vọng đau đớn. Những bộ phim họ chờ đợi lâu đến thế, cứ mỗi thứ tư lại xùng xục giở tờ *Công Báo Biểu Diễn* ngay vào giờ đầu tiên, những bộ phim mà gần như ở chỗ nào người ta cũng bảo đảm với họ là hay lắm, đôi khi cuối cùng cũng được thông báo. Họ gặp lại nhau đủ mặt trong phòng chiếu, vào tối đầu tiên. Màn ảnh sáng lên và họ run lên vì khoan khoái. Nhưng màu sắc thì cũ, hình ảnh thì nháy, những vai nữ đã già nua khủng khiếp; họ bước ra, họ buồn bã. Đó không phải bộ phim mà họ đã mơ tưởng. Đó không phải bộ phim trọn vẹn mà mỗi người trong bọn họ mang trong lòng, bộ phim hoàn hảo mà họ sẽ không thể khai thác hết. Bộ phim mà họ muốn làm. Hay, chắc là bí mật trong lòng, bộ phim mà họ muốn sống.

Chương V

Họ sống như vậy, họ và các bạn họ, trong những căn hộ nhỏ dễ thương chất đầy các thứ lủng củng, với những buổi đi dạo và những bộ phim, những bữa đại tiệc thân thiện, những dự án tuyệt vời của họ. Họ không bất hạnh. Có những niềm hạnh phúc sống, thoáng qua, mờ dần, làm bừng sáng những buổi ban ngày. Có những chiều, sau bữa ăn, họ chần chừ không đứng lên khỏi bàn; họ uống hết một chai vang, gặm những trái hồ đào, chiêm những điệu thuốc lá. Có những đêm, họ không sao ngủ được, và, nửa nằm nửa ngồi, gối kê sau lưng, một chiếc gạt tàn để giữa, họ nói đến tận sáng. Có những ngày, họ đi dạo, vừa đi vừa tán gẫu suốt nhiều giờ. Họ tự nhìn mình trong gương của các mặt hàng, mà mỉm cười. Họ thấy tất cả đều hoàn hảo; họ bước đi một cách tự do, các cử động của họ cởi mở, thời gian như không còn tác động tới họ. Họ chỉ cần hiện hữu ở đó, trên phố, một ngày lạnh khô, gió to, mặc ấm, vào lúc chiều rơi, đi về một nơi ở của bạn bè, không vội vã nhưng xải bước, để cho một cử chỉ nhỏ nhất của mình - chiêm một điệu thuốc, mua một gói hạt giẻ nóng, luồn lách trong đám nhốn nháo vừa ra khỏi nhà ga - cũng hiện ra như biểu hiện rõ ràng, tức khắc, của một niềm hạnh phúc không bao giờ cạn.

Hoặc giả, có những đêm hè, họ bước đi rất lâu trong những khu phố gần như lạ hoắc. Một vầng trăng tròn vành vạnh lấp lánh trên trời cao và tỏa xuống mọi vật một ánh sáng mượt mà. Những con phố vắng tanh, dài, rộng, vang âm, rền lên dưới những bước chân đồng nhịp của họ. Những chiếc taxi hiếm hoi chậm chậm chạy qua, gần như không tiếng động. Khi ấy họ cảm thấy mình là chủ nhân của thế giới. Họ cảm nhận một sự phấn khích chưa hề biết tới, như thể họ đã là những người nắm giữ các bí mật thần kỳ, những lực lượng không thể diễn đạt. Và, tay nắm tay nhau, họ bắt đầu chạy, hay chơi nhảy ô, hay lò cò dọc các vỉa hè và đồng thanh hú lên những điệu nhạc chính trong vở *Così fan tutte* hay *Messe en si*.

Hoặc giả, họ đẩy cửa một quán ăn nhỏ, và với một niềm vui gần như có tính nghi lễ, họ để cho thấm vào cơ thể hơi ấm xung quanh, tiếng nĩa lách cách, tiếng cốc lanh canh, tiếng êm êm những giọng nói, lời hứa hẹn của những khăn trải bàn màu trắng. Họ chọn rượu vang với vẻ trang trọng, mở khăn ăn ra, và lúc ấy, thật ấm chỗ, đối diện nhau, hút một điếu thuốc để rồi nó vừa cháy ít lâu đã dụi đi khi những món ăn chơi được đưa tới, họ thấy như thể cuộc đời họ chỉ là tổng số không thể nào cạn của những thời khắc thuận lợi kia, và họ sẽ mãi mãi hạnh phúc, bởi vì họ xứng đáng được hạnh phúc, bởi vì họ biết giữ cho mình không bị ràng buộc, bởi vì hạnh phúc ở trong họ. Họ ngồi người nọ trước mặt người kia, họ sẽ ăn sau khi thấy đói, và tất cả những đồ vật kia – chiếc khăn bàn trắng bằng vải bố thô, vệt màu lam của bao thuốc lá Gitanes, những chiếc đĩa sứ, những bộ đồ ăn hơi nặng, những chiếc cốc có chân, chiếc làn mây đầy bánh mới ra lò – tạo thành cái khung luôn luôn mới của một lạc thú gần như thuộc nội tạng, đến giới hạn của sự dờ dẩn: cảm tưởng gần như trái ngược một cách chính xác và gần như tương tự một cách chính xác với cảm tưởng gây ra bởi tốc độ, của một sự tĩnh tại tuyệt vời, của một sự viên mãn tuyệt vời. Từ cái bàn dọn sẵn này, họ có cảm tưởng của một sự đồng bộ hoàn hảo: họ hiện hữu trong sự hợp nhất của thế giới, họ tắm gội trong đó, họ hiện hữu một cách thoải mái trong đó, họ chẳng có gì phải sợ về nó.

Có thể họ biết, hơn những người khác một chút, giải mã, hay thậm chí khơi gợi những dấu hiệu thuận lợi ấy. Hai lỗ tai, những ngón tay, vòm miệng của họ, như thể đã luôn luôn nắp rình, chỉ chờ đợi những khoảnh khắc trời cho mà một chút không đâu cũng đủ để bật dậy ấy. Nhưng, trong những lúc đó, khi họ buông mình theo một tình cảm yên bình phẳng lặng, vĩnh hằng, mà không bị một sự căng thẳng nào đến khuấy động, trong đó tất cả đều cân bằng, chậm chạp một cách ngọt ngào, thì bản thân sức mạnh của những niềm vui ấy lại kích động tất cả những gì là phù du và dễ vỡ có trong những niềm vui ấy. Chẳng cần gì to tát để làm cho tất cả sụp đổ: chỉ lời nhận xét sai nhỏ nhất, một thoáng chần chừ, một dấu hiệu hơi quá thô thiển, là hạnh phúc của họ tan rã; nó lại trở thành cái mà nó chưa bao giờ ngừng là, một kiểu hợp đồng, một cái gì mà họ đã mua, một cái gì dễ vỡ và đáng thương hại, một khoảnh khắc ngưng ngưng đơn giản kéo tuột họ trở về điều chứa đựng cái nguy hiểm nhất, cái không chắc chắn nhất trong sự tồn sinh, trong câu chuyện của họ.

Với các cuộc điều tra, thì cái phiền là chúng không kéo dài. Trong câu chuyện của Jérôme và Sylvie đã ghi sẵn cái ngày mà họ phải chọn lựa: hoặc chịu thất nghiệp, không có việc làm, hoặc gấn bó vũng chắc hơn vào một hãng, vào đấy hết thời gian, trở thành cán bộ trong đấy. Hoặc đổi nghề, tìm một công việc ở chỗ khác, nhưng như thế chỉ là di chuyển vấn đề mà thôi. Bởi vì nếu như người ta chấp nhận dễ dàng cho những cá nhân chưa đến tuổi ba mươi được giữ một sự độc lập nhất định và làm việc tùy ý, ngay cả nếu như đôi khi người ta đánh giá tốt tình trạng không ràng buộc, tinh thần cởi mở, tính đa dạng của kinh nghiệm, hay điều mà người ta còn gọi là tính đa trị của họ, thì bù lại, người ta đòi hỏi, kể ra cũng khá mâu thuẫn, rằng mọi cộng tác viên tương lai một khi đã vượt qua giới hạn tuổi ba mươi (như thế đúng là làm cho tuổi ba mươi thành một giới hạn), phải chứng tỏ một sự ổn định nào đó, và phải bảo đảm sự đúng giờ, ý thức nghiêm túc, kỷ luật. Các ông chủ, đặc biệt trong ngành quảng cáo, không chỉ từ chối tuyển dụng những cá nhân đã quá tuổi ba mươi lăm, họ còn ngần ngại tín nhiệm một kẻ đến ba mươi tuổi mà chưa từng được tuyển dụng. Còn như tiếp tục chỉ sử dụng họ nhất thời, như thể

không sao hết, thì ngay việc ấy đã là không thể được: sự không ổn định không tạo nên sự nghiêm túc; đến ba mươi tuổi, người ta phải thành đạt, hoặc không là gì cả. Và không ai thành đạt nếu như người đó không tìm được chỗ của mình, không củng cố địa vị của mình, không có chòm chìa khoá, phòng làm việc, tấm biển nho nhỏ của mình.

Jérôme và Sylvie thường suy nghĩ vấn đề ấy. Họ còn vài năm ở phía trước, nhưng cuộc sống mà họ sống, sự yên hàn hoàn toàn tương đối mà họ biết đến, sẽ không bao giờ có được. Tất cả sẽ vừa ra đi vừa tan rã; sẽ không còn lại gì cho họ. Họ không cảm thấy bị đè bẹp vì công việc, đời sống của họ được bảo đảm, có năm tốt năm xấu, tạm tạm nhì nhằng, mà không có một nghề nào vắt kiệt nó cho riêng mình. Nhưng điều ấy không thể kéo dài.

Người ta không bao giờ cứ làm nhân viên điều tra mãi trong một thời gian quá dài. Chỉ vừa được đào tạo xong, nhà tâm lý xã hội học hết sức nhanh chóng đạt tới những nấc thang cao hơn: anh ta trở thành phó giám đốc hay giám đốc hãng, hay là tìm thấy trong doanh nghiệp nào đó một địa vị đáng ao ước: trưởng phòng, phụ trách tuyển dụng nhân sự, định hướng, quan hệ xã hội, hay chính sách thương mại. Đó là những vị trí tốt đẹp: những văn phòng phủ thảm lót sàn; có hai máy điện thoại, một máy ghi âm đọc, một tủ lạnh phòng khách và thậm chí đôi khi, một bức tranh của Bernard Buffet trên một bức tường.

Than ôi, Jérôme và Sylvie thường nghĩ và đôi khi nói ra, ai không làm việc thì không có ăn, chắc chắn rồi, nhưng ai làm việc thì không sống nữa. Họ tin là mình đã rút ra kinh nghiệm về việc ấy trong vài tuần lễ. Sylvie đã trở thành người phụ trách tư liệu trong một văn phòng nghiên cứu, Jérôme mã hóa và giải mã những bài phỏng vấn. Các điều kiện làm việc của họ còn hơn cả dễ chịu: họ đến khi nào họ thích, đọc báo ở văn phòng, thường xuyên xuống uống một cốc bia hay cà-phê, và thậm chí, đối với công việc mà họ thực hiện một cách lè mề, họ cảm thấy một thiện cảm nhất định, nó được động viên bằng sự hứa hẹn rất mờ hồ của một lời cam kết chắc nịch, một bản hợp đồng hợp thể thức, một sự thăng tiến nhanh chóng. Nhưng họ không trụ được lâu. Những buổi sáng thức dậy u ám khủng khiếp; những buổi chiều trở về, trong các chuyến xe điện ngằm chật ních, đầy uất hận; họ buông mình, u mê, bần thiêu, trên đi-văng, và chỉ còn mơ tưởng những kỳ nghỉ cuối tuần, những ngày trống, những buổi ngủ dậy thật trễ.

Họ cảm thấy mình bị nhốt, bị sa bẫy, bị làm thành như loài chuột. Họ không thể cam chịu. Họ còn tin là hàng tá hàng tá việc có thể xảy đến cho họ, rằng bản thân sự đều đặn của giờ giấc, sự tiếp nối ngày lại ngày, tuần lại tuần, như thể một thứ xiềng xích mà họ không ngần ngại đánh giá là của địa ngục. Tuy nhiên, dầu sao đi nữa, đó là khởi đầu của một nghề nghiệp tốt đẹp: một tương lai tốt đẹp mở ra trước mắt họ; họ đang ở những khoảnh khắc hào hùng khi ông chủ đánh giá bạn là một người trẻ tuổi, tự khen *in petto* ^[4] là đã lấy bạn vào, khẩn trương đào tạo bạn, nhào nặn bạn theo hình ảnh của ông ta, mời bạn ăn tối, vỗ vào bụng bạn, mở cho bạn những cánh cửa may mắn, chỉ bằng một cử chỉ.

Họ ngu dần thật – biết bao lần họ tự nhắc nhở rằng mình ngu dần, mình đã lầm, dù sao thì mình cũng không có lý hơn những kẻ khác, những kẻ miệt mài, những kẻ leo trèo – nhưng họ vẫn yêu thích những ngày dài không hoạt động của họ, những buổi thức giấc lười nhác, những buổi sớm trên giường, với một chồng truyện trinh thám và khoa học giả tưởng bên mình, những cuộc dạo chơi trong đêm, đọc những bờ ke, và cái cảm tính gần như kích động về tự do mà họ cảm thấy trong một số ngày, cái cảm tính của kỳ nghỉ hè chiếm lĩnh họ mỗi lần họ trở về từ một chuyến đi điều tra ở tỉnh.

Chắc chắn họ biết tất cả những cái đó là giả dối, tự do của họ chỉ là lừa phỉnh. Cuộc sống của họ được đánh dấu nhiều hơn bởi những cuộc tìm kiếm việc làm gần như điên cuồng, khi mà chuyện ấy thường xảy ra, một trong các hãng thuê mướn họ bị sụp đổ hay bị một hãng khác lớn hơn nuốt chửng, bởi những ngày cuối tuần đếm từng điều thuốc, bởi, có những ngày, thời gian họ mất để làm sao được mời ăn tối.

Họ ở giữa tình thế tầm thường nhất, tồi tệ nhất đời. Nhưng có hoài công mà biết rằng nó tầm thường và tồi tệ, thì họ vẫn ở giữa tình thế ấy; sự đối lập giữa công việc và tự do đã từ đời nào rồi không còn làm thành một khái niệm chính xác, họ đã tự thuyết phục như thế; nhưng dù sao đó cũng là điều đã xác định trước tiên con người họ.

Những người chọn lối kiếm tiền trước đã, để dành các dự án thực sự của mình về sau, lúc đã giàu có, những người ấy chẳng nhằm lẫn lẩn. Những người chỉ muốn sống, và coi sống có nghĩa là được tự do nhiều nhất, là đuổi theo hạnh phúc, là cố sức thỏa mãn các dục vọng hay bản năng, là sử dụng ngay lập tức những của cải vô hạn của thế giới – Jérôme và Sylvie đã đem chương trình to lớn ấy làm thành của mình -, những người ấy bao giờ cũng sẽ bất hạnh. Đúng là, họ thừa nhận thế, có những cá nhân mà đối với những người ấy cái loại song đề kia không đặt ra, hay chỉ đặt ra sơ sơ, hoặc là những người quá nghèo và chưa có các đòi hỏi nào khác ngoài việc ăn ngon hơn một chút, ở tốt hơn một chút, làm việc ít hơn một chút, hoặc là những người quá giàu, ngay từ lúc khởi phát, để có thể hiểu được tầm quan trọng hay thậm chí ý nghĩa của một sự phân cách như thế. Nhưng ở thời buổi và hoàn cảnh của chúng ta, ngày càng có nhiều người không giàu mà cũng không nghèo: họ mơ tưởng sự giàu và có thể làm giàu: chính ở chỗ này bắt đầu những bất hạnh của họ.

Một chàng trai về lý thuyết có học hành ít nhiều, rồi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trong danh dự, vào khoảng hai mươi lăm tuổi lại trở về trần trường như lúc chào đời, dẫu rằng về nguyên tắc thì y có thể sở hữu nhiều tiền hơn là y hằng mong muốn, nhờ vào ngay kiến thức của mình. Có nghĩa là y biết chắc chắn rằng sẽ tới một ngày y có căn hộ của mình, ngôi nhà thôn quê, xe hơi, dàn máy hi-fi của mình. Tuy nhiên những lời hứa phấn khích kia hóa ra bao giờ cũng đòi hỏi một cách tai hại rằng người ta phải chờ đợi: từ ngay bản thể, chúng thuộc về một tiến trình cũng bao gồm luôn, nếu người ta thật sự muốn suy nghĩ về nó, cả việc hôn nhân, sinh con đẻ cái, sự tiến triển những giá trị đạo đức, những thái độ xã hội và ứng xử nhân bản. Nói tóm gọn, chàng trai phải tự ổn định, và việc đó mất bég mười lăm năm.

Một viễn cảnh như thế thật không an ủi người ta. Chẳng có ai dẫn thân vào đấy mà không cầu nhàu. Sao cơ chứ, chàng trai vừa ra trường tự nhủ, mình sắp phải tiêu ma ngày tháng đằng sau những chiếc bàn làm việc lót kính kia thay vì đi dạo chơi trên những cánh đồng nở hoa, mình sắp phải cần rắng chịu đựng, mình vốn là người mơ mộng thi ca, những chuyến tàu đêm, những bãi cát nóng ả? Và, tin rằng đó là cách tự an ủi, y rơi vào bẫy của các vụ bán hàng trả góp. Bấy giờ, y bị vào tròng, và vào tròng thật sự: y chỉ còn có cách tự vũ trang bằng lòng nhẫn nại. Hỡi ôi, khi đã qua hết khổ ả, thì chàng trai không còn trẻ lắm nữa, và họa vô đơn chí, thậm chí có thể y còn té ngựa ra rằng cuộc đời y đã ở phía sau lưng, và nó chỉ là sự nỗ lực chứ không phải mục tiêu của y, và ngay cả nếu như y có quá khôn ngoan, quá cẩn trọng – bởi vì sự thắng tiến chậm chạp sẽ cho y một kinh nghiệm lành mạnh – để có thể tự kiềm chế những chuyện như thế, thì một điều cũng thực không kém là y đã đến tuổi tứ tuần, và việc chuyển các chỗ ở chính và phụ, việc giáo dục con cái đủ để choán hết những giờ còm mà y không dành cho làm lụng...

Lòng kiên nhẫn là một đức tính của thế kỷ XX, Jérôme và Sylvie tự nhủ. Ở tuổi hai mươi, khi họ đã thấy, hay tin là đã thấy cuộc sống có thể là cái gì, tổng số những hạnh phúc mà nó chứa đựng, những cuộc chinh phục bất tận mà nó cho phép, v.v..., thì họ biết rằng mình sẽ không có sức chờ đợi. Họ có thể tới nơi, hoàn toàn như những người khác; nhưng họ không chỉ muốn tới nơi mà thôi. Có thể chính ở điểm ấy họ là cái thích hợp để gọi là trí thức.

Bởi vì tất cả khiến họ lằm lẩn, và trước hết là bản thân cuộc sống. Họ muốn hưởng thụ cuộc sống. Nhưng khắp nơi xung quanh họ, hưởng thụ lẫn lộn với sở hữu. Họ muốn vẫn được tự do và gần như hồn nhiên, nhưng năm tháng cứ trôi đi mà không mang lại gì cho họ. Những kẻ khác rút cuộc chỉ nhìn thấy một cửa cánh trong sự giàu có, nhưng họ thì không hề có tiền.

Họ tự nhủ mình không phải những người bất hạnh nhất. Họ có thể có lý. Nhưng đời sống hiện đại kích thích nỗi bất hạnh của chính họ, trong khi nó xóa đi nỗi bất hạnh của những kẻ khác: những kẻ khác đi theo con đường đúng. Họ thì chẳng là gì đáng kể: những kẻ kiếm được cò con, làm ăn nhỏ lẻ, thất thường. Mặt khác, cũng đúng là theo một nghĩa nào đó thì thời gian ủng hộ họ, và họ có được từ thế giới khả thể những hình ảnh có thể tỏ ra phần khích. Đó là một sự an ủi mà họ đồng lòng coi là tồi tệ.

Chương VI

Họ đã ổn định trong sự tạm bợ. Họ làm việc như những người khác học hành nghiên cứu; họ chọn cách sắp xếp giờ giấc của mình. Họ tha thẩn như chỉ có các sinh viên biết tha thẩn.

Song những hiểm họa rình rập họ từ mọi chỗ. Họ những muốn câu chuyện của họ là câu chuyện của hạnh phúc; quá thường khi nó lại là câu chuyện của một hạnh phúc bị đe dọa. Họ hãy còn trẻ, mà thời gian thì trôi nhanh. Một anh sinh viên già là cái gì đó thật thê thảm; một kẻ lờ làng, một kẻ tầm tầm, thì còn thê thảm hơn. Họ sợ.

Họ có thời gian rảnh rỗi; nhưng thời gian cũng chống lại họ. Phải trả tiền gaz, tiền điện, điện thoại. Phải ăn hàng ngày. Phải mặc, phải sơn lại tường, thay vải trải giường, thuê giặt khăn, ủi áo sơ-mi, mua giày, đi tàu hỏa, mua bàn ghế.

Đôi khi chuyện kinh tế vò xé cả hai người. Họ không ngừng nghĩ đến nó. Thậm chí đời sống tình cảm của họ, trong một chừng mực rộng lớn, cũng lệ thuộc chặt chẽ vào đó. Tất cả khiến có thể nghĩ rằng, khi họ giàu một chút, khi họ tiến lên một chút, thì hạnh phúc chung của họ không thể nào hủy diệt; không có trói buộc nào có vẻ hạn chế tình yêu của họ. Những ý thích, sự ngông, sự bày đặt, những thèm muốn của họ lẫn vào nhau trong một thứ tự do đồng nhất. Song những thời điểm ấy chỉ là may mắn; thường hơn là họ phải tranh đấu: ngay khi có những dấu hiệu thâm hụt, không hiếm khi họ trỗi dậy chống lại nhau. Họ đối địch nhau vì một cái không đâu, vì một trăm quan tiêu phí, vì một đôi vớ, vì một chậu bát đĩa không rửa. Những lúc ấy, suốt nhiều giờ dài, nhiều ngày trọn, họ không nói với nhau nữa. Họ ngồi đối mặt, ăn rất nhanh, ai lo phận nấy, chẳng ngó đến nhau. Họ ngồi mỗi người một góc đi-văng, quay nửa lưng vào nhau. Người nọ hay người kia chơi những ván cờ phá trận không dứt.

Giữa họ sừng sững chuyện tiền bạc. Đó là một bức tường, một loại chặn cửa mà mỗi lúc họ lại vấp phải. Đó là một cái gì còn tệ hơn cả đói nghèo: sự buồn chán, chật chội, mỏng manh. Họ sống cái thế giới kín bưng của đời sống kín bưng của họ, không tương lai, không có những lối mở nào khác ngoài những phép lạ không thể có, những giấc mơ đề tiện không đứng vững được. Họ ngạt thở. Họ tự cảm thấy chìm đắm.

Hẳn là họ có thể nói về chuyện khác, một cuốn sách vừa ra, một nhà đạo diễn, về chiến tranh, hay những thứ khác, nhưng đôi khi có vẻ như những cuộc trò chuyện thật sự của họ là về tiền nong, tiện nghi, hạnh phúc. Những lúc đó giọng nói cao lên, sự căng thẳng tăng lên. Họ nói, và trong lúc nói, họ cảm nhận được trong họ tất cả những gì là không có khả năng, không thể đạt

tới, là khổ. Họ cáu kỉnh; họ bị liên lụy quá nhiều; họ cảm thấy người nọ bị người kia cáo giác ngầm ngầm. Họ dựng lên các dự kiến đi nghỉ hè, đi du lịch, mua căn hộ, và rồi phá hủy chúng một cách giận dữ: Họ cảm thấy cuộc sống thực tế nhất của họ hiện ra trong ánh sáng thực của nó, như một cái gì không vững chắc, không tồn tại. Thế là họ im lặng, và sự im lặng của họ đầy oán hận; họ giận đời, và đôi khi họ yếu lòng giận lẫn nhau; họ nghĩ đến việc học hành dang dở, những kỳ nghỉ chán ngắt, đến cuộc sống tầm tầm của mình, đến căn hộ bề bộn, đến những giấc mơ không thể thực hiện. Họ nhìn nhau, thấy nhau xấu xí, ăn mặc tồi tàn, thiếu thoải mái, cau có. Bên cạnh họ, trong các phố xá, những chiếc xe hơi trôi đi chậm chậm. Trên những quảng trường, các bảng đèn nê-ông lần lượt sáng lên. Ở các quán cà-phê ngoài hiên, người ta giống như những con cá thả mồi. Họ ghét mọi người. Họ đi bộ trở về nhà, mỗi một. Họ đi ngủ mà không nói với nhau một lời.

Chỉ cần có cái gì đó một hôm rạn vỡ, một hãng kia đóng cửa, hay là người ta thấy họ quá già, hay quá không đều đặn trong công việc, hay một trong hai người ngã bệnh, là đủ cho tất cả sụp đổ. Họ không có gì đằng trước mặt, cũng chẳng có gì phía sau lưng. Họ thường nghĩ đến cái chủ đề bản khoán ấy. Họ không ngừng trở lại chủ đề ấy một cách bất đắc dĩ. Họ thấy mình không có việc làm trong suốt nhiều tháng liền, chấp nhận những công việc vớ vẩn, mượn mồi, xin xỏ, để sống sót. Thế là đôi khi họ có những khoảnh khắc thất vọng mãnh liệt: họ mơ tưởng những văn phòng, những nơi cố định, những ngày đều đặn, một quy chế xác định. Nhưng những hình ảnh đảo ngược kia có thể càng làm họ thất vọng hơn: dường như họ không thể nhận ra chính mình trong bộ mặt, dấu rằng có thể rõ ràng, của một người kỳ cựu; họ nhất quyết rằng họ ghét những thang đẳng cấp, và rằng các giải pháp, kỳ diệu hay không kỳ diệu, sẽ đến từ chỗ khác, từ thế giới, từ Lịch sử. Họ tiếp tục đời sống bập bõm của mình: nó phù hợp với xu hướng tự nhiên của họ. Trong một thế giới đầy khiếm khuyết, họ không khó gì mà không tự trấn an rằng đời họ không phải cuộc đời kém hoàn hảo nhất. Họ sống ngày nào biết ngày ấy; họ tiêu trong vòng sáu giờ số tiền kiếm được trong ba ngày; họ thường vay mượn; họ ăn những miếng khoai tây rán góm ghiếc, hút chung điếu thuốc cuối cùng, đôi khi tìm suốt hai giờ một chiếc vé xe điện ngầm, mặc những chiếc sơ-mi biến dạng, nghe những đĩa hát mòn cũ, đi lại bằng cách vẩy xe nhò, và còn khá thường xuyên để năm sáu tuần lễ không thay khăn trải giường. Họ không xa cái suy nghĩ rằng, rốt cuộc thì đời sống ấy có cái thú của nó.

[1]Orcaades: quần đảo của nước Anh ở phía bắc Scotland (tiếng Anh là Orkney).

[2]Những tiếng Anh trong nguyên bản: nhuộm bằng màu thực vật, kéo sợi và dệt bằng tay.

[3]Lit de milieu: loại giường cổ rất lớn, có cửa chui ra chui vào.

[4]In petto (tiếng Latin): nghĩ thầm trong bụng.

Chương VII

Khi họ cùng nhau mừng tượng cuộc sống, thói quen, tương lai của mình, khi họ dốc hết lòng vào việc phác họa những thế giới tốt đẹp hơn, một cách cuồng nhiệt kiểu gì đó, có đôi khi họ tự

nhủ, với một nỗi u buồn nhàn nhạt, rằng họ không có được những ý tưởng rõ ràng. Họ nhìn thế giới với cái nhìn lơ mờ, và sự minh mẫn mà họ dựa vào lại thường đi kèm những dao động không xác định, những sự hòa giải không rõ nghĩa và những suy xét khác nhau, những cái ấy tiết chế, giảm thiểu, hay thậm chí làm mất giá trị một thiện chí dẫu sao cũng hiển nhiên.

Họ cảm thấy như đó là một lối đi, hay một sự vắng bóng lối đi -chính là cái điều định nghĩa họ một cách hoàn hảo, và chẳng cứ riêng họ, mà tất cả những ai chạc tuổi họ. Đôi khi họ tự nhủ: những thế hệ đi trước chắc là đã đạt tới một ý thức chính xác hơn cả về bản thân mình lẫn thế giới mà mình trú ngụ. Có thể họ sẽ thích được ở vào tuổi hai mươi trong thời kỳ chiến tranh Tây Ban Nha hay thời kỳ Kháng Chiến: nói cho đúng, họ nói về chuyện ấy một cách thoải mái; họ cảm thấy như những vấn đề đặt ra hồi đó, những vấn đề mà họ hình dung là phải được đặt ra, những vấn đề ấy rõ ràng hơn, ngay cả khi sự cần thiết phải trả lời tỏ ra bắt buộc hơn; còn họ thì chỉ gặp những câu hỏi gài bẫy.

Đó là một hoài niệm hơi đạo đức giả: cuộc chiến tranh Algérie đã khởi sự với họ, nó tiếp tục dưới mắt họ. Nó chỉ hơi tác động tới họ; đôi khi họ hành động, nhưng họ hiếm khi tự cảm thấy mình buộc phải hành động. Một thời gian dài họ không nghĩ rằng cuộc sống, tương lai, các quan niệm của họ có thể có ngày đi đến chỗ bị đảo lộn. Điều ấy xưa kia cũng đã đúng phần nào: những năm tháng đời sinh viên đã chứng kiến họ tham gia, một cách bông bột hơn và thường gần như nhiệt thành, những cuộc mít-tinh biểu tình trên đường phố đánh dấu bước khởi sự cuộc chiến, những lệnh gọi tái ngũ quân dự bị, và nhất là sự đăng quang của phe De Gaulle. Một mối quan hệ gần như tức thời liền được thiết lập giữa những hành động ấy, dù chỉ là những hành động rất hạn chế, với đối tượng mà những hành động ấy áp vào. Và người ta không thể trách cứ họ một cách nghiêm túc về việc trong trường hợp ấy họ đã lầm lẫn: chiến tranh tiếp tục, chủ nghĩa De Gaulle được thiết lập, Jérôme và Sylvie bỏ học.

Trong giới quảng cáo, nhìn chung thì đứng về cánh tả theo một cách hầu như mang tính thần thoại, nhưng có thể được định nghĩa dễ dàng hơn bằng chủ nghĩa kỹ trị, sự tôn thờ hiệu quả, tính hiện đại, tính phức hợp, thị hiếu đầu cơ tương lai, khuynh hướng chạy theo xã hội học đúng ra là có tính mị dân, và dư luận hãy còn khá phổ biến cho rằng chín phần mười người đời là lũ ngốc chỉ có mỗi khả năng hợp xướng những lời ca ngợi bất cứ cái gì hoặc bất cứ ai, vậy là trong giới quảng cáo, người ta khoái cái giọng khinh miệt mọi thứ chính trị của tuần lễ mọn, mà chỉ bao quát Lịch sử theo tầm hàng thế kỷ. Vả lại người ta đã thấy ra rằng, dẫu sao thì chủ nghĩa De Gaulle vẫn là đáp số thích đáng, vô cùng năng động hơn so với những gì mà người ta thoát đầu đã tuyên bố khắp nơi là năng động lắm, và nguy cơ thì mỗi lần lại nằm ở chỗ khác cái chỗ người ta tin là tìm thấy nó.

Tuy nhiên chiến tranh vẫn tiếp tục, ngay cả nếu như họ thấy nó chỉ là một giai đoạn, một thực tế gần như thứ yếu. Chắc chắn là họ có hối hận. Nhưng rút cuộc thì họ chỉ còn tự cảm thấy trách nhiệm trong chừng mức họ nhớ lại rằng xưa kia họ đã có liên quan, hay bởi họ đã gần như theo thói quen mà tán thành những mệnh lệnh đạo đức có tầm rất khái quát. Lẽ ra họ có thể, trong sự thờ ơ ấy, đo sự phù phiếm hay có thể ngay cả sự nhu nhược của số lớn những cơn nồng nhiệt của mình. Nhưng đó không phải là vấn đề: họ đã chứng kiến, gần như sống sờ sờ, một vài người bạn cũ của mình lao vào việc giúp đỡ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc, một cách dụt dè hay

tận mạng. Họ không hiểu được vì sao, không thể nào coi là thực cả cách giải thích có tính lãng mạn khiến họ vui thích thì đúng hơn, cả cách giải thích có tính chính trị mà họ gần như quên khuấy hoàn toàn. Về phía mình, họ đã giải quyết vấn đề một cách giản dị hơn nhiều: Jérôme và ba người bạn của anh, nhờ vào những chỗ dựa quý giá và những chứng chỉ khổng, đã kịp thời tự làm cho mình được miễn quân dịch.

Tuy nhiên đó là chiến tranh Algérie, và chỉ có nó, trong gần hai năm, đã che chở họ khỏi chính bản thân họ. Lẽ ra thì sau mọi điều, họ có thể già đi một cách tồi tệ hơn, hoặc nhanh hơn. Nhưng không phải nhờ quyết định của họ, cũng không phải nhờ ý chí, hay ngay cả nhờ tinh thần hài hước, mặc dù họ có thể nói về việc ấy, mà họ thoát được thêm một thời gian nữa khỏi một tương lai mà họ hài lòng tới những màu u tối nhất. Những sự kiện, từ vụ đảo chính Alger đến những cái chết ở Charonne, đánh dấu sự kết thúc cuộc chiến, đã khiến họ quên đi, hay đúng ra là trong chốc lát đã bỏ vào trong ngoặc, với một sự hữu hiệu đặc biệt, những mối bận tâm quen thuộc của họ. Có những ngày xem ra những dự đoán bi quan nhất, nỗi sợ hãi rằng mình sẽ không bao giờ ra khỏi những dự đoán ấy, sẽ kết thúc trong cái hèn hạ, trong cái eo hẹp, đã không đáng sợ bằng những gì diễn ra dưới mắt họ, đe dọa họ mỗi ngày.

Đó là một thời kỳ buồn và dữ dội. Các bà nội trợ tích trữ những ki-lô đường, những chai dầu, những hộp cá ngừ, cà phê, sữa đặc. Các tiểu đội vệ binh lưu động, mũ sắt, quần áo vải dầu màu đen, giày brodequin, súng mux-cơ-tông trong tay, chậm chậm đi dọc đại lộ Sébastopol.

Bởi vì ở đuôi những chiếc xe của họ thường vương vài số báo cũ mà người ta hoàn toàn có sở sở để tin rằng một số tinh thần hay giận dữ coi là có tác dụng làm nản chí, có tính lật đổ, hay chỉ đơn giản là có tư tưởng tự do – *Le Monde, Libération, France-Observateur* – ngay cả Jérôme, Sylvie hay các bạn của hai người cũng có khi phải trải những nỗi sợ hãi thoáng qua và có những huyền tưởng bất an: người ta theo dõi họ, người ta ghi số xe của họ, người ta rình rập họ, người ta dăng bẫy họ: năm tên lính lê dương say mèm nhẩy xổ vào đánh họ và để mặc họ như những cái xác trên lòng đường ẩm ướt, ở chỗ ngoặt một con phố tối đen trong một khu phố tai tiếng...

Sự tuần đạo đột nhập vào đời sống hàng ngày của họ, đôi khi trở thành ám ảnh, và như họ cảm thấy, là đặc trưng cho một thái độ tập thể nào đó, đã đem đến cho các ngày tháng, sự kiện, tư tưởng một màu sắc riêng biệt. Những hình ảnh máu me, nổ vỡ, bạo lực, khủng bố lúc nào cũng kèm riết họ. Có những ngày có thể dường như họ sẵn sàng vì tất cả; nhưng đến hôm sau thì đời sống mỏng manh, tương lai xầm xịt. Họ mơ sống lưu vong, mơ những cảnh đồng quê, những chuyến đi chậm chậm trên biển. Họ thích sống bên nước Anh, ở đó cảnh sát được tiếng là tôn trọng con người. Và trong suốt mùa đông, theo nhịp bước tiến tới ngưng bặt, họ mơ tưởng mùa xuân sắp đến, những kỳ nghỉ sắp đến, năm sắp đến, khi mà, như báo chí nói, sẽ dịu xuống những đam mê huynh đệ tương tàn, khi mà người ta lại có thể rong chơi, đi dạo ban đêm, lòng yên ả, thân lành lặn.

Sức ép của các sự kiện đưa đẩy họ đến chỗ xác định chỗ đứng. Hẳn là sự dẫn thân của họ chỉ nông nổi bên ngoài; chẳng lúc nào họ cảm thấy mình trong cuộc một cách căn bản; nhận thức

chính trị của họ, trong chừng mực nó tồn tại với tư cách như thế, như hình thức có tổ chức và ý thức tự thân, không phải như mớ bong bong những ý kiến ít nhiều có định hướng, nhận thức ấy, theo họ nghĩ, nằm ở bên này hay bên kia vấn đề Algérie, ở tầm mức lựa chọn không tưởng hơn là thực tế, ở tầm mức các tranh cãi tổng quát chẳng hề có khả năng dẫn tới một thực hành được sắp xếp, họ thừa nhận điều ấy mà vẫn lấy làm tiếc. Tuy nhiên họ cũng vào Ủy Ban Chống Phát-xít vừa thành lập trong khu phố. Có vài lần họ thức dậy lúc năm giờ sáng để cùng ba hay bốn người khác đi dán bích chương kêu gọi mọi người cảnh giác, tố giác những tên thủ phạm và đồng phạm, lên án những vụ mưu hại hèn mạt, tôn vinh các nạn nhân vô tội. Họ đưa những kiến nghị đi khắp các nhà cùng phố, có ba hay bốn lần họ tham gia canh gác trong những tòa nhà bị đe dọa.

Họ tham dự vài cuộc biểu tình. Những ngày ấy, xe buýt chạy không mang biển, các quán cà-phê đóng sớm, mọi người vội vã về nhà. Suốt ngày họ sợ hãi. Họ ra khỏi nhà, thấy khó chịu trong người. Lúc ấy là năm giờ, mưa rây rây. Họ mỉm cười méo mó nhìn những người biểu tình khác, tìm kiếm bạn bè, thử nói về chuyện khác. Rồi những đoàn người hình thành, rung chuyển, dừng lại. Từ giữa đám đông, họ thấy phía đằng trước một vùng rộng nhựa đường ẩm ướt và bi thảm, rồi, trên khắp chiều rộng của đại lộ, hàng An Ninh Cộng Hòa đen xì, dày đặc. Những chuỗi xe tải màu lam tối, cửa kính che lưới sắt, chạy qua phía ngoài xa. Họ giậm chân, nắm lấy tay nhau, mờ mắt, chỉ dám la nhỏ, nghe tín hiệu đầu tiên là chạy dạt ra.

Chẳng phải chuyện gì to tát. Họ là những người đầu tiên ý thức được điều ấy và thường tự hỏi giữa đám hỗn độn: mình làm cái gì ở đây nhỉ, trong mưa lạnh, giữa những khu vực ảm đạm kia – Ngục Bastille, quảng trường La Nation, Tòa Thị Chính. Họ những muốn có một điều gì đó chứng tỏ cho mình rằng những gì mình làm là quan trọng, cần thiết, không thể thay thế, rằng những nỗ lực sợ sệt của mình có một ý nghĩa đối với mình, là cái gì đó mà mình cần, cái gì đó có thể giúp mình tự biết mình, tự thay đổi, giúp mình sống. Nhưng không; cuộc sống thực của họ là ở chỗ khác, trong một tương lai gần hay xa, tương lai ấy cũng đầy đe dọa, nhưng là những đe dọa tinh vi hơn, xảo trá hơn: những cái bẫy khó sờ thấy, những cái lưới ma.

Vụ mưu sát ở Issy-les-Moulineaux và cuộc biểu tình ngăn ngủi diễn ra sau đó đánh dấu sự chấm dứt các hoạt động tranh đấu của họ. Ủy Ban Chống Phát-xít khu phố họ họp một phiên nữa và cam kết đẩy mạnh hành động. Nhưng, đến trước kỳ nghỉ hè, chỉ sự cảnh giác thôi cũng có vẻ như không còn lý do tồn tại.

Chương VIII

Họ không biết nói một cách chính xác điều gì đã thay đổi cùng với sự kết thúc chiến tranh. Một thời gian dài họ thấy dường như cảm tưởng duy nhất họ có thể có, đó là một sự kết thúc, một sự chấm dứt, một kết luận. Không phải một *happy end*,^[1] không phải một chuyển biến bất ngờ, mà ngược lại, một kết cục uể oải, u buồn, để lại sau nó một tình cảm trống rỗng, cay đắng, dìm sâu kỷ niệm trong bóng tối. Thời gian lê thê, thời gian trốn biệt; một thời đại đã xong; hòa bình

đã trở lại, một nền hòa bình họ chưa từng biết tới; chiến tranh kết thúc. Chỉ một phát, bảy năm chìm ngấm vào quá khứ: những năm sinh viên, những năm họ gặp nhau, những năm đẹp nhất trong đời.

Có thể đã chẳng có gì thay đổi. Họ vẫn có lúc đứng bên cửa sổ, nhìn ngắm mảnh sân, những miếng vườn nhỏ, cây giẻ, nghe chim hót. Những cuốn sách khác, những đĩa hát khác đến chất chồng trên các giá sách lung lay. Đầu kim cương của chiếc máy hát bắt đầu mòn.

Công việc của họ vẫn cứ như thế: họ làm lại những cuộc điều tra y như ba năm về trước: Ông cao râu như thế nào? Ông có đánh xi giày không? Họ đã xem và xem lại những bộ phim, thực hiện vài chuyến du lịch, khám phá những nhà hàng khác. Họ đã mua những áo sơ-mi, giày, áo chui đầu và váy, đĩa ăn, khăn trải giường, những đồ lặt vặt.

Cái có gì đó mới thì thật là nhạt nhẽo, lòa nhòa, chỉ gần với chuyện của riêng họ, với những giấc mơ của họ. Họ mệt mỏi. Họ đã già đi, phải. Có những ngày họ có cảm tưởng mình chưa bắt đầu sống. Nhưng, càng ngày họ càng cảm thấy đời sống mà họ theo đuổi thật mỏng manh, phù du, và họ cảm thấy mình vô lực, như thể sự chờ đợi, sự túng thiếu, sự chật chội đã làm họ mòn mỏi, như thể tất cả là điều tự nhiên: những dục vọng không thỏa, những niềm vui không trọn, thời gian phí phạm.

Đôi khi họ những muốn rằng tất cả cứ kéo dài, chẳng có gì động đậy. Thì họ chỉ cần buông thả. Cuộc đời sẽ ru đưa họ. Nó sẽ trải dài theo dòng năm tháng, chẳng đổi thay, hầu như chẳng bao giờ ép buộc họ. Nó sẽ chỉ là sự nối tiếp hài hòa những ngày và đêm, một sự chuyển giọng hầu như không cảm thấy được, sự lặp lại không ngừng những đề tài như nhau, một hạnh phúc liên tục, một mùi vị thường hằng mà không một đảo lộn, không một sự kiện bi thảm, không một diễn biến nào đặt lại thành vấn đề.

Có những lần khác họ không chịu đựng nổi. Họ muốn đánh lộn và chiến thắng. Họ muốn đấu tranh, chinh phục lấy hạnh phúc của mình. Nhưng đấu tranh ra sao? Chống lại ai? Họ sống trong một thế giới kỳ lạ và nhiều màu sắc, vũ trụ lấp lánh văn minh con buôn, những nhà tù của phồn vinh, những cái bẫy mê hoặc của hạnh phúc.

Ở đâu những hiểm họa? Ở đâu những mối đe dọa? Hàng triệu người ngày xưa đã đánh nhau, và ngay cả bây giờ còn đánh nhau vì miếng cơm. Jérôme và Sylvie không hề tin rằng họ có thể đánh nhau vì những chiếc đi-văng Chesterfield. Nhưng dù sao đó cũng đã là khẩu hiệu có thể động viên họ dễ dàng nhất. Họ cảm thấy chẳng có gì liên quan đến mình trong những chương trình, kế hoạch: họ cười diễu những vụ giảm tuổi hưu, kéo dài thêm kỳ nghỉ, những bữa ăn trưa miễn phí, những tuần làm việc 30 giờ. Họ muốn sự thừa thãi; họ mơ tưởng những đồ bạch kim hiệu Clément, những bãi biển vắng ngắt dành riêng cho mình, những chuyến du lịch vòng quanh thế giới, những cung điện.

Kẻ thù không nhìn thấy. Hay đúng hơn, nó nằm trong chính họ, nó đã làm cho họ thối rữa, hoại thư, tàn phá. Họ là những con gà tây trong vở kịch hề. Những sinh vật nhỏ ngoan ngoãn, những phản ánh trung thành của một thế giới vốn coi khinh họ. Họ thụt đến tận cổ vào một chiếc bánh ga-tô mà bao giờ họ cũng chỉ có được những mẩu vụn.

Một thời gian dài những khủng hoảng mà họ trải qua chỉ hơi làm tổn thương tâm trạng vui vẻ của họ. Họ cảm thấy chúng không nguy hại lắm; chúng không cáo giác điều gì hết. Họ thường tự nhủ rằng tình bạn che chở cho họ. Sự liên kết của nhóm tạo nên một bảo đảm chắc chắn, một điểm mốc ổn định, một sức mạnh họ có thể trông cậy. Họ cảm thấy mình có lý vì họ tự biết rằng họ gắn bó với nhau, và họ chẳng thích gì hơn là quây quần tại nhà người nọ hay người kia, trong một số kỳ cuối tháng đặc biệt khó khăn, ngồi vào bàn, trước một món khoai tây luộc kèm

thịt mỡ, và chia sẻ những điều thuốc lá cuối cùng một cách thân thiện nhất.

Nhưng các tình bạn rồi cũng tới ra. Có những chiều, trong không gian đóng kín của những căn phòng chật hẹp, các cặp quây quần, mắt chạm mắt tiếng chạm tiếng. Có những chiều, cuối cùng họ hiểu rằng tình bạn đẹp dễ như thế, kho từ hội gần như thuộc về nghi thức khai tâm, những trò hài hước đột xuất thân mật của họ, cái thế giới chung, cái ngôn ngữ chung, những cử chỉ chung mà họ đã đặt ra kia, chẳng dẫn đến cái gì cả: đó là một vũ trụ héo quắt, một thế giới hết hơi không đi đến đâu. Cuộc đời họ không phải là chinh phục, mà là phân rã, tan tác. Khi ấy họ nhận ra rằng mình đã bị buộc chặt đến mức nào vào thói quen, vào sức ỳ. Họ buồn phiền cùng nhau, như thể giữa họ bao giờ cũng chỉ có sự trống rỗng. Một thời gian dài, những trò chơi chữ, những cuộc chè chén, những cuộc dạo chơi trong rừng, những bữa ăn thịnh soạn, những cuộc tranh luận dài quanh một bộ phim, những dự án, những câu chuyện lãng nhăng đã thay thế cho phiêu lưu, lịch sử, chân lý. Nhưng đó chỉ là những câu rỗng, những cử chỉ trống không, không có độ đặc, không có lối thoát, không có tương lai, những từ nghìn lần nhắc lại, những bàn tay nghìn lần siết chặt, một nghi thức không còn che chở họ nữa.

Khi ấy, suốt một giờ họ tìm cách đồng ý với nhau về bộ phim sẽ đi xem. Họ nói để mà không nói gì hết, họ chơi câu đố hay chơi trò “chân dung bí mật.” [2] Mỗi cặp, còn lại một mình, chưa chắc nói về những người khác hay đôi khi về chính mình; họ nhớ tiếc gọi lại tuổi trẻ đã qua mất; họ tự nhớ lại mình đã từng nhiệt thành, bông bột, đầy những dự kiến chân chính, những hình ảnh lộng lẫy, những khát thèm. Họ mơ tưởng những tình bạn mới nhưng chỉ có thể hơi hình dung ra mà thôi.

Từ từ, nhưng với một sự hiển nhiên khắc nghiệt, nhóm tan rã. Với một sự bất thần đôi khi tàn bạo, chỉ gần vài tuần lễ, một số người đã thấy hiển nhiên cuộc sống trước kia sẽ không bao giờ có thể tiếp diễn. Sự mệt mỏi quá nặng nề. Thế giới xung quanh quá yêu sách. Một ngày đẹp trời những ai sống trong các căn buồng không có nước, ăn điểm tâm một phần tư chiếc bánh mì ba-ghét, những ai tưởng mình sống theo ý thích của mình, những ai kéo sợi dây thừng mà dây chẳng bao giờ đứt, bỗng nhiên bắt rễ; gần như một cách tự nhiên, gần như một cách khách quan, sự căm dỗ đòi hỏi người ta một công việc ổn định, một chỗ làm vững vàng, những khoản tiền thưởng, những tháng lương đúp.

Lần lượt theo nhau, gần như tất cả các người bạn chịu thua. Những thời kỳ yên ổn kế tiếp cho những thời kỳ trôi nổi. Họ bảo: chúng tôi không thể tiếp tục sống cả đời như thế này. Và cái “như thế này” là một cử chỉ mơ hồ, tất cả gói làm một: một đời sống bê tha, những đêm quá ngắn ngủi, những củ khoai lang, những chiếc sơ-mi sòn, những công việc nặng nhọc bắt buộc, những chuyến xe điện ngầm.

Dần dà, không thực sự chú tâm đến, Jérôme và Sylvie thấy mình gần như trôi nổi. Họ cảm thấy như tình bạn chỉ có thể có khi mọi người sát cánh bên nhau, sống cùng một cuộc đời như nhau. Nhưng chỉ cần một cặp bất thần có được cái mà đối với cặp khác gần như là tài sản, hay sự hứa hẹn một tài sản sắp tới, và cặp kia ngược lại coi trọng sự tự do được bảo toàn của mình hơn cả, thì đó là hai thế giới dường như đụng độ. Không còn là những bất hòa nhất thời, mà những gãy đứt, những nứt vỡ sâu, những vết thương không tự khép miệng được. Một sự ngờ vực mà vài tháng trước đó không thể có, đã dựng nên trong những cuộc gặp gỡ của họ. Họ nói với nhau ngoài đầu môi; họ dường như lúc nào cũng tung ra những thách thức với nhau.

Jérôme và Sylvie thì khắt khe, bất công. Họ nói về sự phản bội, sự từ bỏ. Họ thích thú chứng kiến những tàn phá choáng người mà, như họ nói, tiền bạc đã gây ra cho những kẻ hy sinh tất cả cho nó, và, như họ nghĩ, họ vẫn còn thoát được. Họ nhìn những người bạn cũ định vị, gần như không khó khăn, gần như quá ngon lành, trong một tôn ti cứng nhắc, và không chùn bước gia nhập cái thế giới mà mình bước vào. Họ nhìn những người ấy khúm núm, luồn lọt, say mê quyền lực, ảnh hưởng, trách nhiệm của mình. Qua những người ấy họ tưởng khám phá được đúng mặt trái của cái thế giới của chính họ: đó là cái biện minh tổng thể cho tiền bạc, công việc, quảng cáo, thẩm quyền, một thế giới đề cao giá trị của kinh nghiệm, một thế giới chối bỏ

họ, thế giới nghiêm chỉnh của các cán bộ, thế giới của sức mạnh: họ không xa với ý nghĩ rằng các bạn cũ của mình đang làm ra vẻ có của.

Họ không khinh miệt tiền bạc. Có thể họ còn quá yêu nó là đằng khác; lẽ ra họ phải yêu sự vững vàng, chắc chắn, con đường trong trẻo hướng tới tương lai. Họ chăm chú trước tất cả mọi dấu hiệu của sự thường trực. Họ muốn giàu có. Và nếu như họ vẫn còn từ chối việc làm giàu, thì đó là họ không cần đến đồng lương: óc tưởng tượng, văn hoá của họ chỉ cho phép họ nghĩ đến bạc triệu.

Họ thường đi dạo vào buổi chiều, hít gió, dí mũi vào các quày kính. Họ bỏ lại phía sau quận Mười Ba gần xit, ở quận ấy họ chỉ biết có đại lộ Gobelins vì bốn cái rạp chiếu bóng ở đấy, họ tránh xa phố Cuvier âm thầm chỉ đưa tới khu ngoại vi còn âm thầm hơn nữa của nhà ga Austerlitz, và gần như không thay đổi họ đi theo phố Monge, rồi phố Các Trường, tới quảng trường Saint-Michel, đại lộ Saint-Germain, và từ đó, tùy theo ngày hay theo mùa, họ tới Hoàng Cung, Nhà Hát Nhạc Kịch, hay ga Montparnasse, ngã tư Vavin, phố Assas, quảng trường nhà thờ Saint-Sulpice, vườn Luxembourg. Họ bước chậm rãi. Họ dừng lại trước mỗi tiệm bán đồ cổ, dán mắt vào những mặt tiền tăm tối, qua hàng chấn song họ nhìn rõ những ánh phản chiếu màu đỏ nhạt của một chiếc tràng kỷ bằng da, hình trang trí cành lá của một chiếc đĩa hay một chiếc khay bằng sứ, ánh bóng của một chiếc cốc thủy tinh gọt hay một đĩa nền bằng đồng, dáng đẹp thanh tao của một chiếc ghế tựa có mặt bằng mây đan.

Từ chỗ dừng này đến chỗ dừng kia, những tiệm đồ cổ, hiệu sách, hàng bán đĩa hát, bảng món ăn khách sạn, đại lý du lịch, tiệm sơ-mi, tiệm may, tiệm phô-mai, tiệm giày, tiệm mút kẹo, cửa hàng thịt cao cấp, hàng giấy, lộ trình của họ làm thành vũ trụ thật sự của họ: những tham vọng, hy vọng của họ đặt cả ở đó. Ở đó là cuộc sống thật, cuộc sống mà họ muốn biết, mà họ muốn sống: chính là vì những con cá hồi kia, những tấm thảm kia, những đồ pha lê kia, mà hai mươi lăm năm trước một cô nhân viên và một cô thợ làm tóc đã cho họ chào đời.

Khi mà, sáng hôm sau, cuộc đời lại nghiền nát họ, khi mà cỗ máy quảng cáo khổng lồ mà họ là những con tốt tí hon lại chạy trở lại, họ cảm thấy dường như mình chưa quên hết những kỷ diệu đã nhạt nhòa, những bí mật được vén mở của cuộc tìm kiếm nhiệt thành đêm trước. Họ ngồi trước mặt những con người tin vào các nhãn hiệu, các khẩu hiệu, các hình ảnh mà người ta đề nghị với mình, và ăn mỡ bò xắt vuông mà lại thấy hương thảo mộc và mùi quả phỉ là ngon lành (nhưng ngay bản thân họ, dù không biết rõ lắm vì sao, với tình cảm lạ lùng, gần như bồn chồn vì quên khuấy điều gì đó, họ chẳng cho là đẹp một số bách chương, cho là tuyệt vời một số khẩu hiệu, cho là thiên tài một số phim quảng cáo đó sao?) Họ ngồi và bật máy ghi âm, họ nói hừm hừm với giọng đúng mực, họ trao đổi những cuộc phỏng vấn, viết qua quýt những bản phân tích, họ mơ màng lung tung chuyện khác.

Chương IX

Làm giàu bằng cách nào? Đó là một vấn đề không giải quyết được. Tuy nhiên, mỗi ngày dường như có những cá nhân riêng biệt đạt được cách giải quyết hoàn hảo cho bản thân mình. Và những tấm gương để noi theo ấy, những bảo đảm vĩnh hằng của sức mạnh trí tuệ và đạo đức của nước Pháp, gương mặt tươi cười và dễ chịu, ranh mãnh, kiên quyết, đầy khỏe khoắn, quyết tâm, khiêm nhường, là bao nhiêu hình ảnh thành kính đối với lòng kiên nhẫn và phép xử thế của những kẻ khác, những kẻ trì trệ, dậm chân, chịu đựng, thất bại.

Họ biết tất cả về sự vọt lên của các con cưng của Số Phận kia, những hiệp sĩ trong ngành công nghiệp, những nhà kỹ thuật bách khoa liêm khiết, những cá mập trong ngành tài chính, những vị viết văn trơn tru, những nhà tiên phong đi khắp địa cầu, những người bán súp đóng gói, những nhà thăm dò vùng ngoại ô, những nam ca sĩ quyến rũ, những tay chơi, những người tìm

vàng, những nhà sản xuất bia bạc triệu. Câu chuyện của họ thật giản dị. Họ còn trẻ và vẫn đẹp, với chút ánh của kinh nghiệm trong đáy mắt, thái dương ngả bạc vì những năm đen tối, nụ cười cởi mở và nồng nhiệt che giấu những chiếc răng dài, những ngón tay cái có thể quặp vào, giọng nói quyến rũ.

Họ tự thấy mình đóng tốt những vai ấy. Họ sẽ có ba hồi kịch trong đáy một ngăn kéo. Ngôi vườn của họ sẽ có dầu hoả, uranium. Họ sẽ sống lâu trong nghèo khó, túng thiếu, bất trắc. Họ sẽ mơ tưởng đi xe điện ngầm toa hạng nhất, dù chỉ là một lần. Thế rồi, đột nhiên, mạnh mẽ, sừng sốt, bất ngờ, như sấm nổ: của cải! Vở kịch của họ được chấp nhận, mỏ của họ được phát hiện, thiên tài của họ được xác nhận. Những hợp đồng rơi vào lòng bàn tay và họ sẽ đốt những điều xì-gà với các tờ giấy bạc một nghìn.

Đó sẽ là một buổi sáng như những buổi khác. Dưới cửa ra vào người ta luồn vào ba chiếc phong bì dài và hẹp, dòng đầu đề trình trọng, in nổi, địa chỉ chính xác và hợp thức, đánh bằng máy chữ IBM. Tay họ sẽ hơi run khi mở chúng: đó là ba tờ ngân phiếu, với những lũ lĩ con số. Hay là một lá thư:

“Thưa ông,
“Ô. Podevin ^[3], bác của ông, đã chết mà không để lại chúc thư...” và họ sẽ lấy tay vuốt mặt, không tin ở mắt mình, tưởng vẫn còn nằm mơ; họ sẽ mở toang cửa sổ.

Thế đấy, sung sướng một cách hèn mạt, họ mơ được hưởng gia tài, trúng số độc đắc, thắng cá cược. Nhà băng Monte-Carlo nổ tung; cái xác bỏ quên trên giá lưới của một toa tàu vắng khách; chuỗi hạt trong một tá trai ngọc. Hay là một đôi ghế bành hiệu Boulle trong nhà một nông dân thất học ở Poitou.

Những hăm hở mạnh mẽ cuốn họ đi. Đôi khi, suốt mấy giờ liền, suốt những ngày dài, một nỗi thèm đến phát cuồng được giàu có ngay lập tức, vô hạn, mãi mãi, xâm chiếm con người họ và không chịu nhả ra nữa. Đó là một dục vọng điên rồ, bệnh hoạn, áp chế, dường như điều khiển từng cử chỉ nhỏ nhất của họ. Của cải trở thành thuốc phiện của họ. Họ say mê nó. Họ buông thả một cách không giữ gìn cho những cơn mê sáng của tưởng tượng. Đi đến đâu họ cũng chỉ còn chú tâm đến tiền bạc. Họ có những cơn ác mộng hàng triệu đồ châu báu.

Họ là khách quen trong những cuộc bán hàng của nhà Drouot, nhà Galliera. Họ đứng lẫn vào các ngài cầm cuốn mẫu hàng trong tay, đang ngắm nghía các bức tranh. Họ nhìn người ta phân tán những bức phấn tiên của Degas, những con tem hiếm, những đồng vàng ngớ ngẩn, những bản in mỏng mảnh của La Fontaine hay Crébillon được đóng gáy sang trọng bởi Lederer, những đồ đạc đẹp để đóng dấu Claude Séné hay Oehlenberg, những hộp thuốc lá bằng vàng và men sứ. Nhân viên bán đấu giá giới thiệu những món hàng khắp một vòng; vài người có vẻ trình trọng tiến tới đánh hơi; một tiếng thầm thì chạy trong phòng. Cuộc đấu giá bắt đầu. Giá leo lên. Rồi chiếc búa giáng xuống, thế là xong, vật kia biến mất, năm hay mười triệu đi qua ngay tầm tay họ.

Đôi khi họ biết những người mua được là ai: những con người trần thế hạnh phúc ấy rất thường khi chỉ là bọn tay chân, bọn thầy ký của các tiệm đồ cổ, bọn thư ký riêng, bọn bù nhìn. Những kẻ ấy đem các món đồ về trước ngưỡng cửa những ngôi nhà khắc khổ, đường Oswaldo-Cruz, đại lộ Beauséjour, phố Maspéro, phố Spontiti, Villa Said, đại lộ Roule. Bên kia hàng chắn song, những bụi hoàng dương, những lối đi rải sỏi, những rèm cửa đôi khi buông không kín để hé thấy những căn phòng lớn lơ mờ sáng: họ nhận ra những đường viền mơ hồ của các đi-văng và ghế bành, những vệt không chuẩn xác của một bức tranh vẽ theo trường phái ấn tượng. Và họ quay trở về, ưu tư, bức bối.

Một hôm thậm chí họ còn mơ tưởng chuyện ăn cắp. Họ tưởng tượng rất tỉ mỉ: vận đồ đen, một chiếc đèn pin nhỏ xíu trong tay, một chiếc kim, một con dao kim cương cắt kính trong túi, lúc đêm buông xuống họ lọt vào một tòa nhà, chui xuống tầng hầm, bẻ khóa chiếc thang máy chở hàng, vào được trong bếp. Đó là căn hộ của một nhà ngoại giao đang đi công cán, một nhà tài chính gian xảo có thị hiếu ít ra cũng hoàn hảo, một người đam mê nghệ thuật tầm cỡ, một kẻ a-ma-tơ sáng suốt. Họ biết rõ từng xó xỉnh. Họ biết tìm ở chỗ nào bức vẽ nhỏ Đức Mẹ đồng trinh thế kỷ XII, tấm pa-nô hình bầu dục của Sebastiano del Piombo, bức màu nước một màu của Fragonard, hai bức Renoir nho nhỏ, bức Boudin nhỏ, bức Atlan, bức Max Ernst, bức de Stael, những tiền đồng, những hộp đánh nhạc, những hộp kẹo, những món đồ bạc, những đồ sứ Delft. Họ cử động chính xác và quyết đoán như thể đã nhiều lần lặp đi lặp lại. Họ di chuyển không vội vã, tự tin, hữu hiệu, điềm nhiên, bình tĩnh, Arsene Lupin thời hiện đại. Không run đến một thớ thịt trên mặt. Lần lượt từng tủ kính bị phá; lần lượt từng bức tranh bị tháo khỏi tường, khỏi khung tranh.

Dưới kia xe của họ chờ sẵn. Đêm hôm trước họ đã bơm đầy xăng. Hộ chiếu của họ đúng qui cách. Từ lâu rồi họ đã chuẩn bị để ra đi. Hành lý của họ chờ đợi ở Bruxelles. Họ sẽ đi qua đường nước Bỉ, vượt biên giới một cách gọn gàng. Rồi, từng chút một, không hấp tấp, ở Luxemboug, ở Anvers, ở Amsterdam, ở Londres, ở Hoa Kỳ, ở Nam Mỹ, họ sẽ bán các đồ ăn cắp được. Họ sẽ đi vòng thế giới. Họ sẽ lang bang một thời gian dài, tùy hứng thú. Cuối cùng họ sẽ định cư tại một xứ sở có khí hậu dễ chịu. Họ sẽ mua ở đâu đó, bên bờ những hồ nước Ý, ở Dubrovnik, ở Baléares, ở Céphalu, một ngôi nhà lớn xây bằng đá trắng nằm chìm khuất giữa một bãi cỏ.

Tất nhiên là họ chẳng làm gì hết. Thậm chí chẳng mua một tấm vé Xổ Số Quốc Gia. Nhiều nhất có chăng là họ tìm thấy trong những ván bài cào – mà lúc ấy họ phát hiện ra và sắp sửa trở thành nơi nướng nấu cuối cùng cho các tình bạn mệt mỏi của họ – một sự hăm dọa đôi khi có thể có vẻ đáng ngờ. Có những tuần lễ họ chơi đến ba hay bốn ván, mỗi ván họ thức đến tận hai ba giờ sáng. Họ chơi cò con, cò con đến mức họ chỉ có được thoáng tiền cảm về sự phiêu lưu và ảo giác về sự được bạc. Thế mà, khi trong tay có hai đôi bài còm, hay còn hơn thế, một quân không đúng hoa, họ ném một phát xuống bàn cả đồng thẻ, trị giá rẻ nhất cũng ba trăm quan (cũ), và hốt hết tiền đặt, khi họ đặt sáu trăm quan tiền mặt, mất hết trong ba cú, rồi gỡ lại, và còn được thêm trong sáu cú, thì một nụ cười đắc thắng lướt qua mặt họ: họ đã cưỡng bức cơ may; sự can đảm cò con của họ đã đem lại kết quả; họ không xa lắm với cảm tưởng mình cũng anh hào.

Chương X

Một cuộc điều tra về nông nghiệp đưa họ đi khắp nước Pháp. Họ đi đến Lorraine, Saintonge, Picardie, Beauce, Limagne. Họ nhìn thấy những công chứng viên dòng dõi lâu đời, những nhà bán buôn có xe tải ngang dọc một phần tư nước Pháp, những nhà kỹ nghệ thịnh vượng, những nhà quý tộc-điền chủ lúc nào cũng kè kè một bày chó lớn lông màu hung cùng với các viên quản gia rình rập.

Những kho vựa ứ lúa mì; trong các sân lớn lát đá, những chiếc máy kéo bóng loáng đứng trước mặt những xe hơi màu đen của các ông chủ. Họ đi qua phòng ăn tập thể của thợ thuyền, nhà bếp lớn có vài người đàn bà đang hối hả làm việc, gian phòng chung sàn đánh màu vàng, trong đó mọi người chỉ dám di chuyển một cách êm ru, với chiếc tivi, những ghế bành có tai, những

hòm bằng gỗ sồi màu sáng, những đồ đồng, đồ thau, đồ sứ. Cuối một hành lang hẹp thẳm đắm các thứ mùi, một cánh cửa mở vào một văn phòng. Đó là một căn phòng có thể nói là chật lại còn chất chứa ngổn ngang. Bên cạnh một máy điện thoại cổ có tay quay treo trên tường, là một bảng kế hoạch tóm tắt hoạt động xuất khẩu, các vụ gieo mạ, các dự án, các ngoại tệ, các kỳ nợ phải trả; một sơ đồ hùng hồn chứng tỏ những năng suất kỷ lục. Trên một mặt bàn ngập những biên lai, tờ trả lương, những bản ghi nhớ và giấy lộn, một quyển sổ bọc vải bố màu đen mở đúng chỗ ngày tháng của ngày hôm ấy, cho thấy những cột dài kế toán phát đạt. Những tấm bằng lồng khung – bò tốt, bò sữa, heo nái được thưởng – đứng bên những bản đồ trích đoạn địa chính, những bản đồ tham mưu, những ảnh chụp đàn cừu và sân nuôi gia cầm, những tờ quảng cáo máy kéo, máy đập, máy dỡ củ, máy gieo mạ, in bốn màu.

Họ cắm máy ghi âm tại đó. Họ tìm hiểu kỹ càng việc đưa nông nghiệp vào đời sống hiện đại, những mâu thuẫn của việc phát triển nông thôn nước Pháp, người chủ trang trại tương lai, Thị Trường Chung, những quyết định của chính phủ trong lĩnh vực lúa mì và củ cải đường, việc tự do nuôi súc vật trong chuồng và sự đồng giá. Nhưng đầu óc họ thì để ở chỗ khác. Họ thấy chính mình đi đi lại lại trong ngôi nhà hoang vắng. Họ leo lên các thang gác đánh xi, vào những căn phòng có các cửa chớp đóng kín hấp hơi. Dưới các tấm vải bao bố màu nâu xám, nằm yên nghỉ những đồ gỗ đáng kính. Họ mở những tủ âm tường cao ba mét, chứa đầy khăn trải giường thơm mùi nước oải hương, liễn lọ, đồ bạc.

Trong bóng tối lờ mờ của các kho vựa, họ khám phá ra những kho báu không thể hồ nghi. Trong các căn hầm bất tận, chờ đợi họ là những thùng lớn thùng nhỏ, những hũ đầy dầu và mật, những thùng ton-nô đựng thức ăn muối, những tảng giăm-bông hun khói tắm rượu bách xù, những thùng rượu bã nho.

Họ đi loăng quăng trong các xưởng giặt âm vang, trong các hầm củi, hầm than, trong các nhà cất giữ hoa quả - táo và lê xếp hàng vô tận trên những tấm phen mắt cáo chồng thành tầng, trong các xưởng chế biến sữa có mùi chua chua vun thành đồng những tảng bơ tươi được đánh dấu một cách vinh quang bằng một dấu ấn ẩm ướt, những bi-đông sữa, những bát đựng kem tươi, phô-mai trắng, phô-mai cancoillote.

Họ đi qua các chuồng bò, chuồng ngựa, các xưởng thợ, các lò rèn, các nhà trống bốn vách, các lò bánh nướng những ổ bánh khổng lồ, các tháp xi-lô đầy căng những bao, các ga-ra.

Từ trên ngọn tháp nước, họ nhìn thấy toàn bộ trang trại, vây bốn mặt cái sân rộng lát đá, với hai cổng lớn hình cung nhọn, sân gia cầm, chuồng heo, vườn rau, vườn quả, con đường viền hàng cây tiêu huyền dẫn ra đường Quốc Lộ, và khắp xung quanh, đến tận chân trời, những đường xọc lớn màu vàng của các cánh đồng lúa mì, những rừng cây to, những rừng cây chặt, những bãi chăn thả, những vệt màu đen, trắng tấp, các con đường, trên đó đôi khi chạy lấp lóe một chiếc xe hơi, và đường ngoằn ngoèo của những cây phong men bờ một dòng sông kẹp giữa hai bờ dốc đứng, gần như không thể nhìn thấy, mất hút ở chân trời về hướng những ngọn đồi mù sương.

Khi đó, vụt đến từng cơn từng cơn những ảo ảnh khác. Đó là các khu chợ mênh mông, các hành

lang bán hàng bất tận, các quán ăn kỳ lạ. Tất cả mọi thức ăn thức uống họ đều được chào mời. Đó là các thùng, các sọt, các cần xé, các làn, đầy ứ những trái táo lớn màu vàng hay đỏ, những trái lê thôn thôn, những trái nho tím lịm. Đó là những dây la liệt soài và vả, dưa tây và dưa hấu, chanh, lựu, những bao hạnh nhân, hồ đào, hạt điều, những thùng nhỏ đựng nho Smyrne và Corinthe, chuối sấy, trái cây giấm đường, chà là khô màu vàng và trong veo.

Có các gian hàng thịt, các ngôi đền nghìn cột chất đến tận trần những giăm-bông và xúc xích, các hang tối tăm chất đống những núi thịt lợn nhuyển, những dồi lợn màu nhạt giống như thùng chảo, những thùng dưa bắp cải, ô-liu màu tím tím, cá trống muối, dưa chuột ngọt.

Hay là, ở hai bên một con phố, một bờ rào kép toàn lợn sữa, lợn rừng treo ngược chân, góc tư con bò, thỏ, ngỗng béo, hoẵng mắt lơ lơ.

Họ đi qua các hàng đồ khô đầy những mùi ngon lành, các hiệu bánh ngọt tuyệt vời sắp hàng hàng trăm chiếc bánh tarte, các nhà bếp rực sáng nghìn chiếc chảo đồng.

Họ chìm đắm trong sự trù phú. Họ để cho mọc lên những khu chợ khổng lồ. Trước mặt họ vụt hiện những thiên đường giăm-bông, phô-mai, rượu. Những chiếc bàn được sắp đặt xong xuôi, trang điểm bằng khăn trải bàn rực rỡ, phô bày những bông hoa rải rắc thừa mứa, phủ đầy đồ pha lê và đồ sứ quý giá. Có hàng chục chiếc bánh pa-tê vỏ, các liễn pa-tê, những con cá hồi, cá chóc, cá hồi sông, tôm hùm, những chiếc đùi cừu quấn ruy-băng có tay cầm bằng sừng và bạc, những con thỏ và chim caille, những con lợn rừng bốc khói, những tảng phô-mai to như thót cổ xay, những đạo quân toàn những chai.

Những đầu tàu hỏa hiện ra, kéo theo các toa chở đầy bò cái béo; những xe tải chở cừu be be vào chỗ đậu, những đống tôm rồng chất thành kim tự tháp. Hàng triệu ổ bánh mì ra khỏi hàng ngàn lò bánh. Những tấn cà phê bốc rỡ khỏi tàu biển.

Rồi thì, xa hơn nữa – và họ nhắm hờ hai mắt – giữa những khu rừng và bãi cỏ, dọc những con sông, ở cửa ngõ các hoang mạc, hay chìa ra biển, trên các quảng trường rộng rãi lát đá hoa, họ thấy dựng lên những thành thị cao trăm tầng.

Họ đi dọc theo những mặt tiền nhà bằng thép, bằng gỗ hiếm, bằng kính, bằng đá hoa. Trong sảnh trung tâm, dọc theo một bức tường bằng thủy tinh gọt phản chiếu trong toàn thể đô thị hàng triệu cầu vồng, vọt ra từ tầng thứ năm mươi một cái thác bao quanh bởi những đường xoáy chôn ốc đến chóng mặt của hai cầu thang bằng nhôm.

Những thang máy đưa họ đi. Họ lần theo các hành lang uốn lượn, trèo những bậc bằng pha lê, rải bước những hành lang tắm trong ánh sáng, ở đó sắp hàng đến hút mắt các pho tượng và hoa, chảy những dòng suối trong vắt trên nền lòng đá cuội đủ màu.

Những cánh cửa mở ra trước mặt họ. Họ phát hiện những bể tắm giữa trời, những sân trong, những phòng đọc sách, những căn buồng lặng lẽ, những sân khấu, những chuồng chim, những

khu vườn, những bể cá, những nhà bảo tàng nhỏ xíu được thiết kế cho riêng họ dùng, trong đó, ở bốn góc của một căn phòng nhỏ có vạt tường cắt, bày ra bốn bức chân dung của trường phái Flandres. Có những phòng chỉ là núi đá, những phòng khác chỉ là rừng già nhiệt đới; trong những phòng khác, biển đến vỡ tan ra; trong những phòng khác nữa, những con công đi dạo. Từ trần nhà một căn phòng hình tròn treo lủng lẳng hàng nghìn lá cờ đuôi nheo. Những mê cung bất tận rền vang tiếng nhạc êm ái; một căn phòng có những hình dáng kỳ quặc dường như chẳng có chức phận nào khác hơn là gây ra những tiếng vang bất tận; mặt đất của một căn phòng khác tùy theo các giờ trong ngày mà tạo nên sơ đồ thay đổi của một trò chơi rất phức tạp.

Trong những tầng hầm mê mông, nhìn hút mắt, các cỗ máy ngoan ngoãn đang làm ra sản phẩm.

Họ buông mình theo từ kỳ diệu đến kỳ diệu, từ sướng sốt đến sướng sốt. Họ chỉ cần sống, tồn tại ở đó, để cho toàn thể thế giới phô bày. Tàu thủy, tàu hỏa, tên lửa của họ ngang dọc khắp hành tinh. Thế giới thuộc về họ, với các tỉnh phủ đầy lúa mì, các biển đầy cá, các đỉnh núi, hoang mạc, các cánh đồng nở hoa, các bãi biển, các đảo, cây cối, các kho báu, các xưởng máy mê mông từ lâu bỏ hoang, chôn vùi trong lòng đất, trong đó những vải len đẹp nhất, những hàng tơ lụa sáng ngời nhất được dệt cho họ.

Họ biết đến vô số niềm hạnh phúc. Họ để mình cuốn theo nước đại của những con ngựa hoang, qua những đồng bằng rộng lớn cuộn cuộn cỏ cao. Họ leo lên những đỉnh núi cao nhất. Họ mang giày trượt tuyết trượt xuống những sườn núi dựng đứng rải rác các cây thông khổng lồ. Họ bước đi dưới mưa tầm tã, hít thở mùi cỏ ướt. Họ nằm dài trong nắng. Họ phát hiện từ trên cao những khí cầu phủ đầy hoa nội. Họ bước đi trong những khu rừng không có giới hạn. Họ yêu nhau trong những căn phòng đầy bóng tối, những tấm thảm dày, những đi-văng sâu lòng.

Rồi họ mơ những đồ sứ quý giá, trang trí các con chim lạ, những cuốn sách bọc bìa da in kiểu chữ elzévir trên giấy Nhật Bản, với các lề trắng rộng không xén cho mắt được nghỉ ngơi êm ái, những chiếc bàn bằng gỗ dát ngựa, quần áo bằng lụa hay vải lanh mềm mại và tiện dụng, đầy màu sắc, những căn phòng rộng rãi và sáng sủa, những ô hoa, những tấm thảm Boukhara, những con chó Doberman nhảy chồm chồm.

Thân thể, cử chỉ của họ đẹp đẽ vô cùng tận, ánh mắt họ thanh thản, trái tim họ trong suốt, nụ cười họ trong trẻo.

Và, trong cơn thăng hoa ngắn ngủi, họ thấy dựng lên những cung điện khổng lồ. Trên những đồng bằng được san phẳng, hàng ngàn đồng lúa vui đốt lên, hàng triệu người tới hát bản *Messie*. Trên những bệ đất hoành tráng, mười ngàn cây kèn đồng chơi bản *Requiem* của Verdi. Các bài thơ được khắc trên sườn núi. Những khu vườn vút hiện trong các hoang mạc. Những thành phố hoàn toàn chỉ là phù điêu.

Nhưng những hình ảnh lấp lánh ấy, tất cả những hình ảnh lũ lượt kéo đến, hồi hải phía trước họ,

chảy thành một con sóng gập, không thể cạn, những hình ảnh chóng mặt, vút nhanh, sáng ngời, huy hoàng ấy, thoát tiên họ cảm thấy như chúng móc xích nhau với một sự thiết yếu đáng kinh ngạc, theo một sự hài hòa không giới hạn, như thể trước đôi mắt mê ly của họ, đột nhiên dựng lên một phong cảnh hoàn thiện, một tổng thể ngoạn mục và huy hoàng, một hình ảnh hoàn chỉnh của thế giới, một tổ chức gắn bó chặt chẽ mà cuối cùng họ có thể hiểu, có thể giải mã. Thoạt tiên họ cảm thấy như các giác quan của họ tăng gấp bội, các quan năng nhìn và ngửi của họ khuyếch đại tới vô cùng, một niềm hạnh phúc kỳ diệu đi kèm từng cử chỉ nhỏ nhất của họ, bắt nhịp những bước chân của họ, thấm sâu vào đời họ: thế giới đi đến với họ, họ đi phía trước thế giới, họ không ngừng khám phá thế giới. Cuộc đời họ là tình yêu và say sưa. Đam mê của họ không biết đến giới hạn: tự do của họ không có câu thúc.

Nhưng họ ngạt thở dưới những chi tiết chất chồng. Các hình ảnh nhòa, mờ; họ chỉ có thể nhớ được vài mảnh lờ mờ và lờ mờ, mỏng mảnh, ám ảnh và ngu ngốc, nghèo nàn. Không còn là một chuyển động tổng thể, mà những bức tranh rời rạc, không còn là một sự thống nhất thanh tĩnh, mà một sự đứt đoạn dóm dỏ, như thể các hình ảnh kia chỉ từng là những phản quang rất xa xôi, bị tối lại quá mức, những lấp lánh có tính bóng gió và ảo tưởng vừa sinh ra đã tắt ngóm, những hạt bụi: sự phóng chiếu thảm hại của những dự vọng vụng về nhất của họ, một ánh bụi không cảm thấy được của những vẻ huy hoàng còm cõi, những mảnh rách rưới của các giấc mơ mà họ sẽ không bao giờ có thể giữ lại.

Họ tưởng rằng mình hình dung ra hạnh phúc; họ tưởng rằng sự bày đặt của họ được tự do, tuyệt vời, rằng nó thấm sâu cả vũ trụ qua những đợt sóng liên tiếp. Họ tưởng rằng họ chỉ cần bước đi là đủ để cuộc đi của họ là một hạnh phúc. Nhưng họ thấy mình hoá ra đơn độc, bất động, hơi trống rỗng. Một đồng bằng màu xám và băng giá, một thảo nguyên cằn cỗi: không một cung điện nào dựng lên ở cửa ngõ các hoang mạc, không một bãi đất nào trước nhà làm thành chân trời cho họ.

Và từ kiểu điên cuồng tìm kiếm hạnh phúc ấy, từ cái tình cảm kỳ diệu là mình đã gần như có một khoảnh khắc biết hé thấy hạnh phúc, biết đoán ra hạnh phúc, từ chuyến du ngoạn kỳ lạ ấy, từ cuộc chinh phục bất động mệnh mông ấy, từ những chân trời khám phá ra ấy, từ những lạc thú tiên cảm ấy, có thể từ tất cả những gì là khả hữu dưới giấc mơ không toàn vẹn ấy, từ cái đà nhảy còn vụng về, vụng vớ nhưng có thể đã tích đầy cảm xúc mới, đòi hỏi mới ở giới hạn của điều không nói nên lời ấy, đã chẳng còn lại được gì hết: họ mở hai mắt, họ nghe thấy lại âm thanh của giọng nói mình, tiếng ầm ừ lúng búng của người đối thoại, tiếng ro ro của động cơ máy ghi âm; họ nhìn thấy trước mặt mình, bên cạnh một cái giá vũ khí xếp thành tầng những cái bóng nhẵn bóng và nòng loáng mờ của năm khẩu súng săn, trò ghép hình sắc sỡ của tờ địa bạ mà họ nhận ra, gần như không chút ngạc nhiên, ở trung tâm của nó là hình bốn cạnh gần như hoàn chỉnh của trang trại, mép viền màu xám của con đường nhỏ, những chấm nhỏ xếp theo hình nanh sấu của các cây tiêu huyền, những nét rõ ràng hơn của các con đường quốc lộ.

Và lát nữa đây, chính bản thân họ ở trên con đường nhỏ màu xám viền hàng cây ngô đồng kia. Họ là cái chấm lấp lóe kia trên con đường dài màu đen. Họ là một hòn đảo nhỏ nghèo nàn trên biển cả trù phú. Họ nhìn xung quanh mình những cánh đồng rộng lớn màu vàng với những vết

nhỏ màu đỏ của hoa mào gà. Họ cảm thấy bị đè bẹp.

- [1]Happy end (tiếng Anh): kết thúc có hậu.
- [2]Portrait Chinois: trò chơi phổ biến trong trường học, đổ nhau tìm ra nhân vật qua một số thông tin nửa kín nửa hở về nhân vật ấy.
- [3]Podevin: chơi chữ, từ “pot-de-vin” nghĩa là đồ đút lót.

Phần thứ hai

Chương I

Người ta không thể sống lâu trong sự cuồng nhiệt. Trong cái thế giới hứa hẹn bao nhiêu mà chẳng cho gì hết này, áp lực quá mạnh. Sự kiên nhẫn của họ đã hết mức. Một ngày nọ, họ tin rằng mình đã hiểu: họ phải có một chốn nương thân.

Cuộc sống của họ ở Paris đậm chân tại chỗ. Họ không tiến lên nữa. Và đôi khi – không ngừng tác động quá mức lên nhau với những chi tiết dỏm thật dồi dào đánh dấu mỗi giấc mơ của họ – họ tự tưởng tượng mình là những tay tiểu tư sản tuổi tứ tuần, chàng, người cổ súy một hệ thống bán hàng đến từng nhà (sản phẩm Bảo Hộ Gia Đình, Xà Bông cho Người Mù, cho Sinh Viên Thiếu Thốn), nàng, bà nội trợ hiền thực, và căn hộ sạch sẽ xinh xắn của họ, chiếc xe hơi nhỏ của họ, nhà trọ gia đình nho nhỏ mà họ sống trong tất cả mọi kỳ nghỉ, chiếc máy thu hình của họ. Hay là, ngược lại, và như thế còn tệ hơn, những kẻ lang bạt già nua, cổ áo cuộn lại và quần hung, chiều nào cũng ở cùng một cái quán hàng hiên khu Saint-Germain hay Montparnasse, sống lay lắt nhờ những cơ hội hiếm hoi, ty tiện đến tận đầu móng tay đen dúa.

Họ mơ sống ở thôn quê, ẩn nấu khỏi mọi cám dỗ. Cuộc sống của họ sẽ thanh đạm và trong trẻo. Họ sẽ có một ngôi nhà bằng đá trắng, ở lối vào một cái làng, những chiếc quần ấm áp bằng nhung kẻ, những đôi giày to đùng, một chiếc áo trượt tuyết, một cây cần câu đầu bịt sắt, một chiếc mũ, và mỗi ngày họ sẽ đi dạo lâu trong các khu rừng. Rồi họ trở về, tự chuẩn bị trà và những lát bánh mì nướng, giống như người Anh, họ sẽ bỏ những xúc củi lớn vào lò sưởi; họ sẽ đặt trên mâm máy hát một bản tứ tấu mà họ sẽ nghe không bao giờ chán, họ sẽ đọc những cuốn tiểu thuyết lớn mà họ chưa bao giờ có thời giờ đọc, họ sẽ tiếp đãi bạn bè.

Những chuyến về thôn quê xa hơi này thường xảy ra, nhưng hiếm khi đạt tới giai đoạn trở thành dự án thật sự. Đúng là có hai hay ba lần họ tự hỏi về những nghề có thể dành cho mình ở thôn quê: chẳng có những nghề như thế. Ý tưởng trở thành giáo viên có lúc thoáng qua, nhưng họ chán ngay khi nghĩ đến những lớp học quá tải, những ngày dài mệt nhọc. Họ mơ hồ nói đến việc bán sách rong hay chế tạo đồ gốm quê tại một thôn trang hẻo lánh trong vùng Provence. Rồi họ thích thú tưởng tượng là họ chỉ sống ở Paris có ba ngày một tuần để kiếm đủ sống thoải mái thời gian còn lại ở vùng Yonne hay Loiret. Nhưng các kế hoạch lên đường thai nghén ấy chẳng bao giờ tiến xa lắm. Họ không bao giờ hình dung được những khả năng, hay đúng hơn là những điều bất khả trong thực tế.

Họ mơ bỏ việc, mặc tất cả, để đi phiêu lưu. Họ mơ xuất phát trở lại từ số không, bắt đầu trở lại tất cả trên những cơ sở mới. Họ mơ chuyện cắt đứt và vĩnh biệt.

Tuy nhiên ý tưởng vẫn tiếp diễn, chậm chậm bắt rễ trong lòng họ. Giữa tháng 9 năm 1962, trở về từ kỳ nghỉ tầm thường bị hỏng vì mưa và thiếu tiền, dường như họ đi đến quyết định. Một mẫu rao trên tờ *Le Monde* vào đầu tháng 10 tìm người dạy học ở Tunisie. Họ ngần ngừ. Đó không phải cơ hội lý tưởng – họ đã mơ đến Ấn Độ, Hoa Kỳ, Mehico. Đó chỉ là một công việc tầm tầm, sát mặt đất, không hứa hẹn cả của cải lẫn sự phiêu lưu. Họ không cảm thấy sự cám dỗ. Nhưng họ có vài người bạn ở Tunis, những bạn học cũ hồi phổ thông, đại học, thế rồi khí hậu ấm nóng, Địa Trung Hải xanh ngắt, sự hứa hẹn một cuộc sống khác, một sự xuất phát khác, một công việc khác: họ thuận lòng ghi tên. Người ta nhận họ.

Những cuộc lên đường thật sự thường được chuẩn bị trước từ lâu. Cuộc này bị hẫng. Nó giống như một cuộc đào tẩu. Trông suốt mười lăm ngày, họ chạy từ văn phòng này đến văn phòng khác, lo chiếu khán, lo vé, lo hành lý. Rồi, đến bốn ngày trước khi lên đường, họ được biết rằng Sylvie, có hai bằng cử nhân, được bổ nhiệm ở trường trung học kỹ thuật Sfax cách Tunis 260 kilomet, còn Jérôme, mới có trình độ dự bị đại học, thì sẽ làm thầy giáo tiểu học ở Mahares, còn xa hơn 35 kilomet nữa.

Đó là một tin xấu. Họ muốn thoái thác. Tunis, nơi người ta chờ đón họ, tại đó một chỗ ở đã được giữ trước cho họ, mới là nơi họ muốn đến, và tưởng mình sẽ đến. Nhưng muộn quá rồi. Họ đã cho thuê lại căn hộ, đã giữ chỗ, đã hẹn buổi tiệc chia tay. Đã từ lâu họ chuẩn bị để ra đi. Và rồi Sfax, họ chỉ biết sơ sơ cái tên ấy, đó là nơi cùng trời cuối đất, là hoang mạc, thế là thậm chí, với cái thú mãnh liệt được ở vào những tình huống cực đoan, họ chẳng còn khó chịu khi nghĩ rằng mình sắp bị cắt đứt với mọi thứ, xa lánh tất cả, cô lập như chưa từng bao giờ như vậy. Dầu sao họ cũng thống nhất rằng một chân thầy giáo tiểu học, nếu không là một thất vọng quá lớn, thì ít ra cũng là một trách nhiệm quá nặng nề: Jérôme quyết định hủy bỏ cam kết của mình: chỉ một suất tiền lương cũng đủ cho phép họ sống cho đến khi anh tìm được một công việc nào đấy ngay tại chỗ.

Thế là họ lên đường. Mọi người đưa họ ra ga, và sáng ngày 23 tháng 10, với bốn chiếc rương đầy sách và một chiếc giường gấp, họ lên tàu *Commandant-Crubellier* ở Marseille nhắm đích Tunis. Biển động và bữa ăn trưa không ngon lành. Họ bị ốm, phải uống thuốc và ngủ li bì. Sáng hôm sau Tunisie đã ở trước mắt. Trời đẹp. Họ mỉm cười với nhau. Họ trông thấy một hòn đảo mà người ta bảo họ rằng nó tên là đảo Plane, rồi những bãi biển rộng dài và mỏng, và sau đó là tiền cảng La Goulette, những đàn chim di trú bay trên hồ.

Họ sung sướng vì đã ra đi. Họ cảm thấy như mình ra khỏi một địa ngục của những xe điện ngậm chặt ních, những đêm quá ngắn ngủi, những cơn đau răng, những bắp bênh. Ở trong đó họ không nhìn được rõ. Cuộc sống của họ chỉ là một kiểu nhảy múa không ngừng trên một sợi dây căng thẳng, không dẫn đến gì hết: một ham muốn trống rỗng, một dục vọng trần trụi, không giới hạn và không chỗ dựa. Họ tự cảm thấy kiệt sức. Họ ra đi để tự chôn vùi, để quên, để tự xoa dịu.

Mặt trời rực rỡ. Con tàu tiến lên chậm rãi, lặng lẽ, trên con lạch chật hẹp. Trên con đường gần bên, những người đứng trong những chiếc xe không mui khoát tay ra hiệu với họ. Trên trời có những đám mây nhỏ đứng im. Thời tiết đã nóng bức. Những tấm thép ở bờ thành tàu đã ấm lên. Trên boong, phía dưới họ, các thủy thủ xếp những chiếc ghế tựa dài thành chõng, cuộn lại những tấm bố dài quét hắc ín che hầm tàu. Những dòng người xếp hàng trên các cầu thang đổ bộ.

Họ đến Sfax vào hôm sau nữa, khoảng hai giờ chiều, sau bảy giờ ngồi tàu hỏa. Hơi nóng ngột ngạt. Trước mặt nhà ga - một ngôi nhà nhỏ xíu màu trắng và hồng, trải dài một đại lộ bất tận, xám xịt vì bụi, có trồng những cây cọ xấu xí, hai bên là những tòa nhà mới. Vài phút sau lúc tàu

đến, sau khi các xe hơi và xe đạp chuyển bánh, thành phố lại rơi vào một sự im lặng hoàn toàn.

Họ gửi va-li lại phòng giữ hành lý. Họ vào đại lộ mang tên đại lộ Bourguiba; sau khoảng gần ba trăm mét, họ tới một nhà hàng. Một chiếc quạt máy treo tường to xụ, quay được, kêu xọc xạch. Trên những chiếc bàn dính nhớt phủ vải dầu, dính chùm vài chục con ruồi mà một anh chạy bàn râu ria nham nhở lấy khăn xua uể oải. Họ ăn một đĩa cá ngừ trộn xà lách và một lát thịt bê chiên kiểu Milan, mất hai trăm quan.

Rồi họ tìm một khách sạn, giữ một phòng, thuê chỗ va-li đến. Họ rửa tay rửa mặt, nằm dài ra một lúc, thay quần áo, xuống phố trở lại. Sylvie đến trường Trung Học Kỹ Thuật, Jérôme ngồi trên một ghế dài đợi cô ở ngoài. Khoảng bốn giờ, Sfax bắt đầu chậm chạp thức dậy. Hàng trăm đứa trẻ con xuất hiện, rồi những phụ nữ che mạng, những viên cảnh sát mặc quần áo po-pơ-lin xám, những người ăn mày, những chiếc xe bò, những con lừa, những tay trưởng giả sạch bong.

Sylvie bước ra, tay cầm bản thời khóa biểu. Họ còn đi dạo nữa; họ uống một can bia nhỏ và ăn những trái ô-liu và hạnh nhân muối. Những người bán báo rao bán *Le Figaro* số ra ngày hôm kia. Họ đã đến nơi.

Ngày hôm sau, Sylvie làm quen với một vài đồng nghiệp tương lai. Những người này giúp họ tìm một căn hộ. Đó là ba căn phòng rộng thênh thang, trần cao, hoàn toàn trần trụi: một hành lang dài dẫn đến một gian phòng nhỏ hình vuông có năm cửa mở vào ba buồng, một phòng tắm, một nhà bếp rộng mênh mông. Hai bao lơn nhìn ra một cảng cá nhỏ, vũng A trên con lạch phía nam, có vài điểm giống với cảng Saint-Tropez, và một cái phá mùi hôi thối. Họ đặt những bước chân đầu tiên trong khu phố Ả Rập, mua một cái giát giường lò-xo, một cái nệm bằng vải crin, ^[1] hai chiếc ghế bành mây, bốn chiếc ghế đẩu bằng thùng, hai cái bàn, một chiếc chiếu dệt bằng cỏ alfa màu vàng trang trí rất ít hoa văn màu đỏ.

Rồi Sylvie bắt đầu lên lớp. Họ ổn định dần từng ngày. Những chiếc rương của họ đến nơi sau chặng du hành rất chậm chạp. Họ dỡ sách vở, đĩa hát, máy hát, các đồ mỹ nghệ. Họ chế những chao đèn bằng các tờ giấy thấm lớn màu đỏ, màu xám, màu xanh. Họ mua những tấm ván dài được cưa cắt sơ sài, những viên gạch 12 lỗ và phủ kín hai phần ba các bức tường bằng những bộ ván giá. Họ dán trên khắp các tường hàng chục bức tranh in, và trên một tấm ván ở chỗ dễ thấy, là những tấm ảnh của tất cả bạn bè.

Đó là một chỗ ở buồn và lạnh lẽo. Các bức tường quá cao, phủ một lớp vôi màu vàng đất long lở từng mảng lớn, sàn nhà chỉ lát độc một loại gạch vuông không màu, không gian vô ích, tất cả đều quá to, quá trần trụi để họ có thể ở. Phải chi họ có đến năm hay sáu người, vài người bạn tốt, đang ăn, uống, nói năng. Nhưng họ chỉ có một mình, lạc lõng. Gian phòng ngoài, với chiếc giường trại lính phủ một tấm nệm nhỏ và một cái chăn sặc sỡ, với cái chiếu dày vút bên trên vài cái nệm, với nhất là những cuốn sách – dãy sách Pléiade, những xê-ri họa báo, bốn cuốn Tisé – những đồ mỹ nghệ, những đĩa hát, tấm bản đồ lớn các hải cảng, Lễ Hội Caroussel, tất cả những gì chẳng quá lâu trước đó đã trang hoàng một đời sống khác của họ, tất cả những gì, trong cái vũ trụ cát và đá này, đưa họ trở về con phố Quatrefoies, về cái cây xanh lâu đến thế, về những khu vườn nhỏ, gian phòng ngoài vẫn còn phân phát một hơi ấm nào đó: nằm sắp trên chiếu, một tách nhỏ xíu cà-phê pha kiểu Thổ ở bên cạnh, họ nghe *Bản Sonate tặng Kreutzer, Archiduc, Cô Gái và Thần Chết*, và như thế, trong căn phòng lớn ít đồ đạc này, gần như một gian hội trường, âm nhạc có được một âm vang đáng ngạc nhiên, bắt đầu lấp đầy nó và bỗng nhiên biến đổi nó: đó là một người khách, một người bạn rất thân, mất mặt từ lâu, ngẫu nhiên gặp lại, đến cùng dùng bữa với họ, nói với họ về Paris, trong buổi tối tháng mười một mát mẻ này, trong cái thành phố xa lạ này mà không có gì thuộc về họ, mà họ không cảm thấy thoải mái, đưa họ giật lùi trở lại, cho phép họ tìm thấy lại một cảm giác gần như đã quên đi mất về sự đồng lõa, về cuộc sống chung đụng, như thế, trong một chu vi hẹp – mặt chiếc chiếu, hai xê-ri ván giá sách, chiếc máy hát, vòng sáng cắt bởi cái chao đèn hình trụ – đã cảm rẽ và sống sót

được một vùng được che chở mà cả thời gian lẫn sự cách trở không thể làm hư hại. Nhưng xung quanh vùng ấy, là sự lưu đầy, là cái chưa biết: cái hành lang dài dội quá mạnh những bước chân, căn phòng mênh mông và giá lạnh, không thân thiện, với đồ đạc duy nhất là một chiếc giường rộng quá cứng có mùi thơm, với cây đèn khắp khiêng đặt trên một cái hòm cũ dùng làm bàn đầu giường, chiếc rương bằng mây đựng đầy khăn trải, chiếc ghế đầu chất đống những quần áo; căn thứ ba, không dùng vào việc gì, họ chẳng bao giờ vào. Rồi cầu thang bằng đá, lối vào rộng lớn thường xuyên bị đe dọa bởi cát; con phố: ba ngôi nhà hai tầng, một nhà trống vách để phơi khô bột biển, một mảnh đất hoang; thành phố ở xung quanh.

Chắc là ở Sfax họ đã sống tám tháng lạ lùng nhất trong cả đời mình.

Sfax, hải cảng và khu phố Âu của nó đã bị phá hủy trong chiến tranh, gồm có khoảng ba chục con phố cắt thẳng góc với nhau. Hai phố chính là đại lộ Bourguiba, chạy từ nhà ga đến Chợ Trung Tâm, họ sống ở gần đấy, và đại lộ Hedi-Chaker, chạy từ hải cảng đến khu phố Ả-rập. Giao điểm của hai đại lộ làm thành trung tâm của thành phố: ở đó có tòa thị chính, hai gian phòng ở tầng hầm chứa vài đồ gốm cũ và nửa tá tranh ghép mảnh, pho tượng và ngôi mộ của Heidi Chaker, người bị đảng Bàn Tay Đỏ ám sát ít lâu trước ngày Độc Lập, có quán Cà phê Tunis mà những người Ả-rập thường lui tới, và quán Cà-phê La Régence mà những người Âu thường lui tới, một khoảnh đất trồng hoa, một ki-ốt bán báo, một quầy thuốc lá lẻ.

Đi một vòng khu phố Âu mất hơn mười lăm phút một chút. Từ tòa nhà họ ở, đến trường kỹ thuật mất ba phút, đến chợ mất hai phút, đến nhà hàng mà bữa nào họ cũng tới ăn mất năm phút, đến quán Cà-phê La Régence mất sáu phút, cũng chừng ấy phút đến ngân hàng, thư viện thành phố, đến sáu trong số bảy rạp chiếu bóng. Bưu điện và nhà ga và trạm cho thuê xe hơi đi Tunis và Gabès cách xa dưới mười phút, là những giới hạn cuối cùng của những gì cần biết đủ để sống ở Sfax.

Khu phố Ả-rập, có công sự bảo vệ, cổ xưa và đẹp, trưng ra những tường thành màu xám nâu và những cái cổng phải nói một cách chính đáng là tuyệt vời. Họ thường vào trong đó, và lấy đó làm mục tiêu gần như đặc biệt của tất cả các cuộc đi dạo của mình, nhưng bởi vì đúng thật họ chỉ là những kẻ dạo chơi, nên họ luôn luôn vẫn là khách lạ. Họ không hiểu được những cơ chế đơn giản nhất của khu phố ấy, họ chỉ thấy ở đó một mê cung các con phố; họ ngược mắt ngắm nghía một cái bao lon bằng sắt uốn, một cái xà nhà sơn màu, vòng cung nhọn thuần khiết của một cửa sổ, một phối hợp tinh tế bóng tối và ánh sáng, một cầu thang chật hẹp cực độ, nhưng các cuộc dạo chơi của họ không có mục đích; họ đi vòng vòng, lúc nào cũng sợ bị lạc, mau chóng mệt mỏi. Rút cuộc, chẳng có gì thu hút họ trong sự kế tiếp nhau của những chái bán hàng khốn khổ, những hiệu tạp hóa gần như đồng nhất, những souk ^[2] tù túng, trong sự xen kẽ khó hiểu của những con phố lúc nhúc và những con phố trống không, trong cái đám đông mà họ không thấy được là đi về đâu.

Cái cảm giác xa lạ kia mạnh thêm, trở nên gần như bức bối khi mà, trước mặt là những buổi chiều dài trống rỗng, những chủ nhật buồn nản, họ băng qua khu phố Ả-rập hết chỗ này đến chỗ kia, và, ra khỏi khu Bab Jebli, họ tới những vùng ngoại ô bất tận của Sfax. Chạy dài nhiều ki-lô-mét, là các vườn nhỏ xíu, các bờ rào bằng cây vả Barbarie, các ngôi nhà bằng torchis, các túp lều bằng tôn và giấy bìa; rồi các phá mênh mông hoang vu và hôi thối, và tít tắp vô cùng, những cánh đồng ô-liu đầu tiên. Họ dề dề hàng mấy giờ liền: họ đi ngang trước mặt những trại lính, băng qua những bãi đất hoang, những vùng lầy bùn.

Và khi họ trở vào lại khu phố Âu, khi họ đi ngang trước rạp chiếu bóng Hillal hay trước mặt rạp chiếu bóng Nour, khi họ ngồi vào bàn ở quán La Régence, vỗ vào lòng bàn tay để gọi người hầu bàn, kêu một Coca-Cola hay một can bia nhỏ, mua tờ *Le Monde* mới nhất, huyết sáo gọi ông bán hàng rong lúc nào cũng mặc một chiếc áo blu dài màu trắng bẩn thỉu, đội một chiếc mũ chào mào bằng vải bố, để mua vài gói lạc, hạnh nhân rang, hạt điều và hạt thông lọng, khi ấy họ cảm

nhận được sự u sầu của kẻ đang ở nhà mình.

Họ bước đi bên những cây cọ xám xịt vì bụi; họ đi dọc theo những mặt tiền kiểu tân-Maure của những tòa nhà trên đại lộ Bourguiba; họ ném một cái nhìn mơ hồ vào những cửa kính xấu xí: những đồ đạc mỏng mảnh, những chân đèn bằng sắt uốn, những cái chăn ấm áp, những quyển vở học trò, những áo đầm đi phố, những đôi giày phụ nữ, những chai gaz butan: đó là thế giới duy nhất, thế giới thực sự của họ. Họ lê bước về nhà; Jérôme pha cà-phê trong những chiếc zazoua nhập từ Tiệp Khắc; Sylvie chữa một tập bài.

Lúc đầu Jérôme cũng thử tìm việc làm; anh đi Tunis nhiều lần và nhờ có vài bức thư giới thiệu xoay được từ bên Pháp, và dựa vào các bạn người Tunisie, anh đã gặp mấy viên chức thuộc Bộ Thông Tin, Đài Phát Thanh, Công ty Du Lịch, Bộ Giáo Dục. Mất công vô ích: ở Tunisie không có việc nghiên cứu động cơ, cũng không có những việc làm nửa ngày, và các công việc nhàn rỗi hiếm hoi thì được chiếm giữ quá chặt; anh không có nghiệp vụ; anh không phải kỹ sư, cũng chẳng phải kế toán, họa viên kỹ nghệ hay thầy thuốc. Người ta lại đề nghị anh làm thầy giáo tiểu học hay giám thị; anh không chịu nổi nữa: anh mau chóng buông hết hy vọng. Đồng lương của Sylvie cho phép họ sống nhỏ giọt: ở Sfax đó là lối sống phổ biến nhất.

Sylvie kiệt sức để làm học sinh hiểu được, theo đúng chương trình, những vẻ đẹp kín đáo của Malherbe hay Racine, các học sinh này lớn hơn cô và không biết viết. Jérôme bỏ phí thời gian. Anh bập vào những dự án khác nhau – chuẩn bị một kỳ thi xã hội học, tìm cách xếp đặt trật tự các ý tưởng về điện ảnh – nhưng không thể tiếp tục đến nơi đến chốn. Anh lê bước trên các phố, chân dân đôi giày Weston, xải bước trên bến cảng, lang thang trong chợ. Anh vào nhà bảo tàng, trao đổi vài lời với người bảo vệ, ngắm nghía một lúc một chiếc vỏ cổ hai quai, một đồng bia mộ, một bức tranh ghép mảnh: Daniel trong hố sù tử, Amphitrite cười cá heo. Anh đi xem một trận đấu quần vợt trên mảnh sân được dọn dẹp dưới chân tường thành, anh băng ngang khu phố Ả-rập, thơ thẩn trong các souk, nhắc xem những tấm vải, đồ đồng, yên ngựa. Anh mua tất cả các tờ nhật báo, chơi các ô chữ, mượn sách ở thư viện, viết cho bạn bè những bức thư hơi buồn bã và thường không có trả lời.

Thời khóa biểu của Sylvie giữ nhịp cho đời sống của họ. Tuần lễ của họ gồm có những ngày hên: ngày thứ hai, vì các chương trình phim thay mới, ngày thứ tư, vì buổi chiều được rảnh rỗi, ngày thứ sáu vì cả ngày rảnh rỗi và vì lại thay phim mới – và những ngày xui: các ngày còn lại. Ngày chủ nhật là một ngày vô thưởng vô phạt, buổi sáng dễ chịu – họ nằm rón trên giường, các tờ tuần báo từ Paris tới, buổi chiều thì dài, buổi tối ảm đạm, nếu không do ngẫu nhiên một bộ phim lôi cuốn họ, nhưng hiếm khi có hai phim đáng lưu ý, hay đơn giản là xem được, được chiếu trong cùng một nửa tuần lễ. Các tuần cứ thế trôi qua. Chúng kế tiếp nhau một cách đều đặn máy móc: bốn tuần làm nên một tháng, hay gần như thế; tất cả các tháng đều giống nhau. Các ngày, sau khi ngắn dần đi, trở nên dài dần ra. Mùa đông ẩm ướt, gần như lạnh. Cuộc sống của họ trôi đi.

Chương II

Nỗi cô đơn của họ là toàn phần.

Sfax là một thành phố bí hiểm. Có những ngày họ cảm thấy như không bao giờ có gì có thể lọt vào đó. Các cánh cửa không bao giờ mở. Có những người trong các phố buổi chiều, các đám đông chật ních đi đi lại lại, một con sóng gần như liên tục chảy dưới những vòm cuốn của đại lộ Hedi-Chaker, trước mặt Khách Sạn Mabrouk, trước Trung Tâm Tuyên Truyền Destour, trước rạp chiếu bóng Hillal, trước tiệm bánh ngọt Les Délices; những chỗ công cộng gần như đầy

người: các quán cà-phê, nhà hàng, rạp chiếu bóng; các gương mặt có những lúc có thể mang vẻ gần như thân thuộc. Nhưng khắp xung quanh, dọc bên cảng, dọc các tường thành, chỉ hơi ra xa một chút, là sự trống rỗng, là sự chết: bãi đất mênh mông đầy cát trắng trước tòa nhà thờ xấu xí bao quanh là những cây cọ lùn; đại lộ Picville hai bên là những bãi đất hoang, những ngôi nhà hai tầng; phố Mangolte, phố Fezzani, phố Abd-el-Kader Zghal, trần trụi và hoang vu, đen đúa và thẳng tắp, bị cát quét qua. Gió lay những cây cọ còi cọc: thân cây phình ra vì những vảy gỗ, từ đó nhú ra vài tàu lá hình quạt. Vô vàn con mèo trườn vào các thùng rác. Một con chó lông vàng thỉnh thoảng đi ngang, cà vào các bức tường, đuôi quắp lại giữa bốn chân.

Không một bóng người sống: đằng sau các cánh cửa lúc nào cũng đóng kín, chẳng có gì khác ngoài những hành lang trần trụi, những cầu thang bằng đá, những mảnh sân kín bụi. Những dãy phố cắt nhau thẳng góc, những bức màn sắt, những hàng giậu, một thế giới của những quảng trường giả, những con phố giả, những đại lộ ma. Họ bước đi, im lặng, mất hướng, và đôi khi họ có cảm tưởng tất cả chỉ là ảo ảnh, Sfax không tồn tại, không thở. Họ tìm xung quanh mình những dấu hiệu thông đồng. Chẳng có gì đáp lại. Đó là một cảm giác cô lập gần như đau đớn. Họ bị tước đoạt mất thế giới này, họ không tìm thấy mình trong đó, họ không thuộc về nó và sẽ không bao giờ thuộc về nó. Như thể có một trật tự rất cũ xưa đã được thiết lập, một lần là xong, một luật lệ nghiêm ngặt trục xuất họ: người ta sẽ để họ đi đâu tùy thích, người ta sẽ không quấy rối họ, người ta sẽ không nói năng với họ. Họ sẽ vẫn là những người không quen biết, những kẻ lạ. Những người Ý, người Malte, người Hy Lạp ở cảng sẽ im lặng nhìn họ đi ngang; những chủ trại ô-liu vận đồ trắng toát, với cặp kính gọng vàng, bước đi từng bước chậm rãi trên phố Bey, có người hầu theo sau, sẽ đi ngang bên cạnh mà không nhìn họ.

Họ chỉ có những quan hệ xa và thường là có khoảng cách với các đồng nghiệp của Sylvie. Các giảng viên chính thức người Pháp có vẻ không hoàn toàn ưa mấy người hợp đồng. Ngay cả những vị không để ý đến sự khác biệt ấy cũng khó tha thứ hơn cái việc Sylvie không được tạo nên theo hình ảnh của họ: họ những muốn cô là vợ giáo sư và bản thân là giáo sư, người phụ nữ tiểu tư sản tỉnh lẻ, đảng hoàng, chừng chạc, có văn hoá. Người ta đại diện cho nước Pháp mà. Tất nhiên có thể gọi là vẫn có hai nước Pháp – nước Pháp của các giáo sư khởi điểm, ham muốn tậu được một cách nhanh nhất một ngôi nhà nhỏ ở Angoulême, Béziers hay Tarbes; và nước Pháp của những người bắt phục tùng hay trốn quân dịch không tiếp xúc với loại người thứ ba là dân thực dân nhưng có thể tự cho phép mình khinh miệt người khác (nhưng đó là một loại người đang trên đường tiêu diệt: phần lớn những người ấy đã được đặc xá; những người khác sang định cư ở Algérie, ở Guinée), cả hai loại người dường như đều không sẵn sàng chấp nhận rằng người ta có thể ngồi ở hàng ghế đầu trong rạp chiếu bóng bên cạnh lũ nhóc bản xứ, hay lê gót bệ rác trên đường phố như một kẻ biếng lười, râu ria không cạo, ăn mặc lếch thếch. Chỉ có vài cuộc trao đổi sách, đĩa hát, vài cuộc tranh luận hiếm hoi trong quán La Régence, tất cả chỉ có thế. Không hề có một lời mời nồng nhiệt, không hề có tình bạn mãnh liệt: đó là một thứ không nảy nở ở Sfax. Mọi người tự co mình vào, trong những ngôi nhà quá rộng đối với họ.

Với những người khác, với các viên chức Pháp của Công Ty Sfax-Gafsa hay các công ty Dầu Hỏa, với những người Hồi Giáo, những người Do Thái, với những người Pháp bản địa, thì còn tệ hơn: các sự tiếp xúc đều không thể được. Có thể suốt cả một tuần lễ họ không nói chuyện với một ai.

Có thể dường như chẳng mấy chốc tất cả cuộc sống dừng lại trong họ. Thời gian qua đi, bất động. Chẳng còn gì nối kết họ với thế giới, nếu không là những tờ nhật báo lúc nào cũng quá cũ kỹ mà họ thậm chí cũng chẳng chắc chắn rằng chúng không phải chỉ là những lời dối trá thành kính, những kỷ niệm của một tiền kiếp, những hồi quang của một thế giới khác. Họ không còn các dự án, không còn kiên nhẫn; họ không còn chờ đợi gì hết, ngay cả những kỳ nghỉ bao giờ cũng quá xa xôi, ngay cả một sự trở về nước Pháp.

Họ không cảm nghiệm cả niềm vui lẫn nỗi buồn hay ngay cả sự nhàm chán, nhưng có thể có lúc họ tự hỏi mình có còn tồn tại hay chẳng, mình có tồn tại thực sự chẳng: họ không rút ra được từ câu hỏi làm nản lòng kia bất cứ một sự thỏa mãn riêng biệt nào, ngoài chút xiu này: đôi khi họ cảm thấy, một cách lơ mờ, một cách tối tăm, rằng cuộc sống này là phù hợp, thích đáng, và một cách nghịch lý, là cần thiết: họ ở giữa lòng sự trống rỗng, họ được đặt vào trong một *no man's land* ^[3] có những con phố thẳng tắp, có cát vàng, những phá, những cây cọ xám xịt, trong một thế giới mà họ không hiểu, mà họ không tìm để hiểu, vì chẳng bao giờ, trong cuộc sống đã qua của mình, họ từng tự chuẩn bị để phải có ngày tự thích ứng, tự biến đổi, tự nhào nặn theo một phong cảnh, một khí hậu, một lối sống: không lúc nào Sylvie lại giống một giáo sư như cô được coi là thế, và Jérôme, loăng quăng trên các phố, có thể cho cảm tưởng là anh đã mang theo tổ quốc của mình, hay đúng hơn, khu phố của mình, khu ổ chuột của mình, vùng đất của mình, dưới đế đôi giày Ang-lê; nhưng con phố Larbi-Zarouk mà họ đã chọn làm nơi ở, thậm chí chẳng có tòa thánh đường Hồi Giáo đã làm nên vinh quang của phố Quatrefoies, và ngoài ra, mặc dù đôi khi họ có cố gắng đến mấy để tưởng tượng, thì ở Sfax cũng không có cả phố Mac-Mahon, cả *Harry's bar*, cả *Bazar*, lẫn Contrescarpe, Salle Pleyel, *Những bờ sông Seine một đêm tháng sáu*, nhưng trong sự trống rỗng kia, đúng thật là bởi sự trống rỗng kia, bởi sự vắng mặt mọi thứ kia, khoảng chân không về căn bản kia, vùng đất trung tính kia, sự phá sạch sành sanh kia, mà họ cảm thấy mình tự thanh tẩy, họ tìm lại được một sự giản dị lớn lao hơn, một đức khiêm nhường thực thụ. Và, chắc chắn là, trong sự nghèo khó chung của nước Tunisie, thì cái nghèo của chính họ, sự phiền lòng của những cá nhân văn minh quen tắm vôi sen, đi xe hơi, uống nước đá, chẳng còn ý nghĩa bao nhiêu nữa.

Sylvie giảng bài, hỏi học sinh, chữa bài. Jérôme đi đến thư viện thành phố, đọc những cuốn sách tình cờ: Borgès, Troyat, Zeraffa. Họ ăn ở một nhà hàng nhỏ, gần như ngày nào cũng ngồi một cái bàn ấy: xà lách cá ngừ, cá lát rắc vụn bánh, hay thịt xiên, hay cá bơn làm vàng mặt, hoa quả. Họ đến La Régence uống một ly cà phê pha nhanh kèm một cốc nước mát. Họ đọc hàng đồng báo, họ xem các bộ phim, họ lê gót trên các phố.

Cuộc sống của họ giống như một thói quen quá dài, như một sự nhàm chán gần như thanh thản: một cuộc sống không có cái gì hết.

Chương III

Bắt đầu từ tháng tư, họ làm vài chuyến du lịch nho nhỏ. Đôi khi, được nghỉ ba bốn ngày và không kẹt tiền quá, họ thuê một chiếc xe và đi về phương Nam. Hoặc giả, ngày thứ bảy, vào sáu giờ chiều, một chiếc xe taxi tập thể đưa họ đến Sousse hay Tunis cho tới trưa ngày thứ hai tuần sau.

Họ tìm cách trốn khỏi Sfax, khỏi những con phố buồn tẻ, khỏi sự trống rỗng của nó, và tìm trong các toàn cảnh, các chân trời, các phế tích, một cái gì đó làm cho họ choáng váng, ngây ngất, những vẻ huy hoàng nồng nhiệt trả thù cho họ. Đôi khi sự tìm kiếm của họ được tưởng thưởng bằng những tàn tích của một cung điện, một ngôi đền, một nhà hát, một ốc đảo xanh tươi được phát hiện từ trên một đỉnh núi, một bãi biển dài cát mịn trải hình vòng cung từ đầu này tới đầu kia chân trời. Nhưng thường nhất là họ chỉ rời Sfax để rồi thấy lại ở cách xa vài trăm ki-lô-mét cũng những con phố buồn tẻ ấy, cũng những cái chợ lúc nhúc và khó hiểu ấy, cũng những phá ấy, những cây cọ xấu xí ấy, sự cần cỗi ấy.

Họ đã thấy Gabès, Tozeur, Nefta, Gafsa và Metlaoui, các phế tích ở Sheiba, Kasserine, Thélépte; họ băng qua những thành phố chết mà tên tuổi xưa kia đối với họ có vẻ mê hoặc: Maharès, Moularès, Matmata, Médénine; họ đi dần tới tận biên giới Lybie.

Ở đó, chạy dài nhiều ki-lô-mét, là một vùng đất lổn nhổn đá và xám xịt, không thể cư trú. Chẳng có gì mọc được, nếu không là những túm cỏ gầy gầy như vàng vọt, thân nhọn sắc. Họ như thấy mình lẫn bánh trong suốt nhiều giờ, giữa một đám mây bụi, dọc theo một con đường mà họ chỉ nhận ra được nhờ những lối mòn cũ, hay những vết bánh xe bị xoá dờ dang, không có chân trời nào ngoài những quả đồi mềm mại màu xám nhạt, chẳng gặp gì nếu không là đôi khi một bộ xương lừa, một chiếc bi-đông cũ rỉ, một đồng đá sứt lở có thể đã từng là một ngôi nhà.

Hoặc giả, theo một con đường có cột mốc, nhưng sứt hỏng và có những lúc gần như nguy hiểm, họ băng qua những bãi hồ mặn rộng mênh mông, ở đó, trải đến hút tầm mắt về phía hai bên đường, một lớp vảy trắng nhờ lấp lánh trong nắng, tạo nên những lung linh mờ tỏ ở chân trời có những lúc gần giống như những ảo ảnh, những làn sóng ào ạt, những tường thành có lỗ châu mai. Họ dừng xe và đi bộ vài bước. Dưới lớp vảy muối, những phiến đất sét khô nứt rạn, màu nâu nhạt, đôi khi lún xuống, nhường chỗ cho những vùng màu tối hơn toàn bùn đặc, dẻo, gần sứt chân.

Những con lạc đà trụi lông vương víu trong xích chân, hất mạnh đầu dứt lá một cái cây vắn vẹo lạ lùng, vươn cái môi trề ngu xuẩn ra đường, những con chó ghẻ, nửa hoang dại, chạy vòng tròn, những tường thành sứt vỡ bằng đá khô khốc, những con dê lông đen dài, những chiếc lều thấp làm bằng các tấm chăn vá báo hiệu các làng mạc và thành phố: một chuỗi dài những ngôi nhà vuông vắn, không có lầu, mặt nhà màu trắng bẩn, tháp hình vuông của một chòi canh, vòm mái của một ngôi mộ đạo sĩ Hồi Giáo. Họ vượt qua một người nông dân lon tòn bên con lừa của ông ta, dừng lại trước cái khách sạn độc nhất.

Ngồi xổm dưới chân một bức tường, ba người đàn ông ăn bánh mì nhúng trong một ít dầu. Những đứa trẻ chạy chơi. Đôi khi một người đàn bà, toàn thân bọc trong một tấm voan màu đen hoặc tím che cả hai mắt lướt đi từ nhà này sang nhà kia. Những hàng hiên của hai quán cà phê tràn cả ra phố. Một cái loa phóng thanh phát ra khúc nhạc Ả-Rập: những điệu ngân nga chói tai, lặp đi lặp lại, được dàn đồng ca nhắc lại, những điệu lải nhải của một cây sáo chua loét, những tiếng gặt của trống cơm và đàn xi-ta. Những người đàn ông ngồi trong bóng mát, uống các cốc trà nhỏ, chơi đô-mi-nô.

Họ đi men những bể nước mưa đồ sộ và theo một lối đi khó khăn, đến được các phế tích: bốn cái cột cao bảy mét không còn chống đỡ gì nữa, những ngôi nhà sụp mà sơ đồ còn nguyên vẹn, vớی dấu vết vuông vắn của mỗi căn phòng ăn sâu vào đất, những bậc thang đứt đoạn, những hầm nhà, những phố lát đá, những di tích của cái cống thoát nước. Và những kẻ mạo xưng là hướng dẫn viên chào họ mua những con cá nhỏ bằng bạc, những món đồ thủ công quét màu gỉ đồng, những pho tượng nhỏ bằng đất nung.

Rồi trước lúc ra đi trở lại, họ vào các chợ, các souk. Họ lạc trong mê cung các hành lang bán hàng, các ngõ cụt và lối xuyên ngang. Một người thợ cạo cạo râu giữa trời, bên cạnh một đồng chất cao những chiếc bình lạnh. Một con lừa thồ hai cái sọt hình nón bện bằng dây thừng, đựng đầy ớt bột. Trong souk vàng bạc, souk vải, những người bán hàng ngồi xếp bằng trên những chông chần, hai chân trần, giở ra trước mặt mình các tấm thảm bằng len sợi dài và những tấm thảm lông cụt, mời chào họ những áo burnou ^[4] bằng len đỏ, những tấm vải choàng bằng len và lụa, yên ngựa bằng da thêu chỉ bạc, khay bằng đồng dập nổi, đồ gỗ gia công, vũ khí, nhạc cụ, đồ trang sức nho nhỏ, những khăn san thêu chỉ vàng, những tờ giấy da bê trang hoàng các đường uốn lượn lớn.

Họ không mua gì hết. Có lẽ một phần vì họ không biết mua và ngại phải trả giá, nhưng trên hết là vì họ không cảm thấy bị lôi cuốn. Chẳng có cái nào trong số các món đồ ấy, cho dù đôi khi rất lộng lẫy, cho họ được ấn tượng về sự giàu có. Họ đi qua, thấy hay hay hoặc thờ ơ, nhưng tất cả

những cái họ nhìn thấy vẫn cứ xa lạ, thuộc về một thế giới khác, không liên quan đến họ. Và từ những chuyến đi ấy họ chỉ mang về những hình ảnh của trống rỗng, của khô hạn: những trắng cây hoang vắng, những thảo nguyên, những phá, một thế giới khoáng chất không gì mọc được ở đó: thế giới của sự cô đơn của chính họ, của sự căn cỗi của chính họ.

Thế mà chính ở Tunisie, có một ngày họ đã thấy ngôi nhà trong mộng của mình, chỗ ở đẹp nhất trong mọi chỗ ở. Đó là ở Hammamet, tại nhà một đôi vợ chồng người Anh tuổi xế chiều chia xẻ thời gian giữa Tunisie và miền Florence và dường như coi việc đãi khách là biện pháp duy nhất để khỏi chết rầu vì mãi ngó mặt nhau. Cùng lúc với Jérôme và Sylvie, có tới một tá khách mời. Bầu không khí phù phiếm và thậm chí thường làm bức mình; các trò chơi nhỏ nhỏ cho đông người, các ván bài bridge, bài canasta, xen kẽ những cuộc trò chuyện hơi học làm sang trong đó các câu chuyện ngồi lê đôi mách chưa cũ kỹ lắm truyền trực tiếp từ thủ đô các nước phương tây sang làm nảy sinh những lời bình luận sành sỏi và thường quyết đoán (tôi rất thích ông ta và việc ông ta làm rất tốt...).

Nhưng ngôi nhà là một thiên đường hạ giới. Ở giữa một bãi cỏ rộng đồ nghiêng nghiêng về phía một bãi biển cát mịn, là một kiến trúc cổ, kiểu địa phương, khá nhỏ, không có lầu, được phát triển từ năm này sang năm khác, trở thành tâm điểm của một chùm đình tạ đủ mọi kích cỡ và kiểu dáng, tiểu đình, vòm Hồi Giáo, bungalow, ^[5] bao quanh là các hàng hiên, rải khắp vườn và nối với nhau bằng những hành lang có rào thưa. Có một gian phòng thập giác kín bùng chỉ hở một cửa ra vào nhỏ và hai lỗ châu mai hẹp, tường dày phủ đầy sách, tối tăm và mát rượi như một nhà mồ; có những căn nhỏ xiu, quét vôi trắng toát như các phòng tu kín, đồ đạc duy nhất là hai chiếc ghế bành kiểu Sahara, một cái bàn thấp; những căn khác dài, thấp và hẹp, trải chiếu dày, những căn khác nữa bài trí kiểu Anh, với các con chạch ở khuôn cửa và các lò sưởi hoành tráng, hai bên là hai chiếc ghế bành đối diện nhau. Trong các khu vườn, giữa những cây chanh, cam, hạnh, uốn lượn các lối đi bằng đá hoa trắng viền hai bên bằng những khúc cột, những tượng cổ. Có các suối và thác, các động giả sơn, các bể nước phủ đầy hoa súng to màu trắng, giữa những bông hoa đôi khi lướt nhanh các đường xọc ánh bạc của các con cá. Những con công đi dạo tự do, như trong các giấc mơ của họ. Những vòm tràn ngập hoa hồng dẫn vào các ổ cây cối xanh tươi.

Nhưng có lẽ đã muộn mất rồi. Ba ngày ở Hammamet đã không lay nổi họ ra khỏi sự dờ dẫm. Họ cảm thấy như sự sang trọng, dễ chịu kia, sự đầy dẫy những đồ vật trưng ra kia, sự hiển nhiên tức thì của cái đẹp kia không còn liên quan tới họ nữa. Xưa kia thì họ có thể bị đầy dọa vì những miếng gạch vuông sơn màu trong buồng tắm, vì những tia nước phun trong vườn, vì tấm thảm lát sàn trong tiền sảnh, vì những tấm ván gỗ sồi trong thư viện, vì những đồ sứ, bình hoa, thảm. Họ chào chúng như chào một kỷ niệm; họ không trở nên vô cảm đối với chúng, nhưng không hiểu chúng nữa; họ thiếu những điểm mốc. Có lẽ chính ở xứ Tunisie-kia, xứ Tunisie có nền văn hoá toàn cầu với những di tích quý giá, với khí hậu dễ chịu, với đời sống đẹp như tranh vẽ và nhiều sắc màu, mới là nơi họ dễ sống yên ổn nhất. Có lẽ chính cái đời-sống-kia mới là điều ngày xưa họ mơ ước: nhưng họ chỉ trở thành những người dân thành Sfax, những dân tỉnh lẻ, những kẻ lưu vong.

Thế giới không kỷ niệm, không ký ức. Thời gian lại trôi qua, những ngày và những tuần hoang vắng, không đáng kể. Họ không còn nổi giận vì ghen ghét nữa. Thế giới lãnh đạm. Những đoàn tàu hỏa đến, những tàu biển cập cảng, đổ vào bờ các máy công cụ, thuốc men, các ổ bi, chất lên phosphat, dầu. Những xe tải chở rơm băng ngang thành phố, đến miền Nam nơi sự đói kém ngự trị. Cuộc sống của họ tiếp tục, không thay đổi: những giờ lên lớp, những ly cà phê pha nhanh ở quán La Régence, những bộ phim cũ buổi chiều, những tờ nhật báo, những ô chữ. Họ là những kẻ mộng du. Họ không còn biết mình muốn gì nữa. Họ là những kẻ bị biếm truất.

Bây giờ họ cảm thấy xưa kia – và cái Xưa Kia ấy mỗi ngày lại lùi sâu vào thời gian, như thể câu chuyện trước đây của họ bập bênh trong truyền thuyết, trong cái phi thực hay trong cái bất

định dạng – xưa kia ít ra họ cũng có sự cuồng nhiệt muốn sở hữu. Sự đòi hỏi ấy thường đã thay cho sự sống của họ.

Họ đã cảm thấy mình vươn lên phía trước, sốt ruột, bị dày vò bởi những dục vọng.

Thế rồi sao nữa? Họ đã làm gì? Chuyện gì đã xảy ra?

Điều gì đó giống như một bi kịch bình thường, rất êm ái, làm tổ trong lòng cuộc sống đã chậm lại của họ. Họ bị lạc trong những đồng hồ nát của một giấc mơ cũ, trong những mảnh vụn không hình dạng.

Chẳng còn lại gì nữa. Họ đã kiệt sức, đã đi hết chặng đường mập mờ từng là cuộc đời mình trong vòng sáu năm, đi hết cuộc tìm kiếm bất định không đưa họ đến đâu, không dạy cho họ điều gì.

Vĩ thanh

Tất cả có thể cứ tiếp tục như thế. Họ có thể ở lại đây suốt đời. Jérôme, đến lượt mình, sẽ nhận một chỗ làm. Họ sẽ không thiếu tiền. Cuối cùng người ta rất có thể bổ nhiệm họ ở Tunis. Họ sẽ có các bạn bè mới. Họ sẽ mua một chiếc xe hơi. Họ sẽ có, ở La Marsa, ở Sidi-Bou-Said, ở El Manza' một biệt thự đẹp, một ngôi vườn lớn.

Nhưng họ sẽ không dễ dàng thoát ra khỏi câu chuyện của mình. Thời gian lại một lần nữa làm việc thay cho họ. Năm học sẽ kết thúc. Hơi nóng sẽ trở nên dễ chịu. Cả ngày Jérôme sẽ ở ngoài bãi biển và Sylvie hết giờ dạy sẽ đến đây đón anh. Đó sẽ là những bài tập làm văn cuối cùng. Họ sẽ âu sầu nhớ Paris, nhớ mùa xuân trên những bờ sông Seine, nhớ cái cây nở đầy hoa của họ, nhớ đại lộ Champs-Élysées, nhớ quảng trường Vosges. Họ sẽ cảm động nhớ lại sự tự do yêu quý của mình, những buổi sáng ngủ nướng, những bữa ăn dưới ánh nến. Và bạn bè sẽ dự kiến cho họ những kỳ nghỉ: một ngôi nhà lớn ở Touraine, một bữa ăn ngon, những cuộc đi chơi vùng đồng quê:

Nếu như chúng ta trở về, người nọ nói.

Tất cả lại có thể như xưa, người kia nói.

Họ sẽ dọn hành lý. Họ sẽ xếp những cuốn sách, những tranh khắc, những bức ảnh bạn bè, sẽ vứt đi vô số giấy tờ, sẽ đem cho hàng xóm đồ đạc, các tấm ván xẻ dổi, các viên gạch 12 lỗ, sẽ gửi rương hòm đi. Họ sẽ đếm từng ngày, từng giờ, từng phút.

Trong những giờ cuối cùng ở Sfax, họ sẽ nghiêm trang thực hiện cuộc dạo chơi mang tính nghi thức của mình. Họ sẽ băng qua khu chợ trung tâm, sẽ đi dọc bến cảng một lúc, sẽ ngắm nghĩa như mọi ngày những đồng bọ biển phơi khô trong nắng, sẽ đi qua trước mặt hàng thịt Ý, trước mặt Khách Sạn Cây Ô-liu, trước mặt thư viện đô thành, rồi, quay ngược trở lại theo đại lộ Bourguiba, sẽ đi men ngôi nhà thờ xấu xí, sẽ rẽ sang trước mặt ngôi trường trung học, ở đó, lần cuối cùng họ chào như mọi ngày Ô.Tổng giám thị Michri đang đi bách bộ trước cổng trường, sẽ đi theo phố Victor Hugo, sẽ đi qua lần chót trước mặt nhà hàng quen thuộc, trước mặt nhà thờ Hy Lạp. Rồi họ sẽ vào khu phố Á-rập qua cổng Bab Diwan, sẽ tới những dãy cuốn của đại lộ Hedi-Chaker, sẽ đi men nhà hát, hai rạp chiếu bóng, nhà ngân hàng, sẽ uống một ly cà-phê cuối cùng ở quán La Régence, sẽ mua những điều thuốc lá cuối cùng, những tờ báo cuối cùng.

Hai phút sau, họ sẽ ngồi trong một chiếc 403 cho thuê, sẵn sàng ra đi. Va-li của họ đã cột trên nóc xe từ lâu. Họ sẽ ghì chặt vào ngực tiền bạc, vé tàu thủy và tàu hỏa, thẻ đăng ký.

Xe sẽ từ từ chuyển bánh. Lúc 5 giờ rưỡi chiều, vào đầu mùa hạ, Sfax sẽ thực sự là một thành phố rất đẹp. Các tòa nhà sạch bong của nó lung linh trong nắng. Các tháp và tường thành có lỗ châu mai của khu phố Ả-rập đầy đáng vẻ tự hào. Những hướng đạo sinh, quần áo toàn màu đỏ và trắng, bước nhịp nhàn nhàn đi qua. Những lá cờ đại, nền đỏ trắng lưỡi liềm trắng của Tunisie, xanh và đỏ của Algérie, phấp phới trong gió nhẹ.

Một chút biển, xanh ngắt, những công trường lớn đang thi công, những vùng ngoại ô bất tận ngổn ngang nào lừa, nào trẻ con, nào xe đạp, rồi những cánh đồng ô-liu bất tận. Rồi con lộ: Sakietes-Zit, El Djem và nhà hát lộ thiên của nó, Msaken, thành phố của những kẻ cắp xấu xa, Sousse và mặt trông ra biển chen chúc người ở, Enfidaville và những ruộng ô-liu bất tận, Bir bou Rekba và các quán cà-phê, hoa quả, lò gốm, Grombalia, Potinville với những đồng nho tràn ngập các quả đồi, Hammam Lif, rồi một đoạn đường ô-tô, những ngoại ô kỹ nghệ, những xưởng xà bông; những nhà máy xi măng: Tunis.

Họ sẽ tắm rất lâu ở Carthage, giữa những phế tích, ở La Marsa; họ sẽ đi đến tận Utique, Kelibia, Nabeul, ở đây họ sẽ mua các đồ gốm, đến La Goulette, trong đêm khuya họ sẽ ăn những con cá tráp lạ thường.

Rồi một buổi sáng, lúc 6 giờ, họ sẽ có mặt ở cảng. Những thao tác lên tàu sẽ dài và chán ngắt; họ sẽ khó khăn tìm một chỗ trên boong để đặt những chiếc ghế tựa dài của mình.

Chuyến vượt biển sẽ không xảy ra chuyện gì. Ở Marseille, họ sẽ uống một ly cà-phê sữa với bánh sừng bò. Họ sẽ mua tờ *Le Monde* ngày hôm qua và tờ *Libération*. Trên tàu hỏa, tiếng bánh xe sẽ đệm nhịp những bài ca chiến thắng, khúc Alleluia hay Messie, những ca khúc khải hoàn. Họ sẽ đếm từng ki-lô-mét; họ sẽ ngây ngất trước đồng quê nước Pháp, những cánh đồng lúa mì, những rừng cây xanh, những bãi chăn thả và những thung lũng của nó.

Họ sẽ tới nơi vào lúc 11 giờ đêm. Tất cả các bạn đều đợi họ. Các bạn sẽ ngây ngất vì vẻ vui tươi của họ; họ sẽ đổ au như những du khách vĩ đại, và đội những chiếc mũ to bên rơm. Họ sẽ kể về Sfax, về hoang mạc, những phế tích tuyệt đẹp, sinh hoạt không đắt đỏ, biển xanh ngắt. Mọi người sẽ kéo họ tới quán *Harry's*. Họ sẽ say xỉn ngay lập tức. Họ sẽ sung sướng.

Vậy là họ sẽ trở về, và như thế sẽ tệ hơn. Họ sẽ thấy lại con phố Quatrefages, cái cây thật đẹp của nó, và căn hộ nhỏ thật duyên dáng với cái trần nhà thấp, cửa sổ che màn màu đỏ và cửa sổ che màn màu xanh, những cuốn sách tốt cũ kỹ, những chồng báo, cái giường chật hẹp, nhà bếp nhỏ xíu, sự lộn xộn của nó.

Họ sẽ thấy lại Paris và đó sẽ là một ngày hội thực sự. Họ sẽ đi thơ thẩn dọc sông Seine, trong các vườn của Hoàng Cung, trong các phố của khu Saint-Germain. Và, mỗi đêm, trong những phố sáng trưng, các mặt hàng lại sẽ là lời mời chào kỳ diệu. Những cái sạp oằn xuống dưới đồng thực phẩm. Họ sẽ chen chúc giữa đám hỗn độn của các nhà bách hóa lớn. Họ sẽ thực tay vào các đồng tơ lụa, sẽ vuốt ve những lọ nước hoa nặng, và mơn man những chiếc cà-vạt.

Họ sẽ thử sống như trước kia. Họ sẽ bắt liên lạc lại với các hãng trước đây. Nhưng những sự mê hoặc sẽ tan vỡ. Họ sẽ lại ngọt nhạt. Họ sẽ ngỡ mình chết vì sự nhỏ mọn, chật chội.

Họ sẽ ước mơ của cái. Họ sẽ nhìn trong các rãnh bên đường hy vọng tìm thấy một chiếc bóp căng phồng, một tờ ngân phiếu, một đồng trăm quan, một vé xe điện ngầm.

Họ sẽ mơ chạy trốn về nông thôn. Họ sẽ mơ Sfax.

Họ sẽ không chịu đựng nổi lâu.

Thế là một ngày – họ đã chẳng luôn luôn biết rằng cái ngày ấy sẽ tới đó sao? – họ sẽ quyết định chấm dứt, một lần cho xong, như những người khác. Các bạn của họ, được báo động, sẽ tìm việc cho họ. Người ta sẽ giới thiệu họ tới nhiều hãng. Họ sẽ viết, lòng đầy hy vọng, những bản lý lịch cá nhân được cân nhắc rất cẩn thận. Cơ may – nhưng đó không phải chính xác là cơ may – sẽ đến với họ. Những quá trình phục vụ của họ, mặc dù không đều đặn, sẽ nhận được sự chú ý đặc biệt. Người ta sẽ triệu tập họ. Họ sẽ biết tìm những lời lẽ cần thiết để làm người ta hài lòng.

Và như thế, sau vài năm sống lang bạt, mệt mỏi vì thiếu tiền, mệt mỏi vì tính toán và vì tự trách mình tính toán, Jérôme và Sylvie sẽ chấp nhận – có thể với lòng biết ơn – cương vị phụ trách kèm theo khoản tiền lương có thể được coi như ngon lành mà một đại gia trong ngành quảng cáo dành cho họ.

Họ sẽ đi Bordeaux nhận phụ trách một đại lý. Họ sẽ chuẩn bị cẩn thận cho cuộc khởi hành. Họ sẽ thu xếp căn hộ của mình, cho sơn lại, tổng khử những đồng sách, những bao khăn vải, những chồng bát đĩa đã luôn luôn quấy rầy họ, họ thường thấy ngạt thở dưới những thứ ấy. Và, gần như không tự nhận ra điều ấy, họ sẽ lang thang trong cái căn hộ hai buồng kia, họ vẫn thường bảo là trong ấy thì chẳng thể làm được gì, mà trước tiên là chẳng thể lang thang. Họ sẽ nhìn thấy nó, lần đầu tiên, đúng như họ những muốn luôn luôn thấy nó, cuối cùng được sơn phết lại, sáng ngời vì trắng bóc, sạch sẽ, không một hạt bụi, không tí vết, không nứt nẻ, không rách, với cái trần nhà thấp, mảnh sân quê mùa, cái cây ngoạn mục mà chẳng bao lâu, cũng như chính họ xưa kia, sẽ có những người thuê nhà tương lai ngầy ngất trước nó.

Họ sẽ bán các cuốn sách của mình cho các hàng sách cũ, bán những quần áo không ra hồn của mình cho những người bán quần áo cũ. Họ sẽ chạy đi tìm các tiệm may, tiệm thời trang nữ, tiệm sơ-mi. Họ sẽ đóng các rương hòm.

Cái đó sẽ không phải thực sự là kho của. Họ sẽ không phải là chủ tịch-tổng giám đốc. Họ bao giờ cũng chỉ vận dụng những bạc triệu của người khác. Người ta sẽ để cho họ vài mảnh vụn, cho tiện nghi, cho những chiếc áo sơ-mi lụa, cho những đôi găng tay bằng da lợn lòi hun. Họ sẽ trông ra dáng. Họ sẽ được ăn tốt, mặc tốt, ở tốt. Họ sẽ không có gì để hối tiếc.

Họ sẽ có chiếc đi-văng Chesterfield của mình, những chiếc ghế bành bằng da tự nhiên mềm và thanh nhã như ghế ngồi trên xe hơi Ý, những cái bàn kiểu thôn quê, những cái giá, những tấm thảm lót sàn, những tủ sách bằng gỗ sồi màu nhạt của mình.

Họ sẽ có những phòng rộng thênh thang và trống không, sáng bừng, những lối thông thoáng dang, những bức tường bằng kính, những tầm nhìn không bị che lấp. Họ sẽ có những đồ sứ, những bộ đồ ăn bằng bạc, những khăn trải bàn bằng đăng-ten, những bìa sách sang trọng bằng da màu đỏ.

Họ chưa tới ba mươi. Họ sẽ có cả cuộc đời trước mặt.

Họ sẽ rời Paris vào một đầu tháng chín. Họ sẽ gần như có một mình trong một toa tàu hạng nhất. Gần như ngay lập tức, con tàu tăng tốc độ. Toa tàu bằng nhôm đu đưa êm ái.

Họ sẽ ra đi. Họ sẽ bỏ rơi tất cả. Họ sẽ đi trốn. Sẽ chẳng gì có thể giữ họ lại.

“Em có nhớ không?” Jérôme sẽ nói. Và họ sẽ khơi lại thời quá khứ, những ngày tối tăm, tuổi trẻ của họ, những buổi gặp gỡ đầu tiên, những cuộc điều tra đầu tiên của họ, cái cây trong sân ở phố Quatrefages, những người bạn biến mất tăm, những bữa ăn thân thiện. Họ sẽ nhìn thấy lại chính mình băng ngang Paris tìm kiếm những điều thuốc lá, và dừng chân trước cửa các tiệm đồ cổ. Họ sẽ làm sống lại những ngày xa xưa ở Sfax, cái chết chậm chậm, sự trở về gần như khái hoàn của mình.

“Và bây giờ thì đây,” Sylvie sẽ nói. Và điều ấy họ sẽ cảm thấy gần như tự nhiên.

Họ sẽ cảm thấy thoải mái trong bộ quần áo nhẹ nhõm của mình. Họ sẽ ung dung trong khoang tàu vắng người. Đồng quê nước Pháp sẽ đi qua. Họ sẽ im lặng ngắm những cánh đồng lúa mì chín bát ngát, những bộ khung trần trụi của các cột điện cao thế.

Họ sẽ nhìn thấy những nhà máy bột, những xưởng máy gần như bánh chọe, những trại hè rộng lớn, những đập nước, những ngôi nhà nhỏ bé đơn độc giữa cánh rừng thưa. Những đứa trẻ chạy trên một con lộ màu trắng.

Chuyến du hành sẽ dễ chịu rất lâu. Vào quăng trưa, họ sẽ uể oải tiến về toa ăn. Họ sẽ ngồi xuống bên một cửa sổ, đối diện nhau. Họ sẽ gọi hai ly rượu whisky. Họ sẽ nhìn nhau lần cuối, với một tiếng thở dài đồng lõa. Vải trải bàn giá lạnh, những bộ đồ ăn to xù được đánh dấu bằng biểu hiệu của Toa Nằm, những chiếc đĩa dày có gắn phù hiệu, dường như dạo đầu cho một bữa tiệc sang trọng. Nhưng bữa ăn mà người ta dọn cho họ sẽ hoàn toàn nhạt nhẽo.

Phương tiện là bộ phận của chân lý, không kém gì kết quả. Việc nghiên cứu chân lý bản thân nó cũng phải chân thực; sự nghiên cứu chân thực chính là chân lý được khai triển, mà những thành phần rời rạc của chân lý sẽ tập hợp trong kết quả.

KARL MARX

Đôi lời về tác giả

Georges Pérec ra đời tại Paris ngày 7 tháng 3 năm 1936, trong một gia đình Ba Lan di trú, cha gốc Do Thái, mẹ gốc Ba Lan.

Tuổi thơ của anh thật nhiều bất hạnh. Cha anh, lính tình nguyện trong Thế chiến thứ hai, đã chết vì thương tích ở bụng ngay những ngày đầu cuộc chiến, mẹ anh bị phát xít Đức bắt trong một cuộc càn quét rồi chết trong trại tập trung Auschwitz. Ba người trong thế hệ ông bà của anh chết trên đường lưu đày. Sau chiến tranh, Pérec được người cô ruột nuôi dạy. Từ năm mười tuổi đến khi trưởng thành, anh đã có những thời kỳ khó khăn, có lúc bỏ nhà đi “bụi đời,” phải trải qua một kỳ trị liệu ngắn với nhà nữ phân tâm học chuyên về trẻ em F. Dolto. Sau khi tốt nghiệp bậc trung học, Pérec theo học dở dang ngành Sử ở đại học, rồi kiếm được gần như một cách ngẫu nhiên một chứng chỉ xã hội học ở Tunis (dấu ấn của thời kỳ này, cũng như hai năm sống ở Sfax về sau, có thể thấy rõ trong tiểu thuyết *Đồ vật*). Anh thực hiện nghĩa vụ quân sự trong binh chủng nhảy dù, trong thời gian ấy anh tìm cách dành thời gian cho việc viết lách,

và sau tuổi 18, mộng tưởng văn chương chiếm vị trí duy nhất đáng kể trong anh.

Từ đấy, đời anh xoay quanh việc sáng tác tiểu thuyết (ba bản thảo đầu tiên đều bị các nhà xuất bản từ chối và không bao giờ được ra đời) và xây dựng một dự án xuất bản tạp chí *La Ligne générale*, tuy không thành công nhưng đã giúp anh xác định rõ các ý tưởng của mình về văn học. *Đồ vật* (Les choses) là sự cất cánh của Georges Pérec, giạt giải Renaudot năm 1965, khi đó anh 29 tuổi (Renaudot là giải thưởng văn học uy tín của Pháp, chỉ thua giải Goncourt, được lập từ năm 1925, lấy tên thầy thuốc kiêm nhà báo Théophraste Renaudot 1586-1653). *Đồ vật* là cuốn truyện có số trang khiêm tốn nhưng tác giả của nó đã lao tâm khổ trí trong khoảng năm năm để hoàn tất. Nó đã lập tức đem đến cho Georges Pérec tư cách nhà văn và chứng nhân của sự khó khăn để tồn tại trong những năm 60.

“...Cuộc đời là một nghị lực đáng kể,” câu trả lời phỏng vấn báo chí của Pérec vài tháng trước khi qua đời, có thể giúp ta hiểu cách thức làm việc của nhà văn, một “nghệ nhân chu đáo,” hăm hở và cần mẫn trong từng chi tiết nhỏ nhất. Điều ấy thật hợp với những công việc Pérec làm để sống: phụ trách tư liệu trong một cơ sở nghiên cứu y khoa, hay phụ trách “Ô chữ” hàng tuần cho tờ *Le Point*. Nó cũng chi phối bút pháp của ông trong những tiểu thuyết như *Đồ vật*, *Cuộc sống cách thức sử dụng* (La vie mode d'emploi). Cuốn tiểu thuyết dài hơi vừa nói được xuất bản năm 1978, đoạt giải thưởng Médicis năm ấy.

Cuối năm 1981, Pérec biết mình bị ung thư phổi. Chỉ vài tháng sau, bạo bệnh đã cướp đi của văn học Pháp một tài năng đang nảy nở. Ông chết trên giường bệnh viện ngày 3 tháng 3 năm 1982, để lại bản thảo dở dang của cuốn tiểu thuyết *Năm mươi ba ngày* (Cinquante-trois Jours).

Năm 1984, tiểu hành tinh số 2817 được đặt tên “Pérec.”

[1]Vải dệt bằng sợi lông đuôi ngựa thô.

[2]Souk (tiếng Ả-rập): kiểu chợ có mái che ở các xứ Ả-rập.

[3]No man's land (tiếng Anh): mảnh đất hoang không thuộc sở hữu của ai, hoặc vùng đất giữa hai chiến tuyến.

[4]Burnou: áo choàng len rộng có mũ của người Ả-rập.

[5]Bungalow (tiếng Anh): nhà thấp có thềm xung quanh, hoặc nhà hóng mát bằng vật liệu nhẹ.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>